

Số 187

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Chuyện đời
khó nói
Tr. 38

**Ngôn từ
và
trách nhiệm**
Tr. 32

*Giữ tâm ý
trong sạch*

Tr. 8

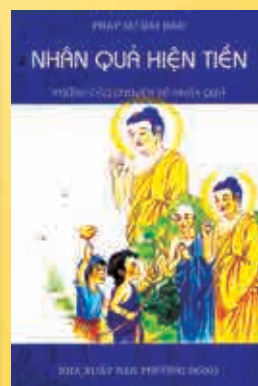
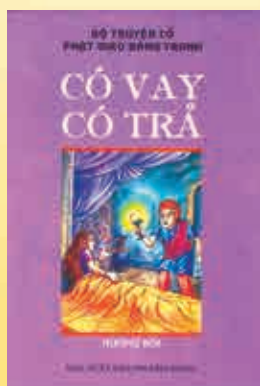
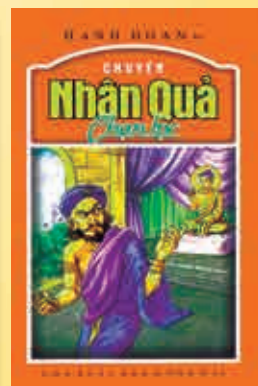
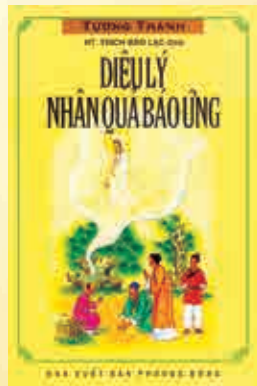
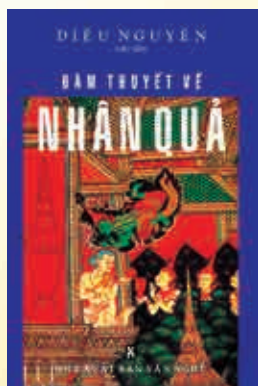
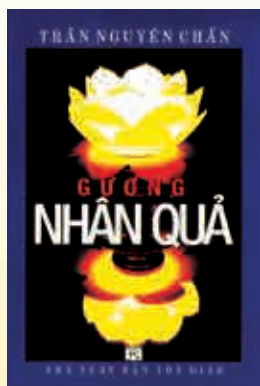


NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P. 8 – Q. 3 – TP.HCM)

Tel: 08.38482028

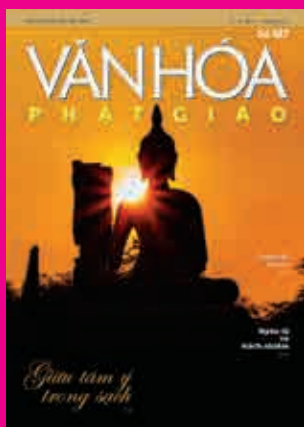
**Những sách nói về
nhân quả - thiện ác - báo ứng**



CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@vnn.vn

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Thành kính tưởng niệm...	4
Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức (Nguyễn Thế Đăng)	5
Giữ tâm ý trong sạch (Điều Quy)	8
Bản Chính pháp nhãn tạng của Tổ Liễu Năng Đức Chất chùa Phước Sơn, Phú Yên (Thích Đồng Dưỡng)	11
Văn hóa Phật giáo Việt Nam trên đất Lào (Nguyễn Văn Thoàn)	14
Tu viện Huệ Quang - điểm sáng về văn hóa và giáo dục Phật giáo (Khiết Bách)	18
Nhìn lại một chặng đường (Thích Nguyên Thành)	20
Được gì hãy biết đủ (Tấn Nghĩa)	23
Đối diện với cái chết không sợ hãi (Lily de Sylva, Tường Vi dịch)	26
Chùa là bệnh viện (Cao Huy Hóa)	29
Ngôn từ và trách nhiệm (Nguyễn Cẩn)	32
Đường đời hai nẻo (Phạm Lăng Yên)	36
Chuyện đời khó nói (Hoàng Tá Thích)	38
Lắng nghe những nỗi niềm (Mẫu Đơn)	41
Mẹ tôi cũng bán bắp (Tư Hương)	42
Bánh ú khoai xiêm (Nông Thị Thu)	43
Bão ở quê xa (Nguyễn Thị Thanh Nhi)	44
Tri kỷ Huế (Nguyễn Bội Nhiên)	46
Ôm trăng giữ mùa (Thủy Lung Linh)	48
Một ngày chăn vịt (Nguyễn Hoàng Duy)	50
Thơ (Nguyễn Cẩn, Võ Bá, Bùi Thị Thương, Vi Ánh Ngọc, Trường Khánh, Nguyễn Thánh Ngã)	52
Chọn bạn mà chơi (Nguyễn Trọng Hoạt)	54
Tản mạn phong lan (Hạt Cát)	57
Một buổi họp mặt thân mật... (Khánh Uyên)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	60

Bìa 1: Thanh tịnh tâm. Nguồn: shutterstock.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Trong những ngày này, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đang bận rộn thực hiện kế hoạch ba tháng cuối cùng của năm, và cũng đã giải quyết được một số công việc.

Thứ nhất, bộ lịch Văn Hóa Phật Giáo năm Giáp Ngọ 2014 với chủ đề “Góp nhặt tinh hoa” đã sẵn sàng được in ấn; sau khi hoàn tất, chúng tôi sẽ phát hành sớm. Bên cạnh đó, Văn Hóa Phật Giáo đóng bộ tập 1 năm 2013, gồm các số báo từ 168 đến 179, cũng đang được phát hành tại tòa soạn.

Thứ hai, việc chuẩn bị cho số báo mừng Xuân Giáp Ngọ 2014 đang được tiến hành khá rộn rã. Tòa soạn cũng đã nhận được một số bài viết dành riêng cho số Xuân từ các tác giả quen thuộc. Chúng tôi cũng mong quý vị cộng tác viên gửi bài tham gia báo Xuân năm nay, cũng là số kỷ niệm VHPG bước vào năm hoạt động thứ mười.

Mối lưu tâm của chúng tôi hiện nay là làm sao để cho toàn thể nhân viên đều nhận được tiền bồi dưỡng và quà Tết Giáp Ngọ.

Trong lúc cố gắng gìn giữ mục đích và chủ trương hoạt động của Tạp chí, toàn thể nhân viên tòa soạn cũng cảm thấy ấm lòng khi thường xuyên nhận được những sự khích lệ chân tình từ quý vị độc giả, các cộng tác viên, ân nhân và thân hữu. Mới đây, tòa soạn nhận được một bài viết từ cộng tác viên Tô Phục Hưng thuộc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật TP. Cần Thơ gửi về, chia sẻ về những điều mà Thư tòa soạn số 186 có nêu. Bài viết có những đoạn mà chúng tôi xin trích đăng như sau:

“Nhân đọc Thư tòa soạn trong số phát hành ngày 01-10-2013 của Tạp chí, tôi rất xúc động và đồng cảm với những sự cố gắng âm thầm lặng lẽ mà cao quý của đội ngũ quản lý, biên tập, nhân viên kỹ thuật, in ấn, phát hành... của Tạp chí trong gần mười năm qua.

Mười năm, một chặng đường với bao khó khăn gian khổ trước bao biến cố của cuộc đời, trước suy thoái kinh tế, nhưng tạp chí đã có mặt đều đặn mỗi tháng hai kỳ để chuyển tải biết bao thông tin thật bổ ích từ sự chặt chẽ kỹ lưỡng đầy tính định hướng cho cộng đồng nói chung, cho người theo Phật pháp nói riêng, để hoa thơm lắn át cỏ dại, cái thiện đẩy lùi cái xấu, những tấm lòng nhân ái kết nối lại gần nhau, để nỗi bất hạnh cạn dần đi theo dòng thời gian đang chảy miệt mài.

... Đọc Thư tòa soạn, tôi cảm nhận một điều là mình sẽ viết nhiều hơn, cố gắng nhiều hơn, sẽ vận động thân hữu, bà con, cơ quan, xã hội ra sức góp phần về vật chất lẫn tinh thần nhiều hơn để nỗi lo chung của quý báo sẽ giảm đi trong sự chung tay của tất cả mọi người dưới ánh sáng soi đường của Đức Phật từ bi”.

Có được những tấm lòng đồng cảm như trên, toàn thể nhân viên tòa soạn VHPG luôn yên tâm vững vàng trong việc thực hiện mục đích và chủ trương của báo, sẵn sàng chịu đựng mọi khó khăn để hoàn tất hạnh nguyện của người con Phật Việt Nam, luôn tìm mọi cách gìn giữ và phát huy văn hóa Phật giáo Việt Nam nói riêng, văn hóa dân tộc nói chung.

Kính chúc quý độc giả luôn đạt niềm vui tự nội.

Văn Hóa Phật Giáo



**Có bốn tinh cần: Tinh cần
chế ngự, tinh cần đoạn tận,
tinh cần tu tập,
tinh cần hộ trì.**

**(*Kinh Tăng Chi Bộ*
– Chương Bốn pháp)**



Thành kính tưởng niệm

ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP

**Một nhân cách sáng ngời
Một vị tướng lãnh lừng danh
Một nhà yêu nước chân chính**



Tam giới duy tâm, Vạn pháp duy thức

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

1 Ba cõi duy tâm

“Ba cõi duy chỉ là tâm, muôn pháp duy chỉ là thức” là một chân lý, một sự thật được nói nhiều trong tông Duy Thức, và rộng ra, có trong tất cả kinh, luận.

Ở đây, tâm là gì? Kinh *Hoa Nghiêm* nói, “Tất cả ba cõi duy chỉ Nhất tâm” (*phẩm Thập Địa*).

Kinh lại nói:

Như tâm, Phật cũng vậy
Như Phật, chúng sanh đồng
Tâm, Phật, và chúng sanh
Cả ba không sai khác...
Nếu người muốn rõ biết
Tất cả Phật ba đời
Phải quán tánh pháp giới
Tất cả duy tâm tạo.

(*Dạ-ma cung kệ tán*)

Chúng sanh có thấp đến đâu cũng ở trong Tâm đó. Chư Phật có cao tới đâu cũng ở trong Tâm đó. Ba cõi có rộng đến đâu cũng ở trong Tâm đó. Đây là nghĩa “Tâm, Phật, và chúng sanh. Cả ba không sai khác”.

Ba cõi chỉ là Một Tâm. Tâm ấy tất cả chúng sanh đều có. Và Tâm ấy chính là Phật.

Tất cả những bậc chứng ngộ đều nói như thế, đều dạy như thế.

Thiền sư Mã Tổ nói:

“Các người mỗi người phải tin tâm mình là Phật, tâm này tức là tâm Phật. Tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang Trung Hoa truyền pháp thượng thừa Nhất Tâm, khiến các người khai ngộ”.

Rinpoche Karma Chagmé (Tây Tạng, thế kỷ 17) nói:

“Không có vị Phật nào và không có chúng sanh nào ở ngoài viên ngọc tâm”.

Kinh *Quán Vô lượng thọ Phật* nói:

“Chư Phật Như Lai là pháp giới thân, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh. Thế nên, khi tâm các người tưởng Phật thì tâm ấy là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi tướng phụ của Phật. Tâm tưởng niệm Phật, tâm quán tưởng Phật thì tâm ấy chính là Phật”.

Với người tin, thực hành thiền định và thiền quán cùng các hạnh để thấy được và sống được tâm này thì toàn thể vũ trụ đều nằm trong tâm này. Như bóng nào cũng nằm trong gương. Như sóng nào cũng ở trong đại dương. Sự vật nào, phạm thánh nào cũng đều ở trong Nhất Tâm này và chính là Nhất Tâm này.

Thượng sĩ Huệ Trung nói:

Lặng! lặng! lặng!
Chìm! chìm! chìm!
Tâm của muôn pháp tức Phật tâm
Phật tâm lại cùng tâm ta hiệp
Pháp vốn như nhiên suốt cổ kim.

Thấy như vậy thì không gì không phải là Nó. Thấy gì cũng là Nó. Nghe gì cũng là Nó. Trần đầy mắt tai mũi lưỡi thân ý và đối tượng của mắt tai mũi lưỡi thân ý là sắc thanh hương vị xúc pháp.

“Tất cả sắc tướng đều là sắc tướng Phật, tất cả âm thanh đều là âm thanh Phật, tất cả chúng sanh đều là các bậc giải thoát trong Tịnh độ của Phật”, điều này được bao gồm trong một mạn-đà-la của Mật tông mà hành giả cần quán tưởng để đạt được tâm mình chính là mạn-đà-la đó. Mạn-đà-la chính là pháp giới Nhất Tâm được thể hiện bằng hình vẽ.

Thiền sư Cầm Thành, đời thứ hai dòng thiền Vô Ngôn Thông Việt Nam, nhắc lại lời của Thiền sư Mã Tổ: “Xưa có người hỏi Mã Tổ: ‘Tâm tức là Phật, cái gì là Phật?’. Mã Tổ dạy: ‘Ông nghĩ cái nào không phải là Phật hãy chỉ ra xem?’”.

Một lần có vị Tăng đến hỏi: “Thế nào là Phật?”.

Thiền sư Cầm Thành trả lời: “Khắp tất cả chỗ”.

Lại hỏi: “Thế nào là tâm Phật?”.

Sư đáp: “Chẳng từng che giấu”.

Cái “khắp tất cả chỗ, chẳng từng che giấu” này là Nhất Tâm hay Nhất Chân pháp giới. Thật tướng và thật tánh của vũ trụ và chúng sanh chính là Nhất Tâm.

Ba cõi duy tâm là ba cõi duy chỉ là Nhất Tâm, trong đó “tất cả pháp đều là Phật pháp” (*Kinh Kim Cương*). Khi đạt đến tánh vàng của tất cả mọi sự (thật tướng của tất cả các pháp) thì tất cả sự vật, sinh thể của ba cõi này, đều là vàng.

Nhất Tâm hay Nhất Chân pháp giới này vốn như vậy (pháp nhĩ như thị), không vì có hay không có các bậc thánh ra đời khai thị, không vì chúng ta có thấy, có sống được Nó hay không, không vì chúng ta có thực hành hiệu quả hay không thực hành mà Nó có tăng có giảm, có nhiễm có tịnh, có sanh có diệt.

2 Vạn pháp duy thức

Trong Nhất Tâm thuần nhất, không cách hờ mảy may, không có một khe hở chia cắt dấu bằng sợi tóc như vậy, tại sao lại có sự cách lìa giữa các sự vật, giữa người với người, giữa trời với đất?

Sự chia cắt thế giới Nhất Chân này thành không gian chia cách, thời gian phân đoạn này là do thức. Vì thức cho nên có sự khác biệt, tách lìa của vạn pháp: vạn pháp duy thức. Thức là vô minh đã hiển lộ nên có thể thấy được. Thức là cái thứ ba sau vô minh và hành trong mười hai nhân duyên sanh ra thế giới sanh tử luân hồi khổ đau.

Hơn thế nữa, sự phân biệt chia cắt của thức còn được tăng thêm sức mạnh bằng những thứ độc trong tâm: tham, sân, si, kiêu mạn, đố kỵ, tà kiến... Sự phân biệt chia cắt càng mạnh thêm theo dòng sống, đến độ thế giới thành tranh giành, xung đột, chiến tranh. Thế giới sanh tử là môi trường trong đó mọi cái xung đột với nhau, phần tử xung đột với phần tử, phần tử xung

đột với toàn thể. Sự hài hòa nguyên thủy của Nhất Tâm đã mất.

Thức đã chuyển hóa thế giới Nhất Tâm thành thế giới sanh tử khổ đau. Kinh *Lăng Già* nói:

Ví như sóng mặt biển
Do gió thổi mà sanh
Sóng to khởi biển rộng
Không khi nào ngưng dứt.
Biển tàng thức thường trụ
Gió cảnh giới nổi dậy
Lớp lớp các sóng thức
Liên miên mà chuyển sanh.

Biển Như Lai tạng, biển Nhất Tâm vốn một vị, thường trụ. Chỉ do các sóng thức lớp lớp sanh ra, tuy là sóng mà vẫn là nước biển, bèn có thế giới sóng lên xuống dập dờn. Thế giới sóng này nếu đứng riêng một mình thì không thật, vì sóng nào cũng là biển. Sóng chỉ là một dạng khác của biển.

Không thấy biển mà cho sóng ấy là khác với biển, tách lìa ngoài biển, thì sóng ấy là không thật, như huyễn. Vì thật ra sóng là biển, sắc tức là Không.

Hiện giờ chúng ta đang sống trong thế giới sóng do nghiệp thức của chúng ta tạo ra, chúng ta chẳng thấy biển tịch diệt vô sanh ở đâu cả. Chúng ta sống nơi những cái bóng, chúng ta chẳng thấy gương đầu cả. Chúng ta thất lạc trong một thế giới hiện tượng, chúng ta chẳng thấy bản thể “Như Lai tạng thường trụ” đâu cả. Thế giới ấy không thật, như huyễn, vì không có cơ sở, nền tảng nào cả ngoài nghiệp thức của mình, ngoài giấc mộng của mình.

Thế nên, nói theo tông Duy Thức, chúng ta phải “chuyển thức thành Trí”, chuyển thế giới sai biệt xung đột này trở lại Nhất Tâm. Đó là con đường giải cứu cho thân tâm và thế giới của chúng ta.

3 Chuyển thức thành trí

Chuyển thức tạo ra phân biệt hư vọng thành trí vô phân biệt, chuyển thức nhiễm ô thành trí thanh tịnh, tịnh hóa thức thành trí, là mục đích của tất cả mọi con đường, mọi tông phái Phật giáo.

Nói theo ngôn ngữ tông Duy Thức thì chuyển thức thành trí là chuyển hóa tánh Kiến kể sở chấp (bám chấp vào những thứ hư vọng như lông rùa, sừng thỏ) và tánh Y tha khởi (tính chất duyên sanh tạo ra sanh tử) thành tánh Viên thành thật (tính chất không sanh không diệt, không nhiễm không tịnh của Niết-bàn).

Ở đây chúng ta chỉ nói đến một phần ý nghĩa của sự chuyển hóa ấy.

Có phải thức chuyển thành trí thì không còn gì cả, không có thân tâm và thế giới này nữa không? Thức vẫn có, vẫn biết, nhưng nó đã chuyển thành trí; thành thử, đó là cái biết của trí. Nghĩa là thân tâm và thế giới không còn là kết quả của thức phân biệt hư vọng,

nhưng chúng là sự hiện hành của trí. Do đó mà nói, “toàn thức tức trí”.

Vì sóng vọng thức là từ biển trí sanh, không hai không khác, cho nên chuyển thức thành trí, tịnh hóa thức thành trí là thấy biết sóng là biển mà sóng vẫn là sóng. Thấy biết các bóng trong gương chính là gương mà không cần phá hoại bóng nào cả. “Sắc tức là Không, Không tức là sắc” cho nên không phải phá hoại sắc để có Không. Không phải phá hoại thức để có trí. Đó là điều Kinh, Luận thường nói.

Giải thoát không phải là xóa bỏ, triệt tiêu thức, mà đưa thức về bản tánh của nó là trí. Cũng thế, không phải dẹp hết sóng để thấy biển lớn. Chính nhờ có sóng mới thấy bản tánh của sóng là nước biển, nhờ có thức sanh tử mới thấy ra được trí Niết-bàn. Giải thoát là thấy thức tức là trí, sắc thọ tưởng hành thức tức là tánh Không, bóng tức là gương, sóng tức là nước biển, tất cả tướng là Nhất Tâm.

Thấy được thật tướng của thức tức là trí, bèn giải thoát. Từ đây chỉ có trí, sống trong cảnh giới của trí. Sự phân biệt của thức chính là sự sáng tỏ của trí. Như một người đã vào đến mỏ vàng, từ đây cái gì người ấy làm ra đều là vàng.

Những đoạn kệ được trích dẫn ở sau đều từ phẩm *Dạ-ma cung kệ tán*, *Kinh Hoa Nghiêm*.

Các pháp vô sai biệt
Không ai biết điều đó
Chỉ Phật cùng Phật biết
Vi trí huệ rất rảo.
Như vàng và màu vàng
Tánh chúng không sai biệt
Pháp, phi pháp cũng vậy
Thể tánh vốn chẳng khác.

Các pháp có phân biệt, có đến đi, có sanh diệt... đều là do thức. Luận *Đại thừa khởi tín* nói: “Tâm sanh thì thấy thấy pháp sanh; tâm diệt thì thấy thấy pháp diệt”. Biết được bản chất của thức là không sanh, tuy sanh mà thật ra là không sanh, đây là sự chuyển hóa thức thành trí.

Nghiệp thức vốn là không tịch, cho nên các pháp vốn là giải thoát.

Tánh nghiệp vốn không tịch
Chúng sanh nương nơi thức
Khắp làm các hình sắc
Nhưng thật không chỗ đến.
Những hình sắc như vậy
Nghiệp lực khó nghĩ bàn
Rõ đạt căn bản kia
Trong ấy không thấy có.

Thấy được thật tướng của thức cũng như của tất cả các pháp là không tịch, vô sanh, thì thấy biết tất cả sanh tử là không tịch, vô sanh. Sanh tử vô sanh thì đó



là Tịnh độ của chư Phật.

Các pháp không chỗ đến
Cũng không có tác giả
Cũng không từ đâu sanh
Chẳng thể phân biệt được.
Tất cả pháp không đến
Vì thế nên không sanh
Vì đã không có sanh
Nên cũng không có diệt.
Tất cả pháp vô sanh
Tất cả pháp vô diệt
Nếu biết được như thế
Người ấy thấy được Phật.

Cũng một ý với phẩm *Dạ-ma cung kệ tán* này, Điều ngự Giác hoàng Trần Nhân Tông nói lên bài kệ cuối cùng trước khi từ giả cõi đời:

Tất cả pháp chẳng sanh
Tất cả pháp chẳng diệt
Nếu biết được như thế
Chư Phật thường hiện tiền.

Khi một người đạt đến tâm Phật, cũng chính là bản tâm của mình, thì thấy cái gì cũng là Phật, nghe cái gì cũng là Phật. Người ấy đã ở trong Tịnh độ pháp giới của chư Phật. ■



Giữ tâm ý trong sạch

DIỆU QUÝ

Trong đời sống con người, tâm (*citta*) hay ý (*mana*) đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó là chỗ phát khởi của muôn sự muôn việc ở đời. Sự đời tốt hay xấu, thiện hay ác, vui hay buồn, lạc hay khổ, tất cả đều do tâm ý tạo nên. Đức Phật, bậc thiện xảo về tâm và phương pháp điều tâm, dạy rằng ý dẫn đầu các pháp, ý làm chủ, ý tạo tác; nếu với ý ô nhiễm mà nói năng hay hành động thì theo đó khổ não sẽ phát sinh, như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe. Nếu với ý thanh tịnh mà nói năng hay hành động thì theo đó an lạc sẽ theo sau, như bóng không rời hình.¹ Do tâm ý đóng vai trò quan trọng như thế đối với đời sống hạnh phúc hay khổ đau của con người nên kinh điển đạo Phật nói nhiều đến phương pháp giữ tâm ý thanh tịnh hay cách thức làm trong sạch tâm tư.

Thông thường, có hai khuynh hướng tâm thức sinh khởi và vận hành đưa đến hai hệ quả khác nhau trong đời sống con người được nói đến trong kinh điển đạo Phật. Đó là tâm ý thiện và tâm ý bất thiện. Loại thứ nhất bao gồm các ý tưởng và tâm niệm hiền thiện, sinh khởi trong một người có căn tính hiền lành hoặc có sự tu tập và nuôi dưỡng tâm ý đúng như lời Phật dạy, có khả năng làm cho người ấy luôn luôn cảm thấy thanh thản, an lạc, không lo âu, phiền muộn, không rơi vào các việc làm sai trái, xấu

ác. Kinh Phật gọi loại tâm ý này là ly dục tâm, vô sân tâm, bất hại tâm hay ly dục tư duy, vô sân tư duy, bất hại tư duy. Loại thứ hai gồm các ý tưởng và tâm niệm bất thiện, sinh khởi trong một người có căn tính nặng về tham-sân-si, đưa đến lối sống buông lung phóng dật, khuyến khích các hành vi xấu ác, bất thiện, khiến cho con người luôn cảm thấy lo lắng, bất an, phiền muộn, khổ não. Kinh Phật gọi các tâm ý bất thiện này là dục tâm, sân tâm, hại tâm (đôi khi cũng được gọi là dục niệm, sân niệm, hại niệm²) hay dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy.

Cứ theo cách hiểu ở trên thì giữ tâm ý trong sạch chính là giữ cho tâm thức luôn luôn được hiền thiện, trong sáng, không để cho nó rơi vào bất thiện, ô nhiễm; nói cách khác là giữ cho tâm thức lúc nào cũng vận hành theo chiều hướng ly dục, vô sân, bất hại, không để cho nó rơi vào chiều hướng bị chi phối bởi dục vọng, sân hận và não hại. Theo lời Phật thì một tâm ý trong sạch tức là một tâm ý không bị dục vọng, sân hận và não hại làm cho ô nhiễm; một tâm ý như vậy là hiền thiện, đáng được gìn giữ, đáng được nuôi dưỡng và phát triển vì nó mang lại nhiều lợi ích an lạc. Trái lại, một tâm ý bị dục vọng, sân hận và não hại làm cho ô nhiễm tức là một tâm ý bất thiện, cần phải được khắc phục và loại trừ vì nó đưa đến nhiều bất hạnh khổ đau³. Về cách thức giữ tâm ý trong sạch, không để cho nó rơi

vào ô nhiễm, Đức Phật nói cho chúng ta biết một kinh nghiệm bổ ích mà tự thân Ngài đã hành trì:

“Chư Tỳ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, khi chưa thành Chánh giác và còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: ‘Ta sống suy tư và chia hai suy tâm’. Chư Tỳ-kheo, phàm có dục tâm nào, sân tâm nào, hại tâm nào, Ta phân thành phần thứ nhất; phàm có ly dục tâm nào, vô sân tâm nào, vô hại tâm nào, Ta phân thành phần thứ hai. Chư Tỳ-kheo, rồi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Khi dục tâm khởi lên, Ta tuệ tri: ‘Dục tâm này khởi lên nơi Ta, và dục tâm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn’. Chư Tỳ-kheo, khi Ta suy tư: ‘Dục tâm này đưa đến tự hại’, dục tâm được biến mất, Chư Tỳ-kheo, khi Ta suy tư: ‘Dục tâm đưa đến hại người’, dục tâm được biến mất. Chư Tỳ-kheo, khi Ta suy tư: ‘Dục tâm đưa đến hại cả hai’, dục tâm được biến mất. Chư Tỳ-kheo, khi Ta suy tư: ‘Dục tâm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn’, dục tâm được biến mất. Chư Tỳ-kheo, như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận dục tâm. Chư Tỳ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sân tâm khởi lên... (như trên)... hại tâm khởi lên. Ta tuệ tri: ‘Hại tâm này khởi lên nơi Ta, và hại tâm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn’. Chư Tỳ-kheo, khi Ta suy tư: ‘Hại tâm này đưa đến tự hại’... ‘Hại tâm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn’, hại tâm được biến mất. Chư Tỳ-kheo, như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận hại tâm... Chư Tỳ-kheo, ví như vào cuối tháng mùa mưa, về mùa thu, khi lúa đã trở hạt, một người mục đồng chăn giữ bò, cầm roi đánh các con bò bên này, đánh bên kia, chế ngự chúng, ngăn chặn chúng. Vì sao vậy? Chư Tỳ-kheo, vì người mục đồng thấy do nhân duyên này, đưa đến sự chết, sự tù tội, sự đánh đập hay sự trách móc. Chư Tỳ-kheo, cũng vậy, Ta đã thấy sự nguy hại, sự hạ liệt, sự uế nhiễm của các pháp bất thiện, và thấy sự viễn ly, sự lợi ích, sự thanh tịnh của các thiện pháp”⁴.

Trong kinh nghiệm tu tập của Ngài, Đức Phật bảo cho chúng ta do thấy rõ sự nguy hại, sự hạ liệt, sự uế nhiễm của các pháp bất thiện, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm, đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn, nên Ngài nỗ lực trừ bỏ và đoạn tận chúng, làm cho tâm trở nên trong sạch, không còn uế nhiễm; tựa như người mục đồng thấy rõ sự khiển trách, sự đánh đập, tù tội của việc lơ đãng để cho các con bò xâm phạm vào lúa má của người nên phải luôn luôn chú ý chăn giữ đàn bò cho thật kỹ càng. Đây là một trong số các phương pháp giữ cho tâm ý được trong sạch⁵, không uế nhiễm, nhờ thường xuyên theo dõi tâm thức, nhận diện các cấu uế sinh khởi ở nội tâm - dục tâm, sân tâm, hại tâm - thấy rõ sự nguy hại của chúng và nỗ lực dùng chánh tư duy để đoạn trừ. Hẳn nhiên, tâm rất khó nhận biết vì nó không có hình tướng và luôn luôn thay đổi; do vậy mà vị hành giả cần phải thường xuyên theo dõi

tâm thức của mình thì mới nhận ra nội tâm có cấu uế hay không có cấu uế để mà nỗ lực đoạn trừ. Bản kinh Không uế nhiễm Trung Bộ nói rằng người ta không thể đoạn trừ được các cấu uế nội tâm hay làm sạch tâm tư, nếu không có sự chú ý xem xét tâm thức của mình. Nói cách khác, nếu không có sự quan sát và nhận ra cấu uế ở nội tâm thì người ta sẽ không khởi lên ước muốn, sẽ không cố gắng, sẽ không tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Kinh An trú tâm cũng xác nhận, nhờ thường xuyên quán sát sự nguy hiểm và tai hại của tâm cấu uế mà các bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ các bất thiện tâm, nội tâm được an trú, an tịnh, định tĩnh, nhất tâm.

Như vậy, để giữ cho tâm ý được trong sạch thì điều quan yếu là phải thường xuyên theo dõi tâm tư của mình, xem nó có cấu uế hay không; nếu tâm ý không rơi vào uế nhiễm, nghĩa là không bị dục tâm, sân tâm, hại tâm hay dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy chi phối và dẫn dắt, thì đó là tâm ý hiền thiện, đáng được gìn giữ, nuôi dưỡng và phát triển; trái lại, nếu tâm ý rơi vào uế nhiễm, bị dục tâm, sân tâm, hại tâm hay dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy chi phối, thì đó là tâm ý bất thiện, cần phải nỗ lực tìm cách ngăn chặn và đoạn trừ. Trong bản kinh Tất cả lậu hoặc, Đức Phật gọi sự nỗ lực đoạn trừ dục tâm, sân tâm, hại tâm hay dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy như vậy là pháp môn trừ diệt các lậu hoặc - dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu - cội rễ của hết thảy phiền não khổ đau. Ngài nhấn mạnh:

“Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo như lý giác sát, không có chấp nhận dục niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại dục niệm ấy; không có chấp nhận sân niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại sân niệm ấy; không có chấp nhận hại niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại hại niệm ấy; không chấp nhận các ác bất thiện pháp luôn luôn khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại các ác, bất thiện pháp ấy. Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không trừ diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy trừ diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn diệt”⁶.

Nhìn chung, tâm ý là yếu tố quan trọng đối với đời sống hạnh phúc của con người nhưng nó là đối tượng khó nắm bắt, khó nhiếp phục, vì nó thường xuyên thay đổi và chuyển biến hầu như không tuân theo một quy luật nào. Hiểu được tính chất phức tạp của nó, Đức Phật đã đề ra nhiều pháp môn tu tập khác nhau nhằm đối phó và uốn nắn tâm thức theo chiều hướng hiền thiện lợi lạc gọi là làm trong sạch nội tâm hay giữ tâm ý trong sạch. Hẳn nhiên, có nhiều cách thức khác nhau được đề xuất cho việc nhiếp phục các loại tâm thức khác nhau mà kinh Phật gọi là “gột sạch một tâm cấu uế bằng phương pháp thích nghi”⁷. Tuy nhiên, căn bản



của việc tu tập tâm ý hay giữ tâm trong sạch chính là sự tập trung theo dõi và nhận diện hai khuynh hướng vận hành, hiền thiện hoặc bất thiện, của tâm thức để có biện pháp ứng phó thích hợp. Lễ tất nhiên, hành giả sẽ không có nhiều việc phải làm đối với một tâm tư hiền thiện và trong sạch, ngoài việc ghi nhận hướng vận hành yên ổn của nó. Nhưng với một tâm tư còn nặng về tham-sân-si hoặc bị kích động và chi phối bởi tham dục, sân hận và não hại thì cần phải quyết tâm uốn nắn, nhiếp phục và loại bỏ tâm tư bất thiện ấy.

Cũng do tính chất phức tạp, khó nắm bắt, khó thu nhiếp của nó mà việc tu tập tâm ý hay giữ tâm trong sạch được nói đến rất nhiều trong giáo lý đạo Phật và được nhấn mạnh như là pháp môn tu tập cần phải được vận dụng thường xuyên và lâu dài. Trong số các pháp môn tu tập hình thành nên tiến trình Giới-Định-Tuệ của đạo Phật, ngoài Định học (*Samādhi*) gồm các bước thực tập liên quan trực tiếp đến việc nhiếp phục và phát triển tâm thức (loại bỏ năm triển cái và phát triển năm thiện chí), một số các pháp hành khác thuộc Giới học (*Sīla*) như tầm quý (*hirottappa*), thân, khẩu, ý hành thanh tịnh (*parisuddha kāyasamācāra, vacīsamācāra, manosa-mācāra*), hộ trì các căn (*indriya-guttadvārata*), tiết độ trong ăn uống (*bhojana-mattannutā*), chú tâm cảnh giác (*jāgariya-yānuyoga*), chánh niệm tỉnh giác (*satisampajanna*) cũng đều trực tiếp hoặc gián tiếp nhằm đến việc làm sạch nội tâm hay giữ cho tâm ý được trong sạch, thoát khỏi tham-sân-si. Chẳng hạn, phần định nghĩa dưới đây về phương pháp chú tâm cảnh giác giúp cho chúng ta có thêm một hiểu biết rất căn bản về cách thức giữ tâm ý trong sạch:

“Và này Mahànàma, thế nào là vị Thánh đệ tử chú tâm cảnh giác? Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh giữa, vị này nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con

sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại; ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp. Này Mahànàma, như vậy là vị Thánh đệ tử chú tâm cảnh giác”⁸.

Để giữ cho tâm ý được trong sạch, thoát khỏi các cấu uế tham-sân-si hay dục tầm, sân tầm, hại tầm, dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy mà phần định nghĩa trên gọi là các pháp chướng ngại (*āvaraniya-dhammā*) (đối với mục tiêu đoạn trừ khổ đau, thành tựu hạnh phúc Niết-bàn), thì trừ những lúc ngủ nghỉ, thời gian còn lại trong đêm và cả ban ngày vị Thánh đệ tử phải luôn luôn chú tâm cảnh giác đối với các cấu uế tham-sân-si thuộc nội tâm, không để cho các pháp chướng ngại ấy sanh khởi làm ô uế tâm thức. Rõ ràng, với sự thực tập chuyên chú như vậy mà được ứng dụng trong một thời gian dài với sự nỗ lực đầy kiên trì thì chắc chắn tâm ý sẽ dần dần được chuyển hóa, sẽ được thanh lọc trở nên trong sạch, không còn cấu uế tham-sân-si, cũng có nghĩa là tâm được giải thoát, được an lạc, không có khổ đau và không còn là lý do cho mọi phiền não khổ đau phát sanh, vì:

*Người tâm ý an tịnh,
Lời an, nghiệp cũng an,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy.⁹ ■*

Chú thích:

1. Kinh Pháp Cú, kệ số 1-2.
2. Xem Kinh Tất cả lậu hoặc, Trung Bộ.
3. Kinh Song tầm, Trung Bộ.
4. Kinh Song tầm, Trung Bộ.
5. Kinh An trú tâm, Trung Bộ, nói đến năm cách thức khác nhau để loại trừ các cấu uế nội tâm.
6. Kinh Tất cả lậu hoặc, Trung Bộ.
7. Kinh Ngày trai giới Uposatha, Tăng Chi Bộ.
8. Kinh Hữu học, Trung Bộ.
9. Kinh Pháp Cú, kệ số 96.

BẢN CHÍNH PHÁP NHÂN TẠNG của Tổ Liễu Năng Đức Chất chùa Phước Sơn, Phú Yên

Bài và ảnh: THÍCH ĐỒNG DƯƠNG

Đó là một văn bản xưa, được viết trên giấy xuyến màu trắng, loại giấy thường được sử dụng ở Đàng Trong. Văn bản có 29 dòng, kể cả lạc khoản niên đại, mỗi dòng có số chữ không nhất định. Dòng có số chữ nhiều nhất là 16 chữ, có dòng chỉ có hai chữ. Chữ viết khá sắc sảo, sắc nét, theo lối chữ đời Nguyễn sơ. Pháp quyền bị hư mất ở phần đầu và cuối. Dòng đầu ghi “Chính pháp nhân tạng” theo trục dọc nhưng bị mất hai chữ “Chính pháp”. Có ba con dấu thì hai con đóng lên tên húy, hiệu của Thiền sư Tế Khoan Thiên Quyền và con dấu chữ nhật dài đóng vào tên đệ tử Liễu Năng tự Đức Chất. Dựa vào đây biết, bản Chính pháp nhân tạng do Thiền sư Tế Khoan Thiên Quyền ban cho đệ tử Liễu Năng Đức Chất. Bản được lập vào ngày 28 tháng 7 năm Quý Dậu, mà không thấy đề niên hiệu các vua triều Nguyễn. Ta có hai cứ liệu để xác định niên đại văn bản.

Thứ nhất, bia “Phước sơn tự bi” cho biết: “Chùa Phước Sơn được Thiền sư Đức Chất lập năm Gia Long thứ nhất (1802). Ngài chống gậy tìm đến núi Phú Mỹ, xã Định Phú bản hạt xây dựng ngôi chùa, tu thành quả thiện”¹. Bia định rõ năm khai sơn chùa Phước Sơn là năm 1802 và được Thiền sư Đức Chất, mà vị đó có pháp danh là Liễu Năng kiến lập.

Thứ hai, lời văn trên thân quả chuông chùa Triều Tôn (Phú Yên) có nói đến việc Thiền sư Liễu Diệu Chánh Quang cung thỉnh Thiền sư Thiên Quyền chứng minh việc đúc chuông. Năm thực hiện được đề khá rõ là năm Canh Quý 庚貴. Chữ “Quý” không có trong bản can chi. Can “canh” đi với sáu chi là “Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất”. “Quý” thuộc về thập thiên can, chứ không thuộc về thập nhị địa chi; và lại, chữ Quý (癸) thuộc thiên can khác với chữ “Quí” (貴) được khắc trên thân chuông. Năm Canh Quý nghe ra vô lý. Nhưng nó xuất hiện trên một số văn bản thuộc về Đàng Trong. Nhóm Bảo tàng Văn hóa Dân gian Huế khi tiến hành dịch Địa bạ thời Gia Long cũng phát hiện niên đại này. Nhóm đó xác định năm Canh Quý là năm Canh Ngọ thuộc niên hiệu Gia Long; như vậy, đổi sang năm dương lịch thì là năm 1810². Chúng tôi tạm lấy kết luận này để đoán định niên đại Thiền sư Thiên Quyền. Văn bản không tuân thủ lối tự húy đời Nguyễn vì có các chữ như “Chủng”, “Hoa”, “Tông”

mà không phạm húy.

Hai cứ liệu trên xác định Thiền sư Tế Khoan Thiên Quyền và Liễu Năng Đức Chất đều hành đạo trong thời Gia Long. Vì Thiền sư Tế Khoan là bốn sư của ngài Đức Chất nên độ tuổi của hai vị chênh lệch khoảng hơn 20 năm. Do đó, năm Quý Dậu trong pháp quyền phải là năm 1813, tương đương với năm Gia Long thứ 12.

Đi vào nội dung, bản Chính pháp nhân tạng cung cấp sự truyền thừa một chi của thiền phái Lâm Tế tại miền Trung. Tài liệu đưa ra như sau:

*Đời thứ ba mươi mốt, Hòa thượng **Đạo** Chí Mộc Trần chùa Thiên Đồng truyền lại.*

*Đời thứ ba mươi hai, Đại lão Hòa thượng Khoáng Viên **Bản** Quả chùa Báo Tư.*

*Đời thứ ba mươi ba, Đại lão Hòa thượng Thọ Tông **Nguyên** Thiều chùa Quốc Ân dong thuyền từ ngoài biển đến, mài dấu vết trên đất này, chọn đệ tử cả hai hàng tại gia xuất gia. Hóa duyên sắp mãn, Sư trao gửi dặn dò; truyền đến:*

*Đời thứ ba mươi bốn, Đại lão Hòa thượng Minh Dung **Thành** Chí Pháp Thông chùa Hoàng Long*

*Đời thứ ba mươi lăm, Sa-môn nổi nghiệp đời trước là Đại lão Hòa thượng **Thiệt** Lâm Chí Kiên.*

*Đời thứ ba mươi sáu, Sa-môn kế nghiệp đời trước là Hòa thượng **Tế** Khoan Thiên Quyền.*

Bản văn nêu rõ ngài Nghĩa Huyền lập dòng Lâm Tế (nhưng ghi nhầm pháp danh của ngài thành Huyền Nghĩa), sau đó lược các đời bên ngoài để bắt đầu từ đời thứ ba mươi mốt có liên quan trực tiếp đến dòng truyền thừa Lâm Tế ở Đàng Trong. Dựa vào những chữ đầu của pháp húy từng vị, chúng ta xác định được kệ phái mà họ truyền thừa. Bốn vị đầu truyền theo kệ phái của Đạo Mân Mộc Trần với câu “*Đạo Bản Nguyên Thành Phật Tổ Tiên*”. Đến đời pháp thứ ba mươi bốn, ngài Minh Dung Pháp Thông, thì vị này được trao pháp danh theo kệ phái của Thiền sư Tổ Định Tuyết Phong tương ứng với câu: “*Hành Siêu Minh Thiệt Tế*”. Như vậy có mâu thuẫn không? Thực tế đi vào truyền thừa pháp phái Thiền Đồng qua nhánh của thiền sư Đạo Mân Mộc Trần, ta thấy nhánh này truyền theo hai kệ. Bản thân Thiền sư Mộc Trần được bốn sư Viên Ngộ ban pháp danh Thông Thiên và trước đó sư theo học với Pháp sư Nhục Muội

được vị này ban pháp danh Đạo Mân. Do tiếp nhận từ hai phái mà khi ngài hành đạo, sư lại tục kệ theo phái của Thiền sư Nhược Muội Trí Minh với chữ “Đạo” làm đầu. Các đệ tử của ngài cũng được ban theo hai kệ phái như Thiền sư Bản Quả Khoáng Viên có thêm pháp danh Hành Quả. Pháp tôn Nguyên Thiệu Thọ Tông có pháp danh Siêu Bạch. Nối tiếp ngài Nguyên Thiệu như Thiền sư Minh Dung Pháp Thông còn có pháp danh là Thành Chí, Thiền sư Minh Lượng Nguyệt Ân có thêm pháp danh Thành Đăng, Minh Giác Kỳ Phương có pháp danh Thành Đạo. Những thế hệ sau chữ “Minh”, chữ “Thành” thì tùy vị bổn sư đặt theo kệ phái nào thì họ sẽ tuân thủ kệ phái đó. Tiêu biểu thiền sư Minh Dung Pháp Thông cho đệ tử với tên húy chữ “Thiệt” như Thiệt Lâm Chí Kiên, Thiệt Giám Trí Quang, Thiệt Hội Chân Ý... Chưa tìm được vị nào thiền sư ban pháp danh với chữ “Phật” theo kệ phái Đạo Mân Mộc Trần. Từ đó, những vị nối dòng của Thiền sư Minh Dung Pháp Thông đều truyền theo kệ phái Tổ Định Tuyết Phong như sự truyền thừa tại chùa Thập Tháp (Bình Định) hiện nay.

Dựa vào pháp quyền trên, chúng ta đính chính sai lầm của việc xếp Thiền sư Liễu Năng Đức Chất vào phái Từ Quang mà trước đây có nhà nghiên cứu cho vị này là đệ tử của Thiền sư Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm. Lúc chưa tìm được tư liệu, chúng tôi đã nghi vấn về dòng pháp của ba vị Liễu Năng Đức Chất, Liễu Diệu Chánh Quang và Liễu Căn Thiện Giáo, ba vị Tổ sư khai sơn ba chùa Phước Sơn, Triều Tôn và Bảo Sơn vào những năm đầu của niên hiệu Gia Long. Về sau, ba chùa này trở thành những tổ đình lớn của thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Phú Yên nên các nhà nghiên cứu không truy tìm tông phái, vội kết luận họ là đệ tử của Tổ Pháp Chuyên. Nếu như họ là đệ tử của Tổ Pháp Chuyên thì họ phải có pháp danh chữ “Toàn” như các vị Toàn Thể Linh Nguyên, Toàn Nhật Quang Đài, Toàn Đạo Thiệu Long, Toàn Nghĩa Chơn Thường... Trong khi đó, các vị với chữ “Liễu” làm đầu thì họ phải thuộc kệ phái Thiền sư Tổ Định Tuyết Phong. Sau đây, xin công bố bản phiên âm, dịch nghĩa:

Phiên âm:

CHÍNH PHÁP NHÃN TẠNG

Nam-mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Văn Phật

Niêm hoa Đại Ca Diếp vi tiểu, sư đồ đạo hợp, thâm giới tương đầu, dĩ như thị pháp, phú như thị nhân. Tỳ Càn tứ thất tục diệt truyền đăng; Đông Chấn nhị tam tương thừa biến diệt.

Tự vị truyền chí thượng Huệ hạ Năng lục tổ đại sư phó chúc

Nam Nhạc thượng Hoài hạ Nhượng đại sư lưu nội

Mã Tổ thượng Đạo hạ Nhất đại sư tương thừa

Bách Trượng thượng Hoài hạ Hải đại sư Mật phó

Hoàng Bá thượng Đoạn hạ Tế đại sư, kế tự

Sa môn thượng Huyền hạ Nghĩa thiền sư. Tự Lâm Tế chính tông thị vị kế nguyên lưu hạ.

Đệ tam thập nhất thế Thiên Đồng thượng Mộc hạ

Trần Đạo Chí hòa thượng lưu truyền.

Đệ tam thập nhị thế Báo Tư thượng Khoáng hạ Viên Bản Quả đại lão hòa thượng.

Đệ tam thập tam thế Quốc Ân thượng Thọ hạ Tông Nguyên Thiệu đại lão hòa thượng truyền hải nhi lai, trác tích tư thổ, trạch hợp bạch truy, hóa duyên tương mãn phú chúc hữu tại, truyền chí

Đệ tam thập tứ thế Hoàng Long thượng Pháp hạ Thông Minh Dung Thành Chí đại lão hòa thượng.

Đệ tam thập ngũ thế tự tổ sa môn thượng Thiệt hạ Lâm Chí Kiên đại lão hòa thượng.

Đệ tam thập lục thế tự tổ sa môn húy thượng Tế hạ Khoan hiệu Thiên Quyền hòa thượng.

Vi nhất đại sự, khai phước thành đồng vi. Nam mô Phật, liễu lục hoa hồng, khai thị ngộ nhập, thành nhất thốn trung thử vi biểu tín, cánh chúc kệ vãn:

Tâm địa hợp chư chủng

Phổ vũ tất giai mạnh

Đốn ngộ hoa tình kỳ

Bồ đề quả tự thành.

Uy Âm vương ưu tiền pháp ấn tâm, Uy Âm vương ư hậu tâm ấn pháp.

Tông thừa đệ tử pháp danh Liễu Năng tự Đức Chất đại sư như thị trân trọng, trân trọng!

Tuế thứ Quý Dậu niên thất nguyệt nhị thập bát nhật kính lục

Tạm dịch:

Chánh pháp nhãn tạng

Kính lễ Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Văn Phật

Cành hoa giờ lên Đại Ca-diếp mỉm cười, thầy trò cùng hiểu, như nam châm hút sắt, như hổ phách dính hạt cải; lấy pháp như vậy trao cho người như vậy. Tây thiên mở ra, hai mươi tám đời tiếp lửa trao đèn; Đông độ vang dội sáu vị tổ dẫn dắt cỗ xe nối đời mở rộng.

Kế thừa ngôi vị, truyền đến: Đại sư Lục tổ Huệ Năng trao gửi dặn dò; Đại sư Nam Nhạc Hoài Nhượng giữ gìn thu nhận; Đại sư Mã Tổ Đạo Nhất dẫn dắt cỗ xe; Đại sư Bách Trượng Hoài Hải kín đáo trao truyền; Đại sư Hoàng Bá Đoạn Tế nối tiếp sự nghiệp.

Thiền sư Sa-môn Huyền Nghĩa vì để tiếp nguồn truyền lại về sau mà lập ra dòng Lâm Tế.

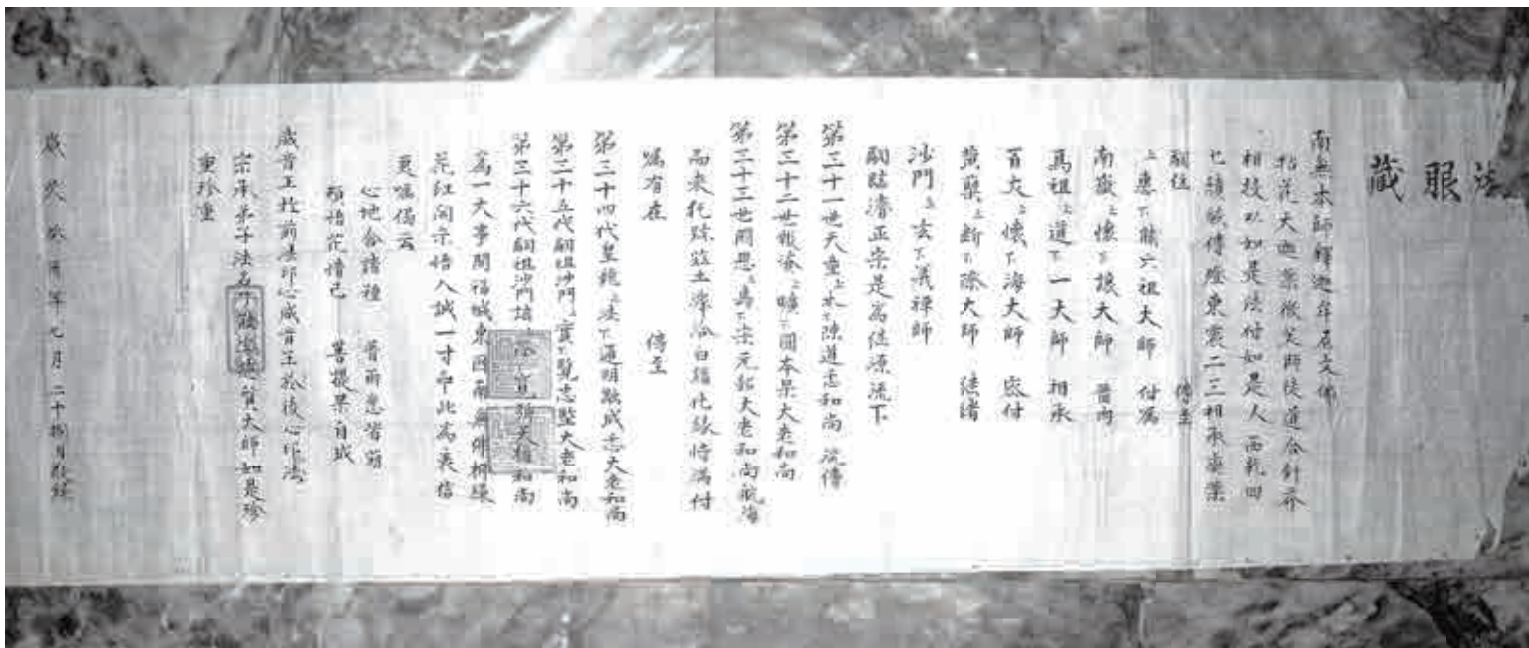
Đời thứ ba mươi mốt, Hòa thượng Đạo Chí Mộc Trần chùa Thiên Đồng truyền lại.

Đời thứ ba mươi hai, Đại lão Hòa thượng Khoáng Viên Bản Quả chùa Báo Tư.

Đời thứ ba mươi ba, Đại lão Hòa thượng Thọ Tông Nguyên Thiệu³ chùa Quốc Ân dong thuyền từ ngoài biển đến, mài dấu vết trên đất này, chọn đệ tử cả hai hàng tại gia xuất gia. Hóa duyên sắp mãn, Sư trao gửi dặn dò; truyền đến:

Đời thứ ba mươi bốn, Đại lão Hòa thượng Minh Dung Thành Chí Pháp Thông⁴ chùa Hoàng Long

Đời thứ ba mươi lăm, sa-môn nối nghiệp đời trước là



Đại lão Hòa thượng Thiệt Lâm Chí Kiên⁵.

Đời thứ ba mươi sáu, sa-môn kế nghiệp đời trước là Hòa thượng Tế Khoan Thiên Quyển⁶.

Vì một việc lớn, mở phước thành Đông, niệm Nam mô Phật, liễu xanh hoa hồng, khai thị ngộ nhập, trong một tắc lòng thành ấy mà thể hiện sự chân thực, lại trao kệ rằng:

Đất tâm bao các giống
Mưa khắp ắt nảy mầm
Hoa tình đốn ngộ rồi
Quả bồ-đề tự thành

Từ Phật Uy Âm Vương trở về trước lấy pháp ấn tâm, từ Phật Uy Âm Vương trở về sau lấy tâm ấn pháp.

Tông thừa đệ tử pháp danh Liễu Năng tự Đức Chất⁷ như vậy trân trọng, trân trọng.

Kính ghi ngày 28 tháng 7 năm Quý Dậu (1813) ■

Chú thích:

1. Tham khảo bài "Văn bia chùa Phước Sơn" trên Văn Hóa Phật Giáo, số 132.

2. Tham khảo Các tác giả, Văn bản Hán Nôm làng xã vùng Huế, Nxb Thuận Hóa, 2008, tr.121. Các ông không đưa ra chứng cứ, còn nói đến năm Minh Mạng có lệnh bỏ.

3. Theo Lịch truyện tổ đồ cho biết: "Sư nguyên tịch huyện Trình Hương, phủ Triều Châu, Quảng Đông, con họ Tạ. sinh giờ Tuất ngày 18 tháng 5 năm Mậu Tý (1648). Mười chín tuổi, từ thân xuất gia, đắc pháp với Hòa thượng Khoáng Viên, chùa Báo Từ, được ban pháp danh Nguyên Thiệu, tự là Hoán Bích. Năm Ất Tỵ (đúng là năm Đinh Tỵ (1677, tác giả chú), từ Trung Hoa sang, đầu tiên chống gậy đến phủ Qui Ninh, sáng lập chùa Thập Tháp Di Đà, rộng mở tượng pháp. Lại trở về núi Phú Xuân, Thuận Hóa, khởi tạo chùa Quốc Ân, cùng tháp Phổ Đồng. Vâng mệnh Tiên vương, trở về Quảng Đông thỉnh mời Hòa thượng Thạch Liêm, am Trường Thọ, mở kì trao giới, cùng thỉnh tượng

Phật và pháp khí, hoàn thành nhiều công đức. Từ đó, vâng ban ở chùa Hà Trung. Đến năm Mậu Thân (1728), sắp thị tịch, ngày 19 tháng 10, chiều tập bốn chúng, nói chuyện cơ mầu, trao truyền mật ngữ, đến giờ bỏ bút. Kệ rằng:

Lặng lẽ gương không chiếu bóng
Sáng trưng ngọc chẳng thấu hình
Rõ ràng vật không phải vật
Mênh mông không chẳng là không.

(Nguyễn Lang dịch)

Viết xong, bỏ bút, ngồi ngay thẳng mà tịch, pháp Lạp 63 hạ, thế thọ 81 tuổi, tháp xứ Cửu Hóa".

4. Minh Dung Thành Chí Pháp Thông (1631-1749): đệ tử của Tổ Nguyên Thiệu Thọ Tông. Chưa rõ quê quán, tông tộc. Sư xuất gia với Tổ Nguyên Thiệu tại chùa Quốc Ân, trụ trì chùa Hoàng Long mà ta chưa xác định được vị trí nằm về tỉnh nào của miền Trung. Sư đứng in Nhân quả thực lục năm Long Đức thứ 5 (1736) và chứng minh khắc bản kinh Pháp Hoa vào năm Long Đức thứ 3 (1734). Hiện, chùa Quốc Ân (Huế), chùa Thập Tháp (Bình Định) và chùa Liên Tôn (Quảng Ngãi) có long vị thờ Tổ. Riêng hai bản long vị chùa Liên Tôn và Thập Tháp có ghi niên đại Tổ sư.

5. Thiệt Lâm Chí Kiên: Tổ khai sơn chùa Cổ Lâm, Thiên Hưng, Bảo Sơn Thiên Hải thuộc tỉnh Phú Yên. Niên đại, quê quán, tộc họ chưa rõ. Ngài có thể hành đạo giai đoạn giữa và cuối thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

6. Tế Khoan Thiên Quyển: đệ tử của Tổ Thiệt Lâm Chí Kiên, kế nhiệm trụ trì chùa Cổ Lâm. Chưa rõ niên đại, quê quán, tông tộc. Ngài hành đạo khoảng đời Tây Sơn kéo dài đến thời Gia Long. Chùa Thiên Đức (Bình Định) có long vị thờ ngài nên có người cho ngài trụ trì. Thực tế, Tổ hành đạo ở Phú Yên, có đệ tử về Thiên Đức nên mới lập long vị thờ vọng vậy.

7. Liễu Năng Đức Chất: chưa rõ quê quán, tông tộc. Sư khai sơn chùa Phước Sơn năm Gia Long thứ nhất (1802).

Văn hóa Phật giáo Việt Nam trên đất Lào

Bài và ảnh: NGUYỄN VĂN THOÀN

Theo bước chân lưu dân Việt, đạo Phật Việt Nam cũng dần dần có mặt trên đất nước Triệu Voi. Qua thời gian, vai trò tâm linh của đạo Phật Việt Nam trong đời sống văn hóa của cộng đồng cư dân Việt ngày càng sâu sắc ở xứ sở này. Ở bài viết này, chúng tôi xin trình bày một số bình diện văn hóa Phật giáo của người Việt và ảnh hưởng của nó đối với đời sống văn hóa của người Việt ở Viêng Chăn, Lào; đồng thời, cũng nêu lên một số nét giao lưu văn hóa Phật giáo Việt Nam với văn hóa Phật giáo Lào trong quá trình cộng cư trên đất nước bạn.

Hiện ở thủ đô Viêng Chăn có hai ngôi chùa của người Việt: chùa Phật Tích tọa lạc ở đường Noongbone, gần chợ Morning, là chùa Tăng, và chùa Bàn Long tọa lạc ở đường Sihom, là chùa Ni. Ở buổi đầu, hai ngôi chùa này chỉ là hai am nhỏ, sau phát triển dần thành chùa nhưng cũng chỉ bằng những vật liệu thô sơ. Trải qua nhiều thập kỷ, hai ngôi chùa này đã có những nét biến đổi đáng kể; đặc biệt từ sau 1975, từ cấu trúc đơn giản đến kiến trúc trang nghiêm, một mặt mang đậm văn hóa dân tộc Việt Nam, mặt khác cũng cho thấy sự giao lưu với văn hóa bản địa.

Tính dân tộc và tính địa phương được thể hiện rõ nét trong kiến trúc hai ngôi chùa trên. Đối với không gian kiến trúc bên trong Phật điện, để tăng thêm phần huyền bí và trang nghiêm, người ta thường thiết kế cửa chính và ít cửa phụ để sao cho ánh sáng lọt vào theo con đường khúc xạ và phản quang. Điện thờ chính được thiết kế bằng các vì kèo tạo dáng vuông góc trên nóc. Đây là kiểu dáng kiến trúc chùa tháp ở đình chùa ở Việt Nam¹. Với điều kiện thời tiết ở Lào hai mùa mưa và nắng, tầng mái phải đảm bảo thoát nước nhanh để đối phó những cơn mưa như thác trút mà vẫn thoáng mát vào những ngày hè nóng bức. Cả hai ngôi chùa đều sử

dụng ngói âm dương dù góc mái không vút cong và hơi hót cao ở các đầu đao như đa số chùa ở Việt Nam. Tuy vậy, ở trên nóc chùa, qua hình “lưỡng long tranh châu” tại chùa Bàn Long và hình “bánh xe pháp luân” tại chùa Phật Tích, người ta vẫn thấy rõ nét văn hóa chùa tháp Phật giáo Việt Nam. Mặt khác, viền mái của chùa Phật Tích tuy cũng là hình lá đề, nhưng quá nhọn, cứng nhắc và hơn nữa sử dụng hai gam màu vàng và đỏ cho ta thấy phần nào ảnh hưởng phong cách nghệ thuật trang trí của chùa Lào. Đối với chùa Bàn Long, không thấy ảnh hưởng nghệ thuật bản địa, trong khi đó lại hiện lên đặc trưng kiến trúc phương Tây như vòm mái tròn ở gian phía trước, các khung cửa chính, hệ thống cửa sổ và hai gian nhà bên phía trước. Nhìn chung, mặc dù có chịu ảnh hưởng văn hóa bản địa Lào hay văn hóa phương Tây nhưng về tổng thể kiến trúc hai ngôi chùa vẫn không mất đi dáng vẻ ngôi chùa Việt Nam của cộng đồng người Việt đang sinh sống ở đây. Đặc biệt là hệ thống cổng tam quan thể hiện rõ nhất văn hóa chùa Việt Nam. Nếu chúng ta có dịp tham quan nước bạn Lào mà có ngang qua hai cung đường nói trên thì rất dễ nhận ra hai ngôi chùa Việt này qua hai cổng tam quan.

Nếu khuôn mẫu chùa Việt ở Việt Nam thể hiện theo dạng “tiền Phật hậu thánh” hay “tiền Phật hậu Tổ” thì hai ngôi chùa Việt ở Viêng Chăn đều không có bàn thờ Tổ hay Thánh trong cùng gian Phật điện. Bàn thờ Tổ của hai ngôi chùa này đều có hẳn gian thờ riêng, biệt lập với Phật điện. Phải chăng đây là yếu tố văn hóa Lào mà hai ngôi chùa Việt đã tiếp thu?²

Khi người Việt di cư đến sinh sống ở xứ Lào, thì ở đây đã tồn tại tín ngưỡng bản địa và Phật giáo của người Lào. Để thích ứng với văn hóa Phật giáo địa phương, hẳn hai ngôi chùa Việt phải có sự giao lưu nhất định. Thật vậy, qua khảo sát cách bài trí tượng thờ trong



hai ngôi chùa, mặc dù hệ thống tượng thờ rất phong phú nhưng vẫn cho thấy rất rõ tính kế thừa đặc trưng của ngôi chùa cả ở Bắc Bộ lẫn ở Nam Bộ Việt Nam và sự giao lưu văn hóa với Phật giáo Lào. Đó là sự sáng tạo trong việc bài trí tượng Phật Thích-ca Mâu-ni to ở Phật điện. Nếu như ở Việt Nam, phong cách bài trí tượng thờ ở Phật điện chủ yếu theo quan niệm thế giới quan và nhân sinh quan Phật giáo như “tam thế” hoặc “tam thánh”, thì ở chùa Phật Tích và chùa Bàn Long lại chủ yếu theo lối “tam thân” giống như cách bài trí tượng thờ ở chùa Lào, tức là ở bậc trên cùng của bàn thờ chính đều đặt ba tượng Phật Thích-ca Mâu-ni theo hàng ngang đều trong tư thế ngồi. Trong Phật điện chùa Bàn Long, cả ba tượng Phật ngồi ở trên cùng; ngoài khuôn mặt và chiếc ca-sa thể hiện văn hóa tượng Phật Việt Nam còn lại đều mang phong cách tượng Phật Lào, từ tư thế tay cho đến bệ tượng. Với cách bài trí theo lối “tam thân”, nên hai tượng hai bên, lẽ ra là các pho tượng Bồ-tát Địa Tạng và Bồ-tát Quán Thế Âm như đa số chùa ở Việt Nam, đã được thay bằng hai pho tượng Phật Thích-ca Mâu-ni đều trong tư thế giống nhau. Bàn thờ bậc hai ở giữa của chùa Bàn Long tôn trí ba tượng Phật Thích-ca Mâu-ni theo phong cách tượng Phật Lào. Cách bài trí này giống như bàn thờ thu

nhỏ ở Phật điện chùa Lào. Cũng ở bàn thờ bậc hai này, hai bên là tượng Bồ-tát Địa Tạng và Bồ-tát Quán Thế Âm trong tư thế ngồi. Trên trần Phật điện chùa Bàn Long cũng được phủ đầy hoa văn và động vật như đa số chùa Lào thể hiện, nhưng khác ở chỗ đó là hoa văn và động vật quen thuộc của người Việt, của văn hóa Việt Nam.

Về mặt tiểu tượng, tượng Phật chính ở chùa Phật Tích được tạc theo phong cách tượng Phật Lào với chòm tóc giữa đỉnh đầu có hình ngọn lửa, sống mũi hơi khoằm, trái tai dài và dày. Nhìn toàn thể tượng Phật hơi cứng và thô, không thấy vẻ thoát tục như nhiều tượng Phật ở chùa Việt Nam, mặc dù yếu tố tiểu tượng của Phật Việt vẫn được kết hợp như tượng được chiếc ca-sa phủ kín toàn thân và trong tư thế kiết già thiền định. Đối với hai tượng hai bên lại càng cho thấy sự ảnh hưởng văn hóa Lào, đúng hơn hai pho tượng này là tượng Phật Lào. Tuy vậy, ở khía cạnh khác thì cách bài trí như vậy là sự sáng tạo trong uyển chuyển, với người Việt vẫn cảm thấy gần gũi như trở về nguồn cội văn hóa và với người Lào mỗi khi có dịp vãng cảnh chùa Việt cũng không cảm thấy quá xa lạ.

Phật điện chùa Phật Tích đơn giản hơn chùa Bàn Long, nhưng lại thể hiện rõ hơn trong sự giao lưu với



văn hóa Phật giáo Lào. Sự sáng tạo trong cách thức bài trí tượng Phật ở chùa Phật Tích vừa thể hiện theo chiều ngang (chủ yếu, giống như chùa Lào) vừa thể hiện theo chiều dọc. Nghĩa là trước mặt ba pho tượng ngồi hàng ngang có thêm ba tượng Phật ngồi theo chiều dọc từ trên cao xuống (cũng là tượng Phật Thích-ca ngồi trong tư thế chiến thắng ma quân, đặc trưng tượng Phật Lào). Vì vậy, cùng trên một bàn thờ Tam Bảo, người ta đặt cả ba bát hương, tạo ra ba ban thờ cùng trên một bàn thờ. Đó là sự sáng tạo trong tôn trí tượng thờ trong sự hạn chế về điều kiện không gian của Phật điện. Tuy vậy, bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam ở chùa Phật Tích vẫn hiện hữu, đó là hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm và Phật A-di-đà ngự trên điện thờ, những hình tượng này không bao giờ thấy trong hệ thống tượng thờ ở các chùa Lào.

Ngoài Phật điện, chúng ta cũng dễ dàng thấy đặc trưng văn hóa chùa Việt ở cách phối cảnh trong khuôn viên chùa. Khi đặt chân vào sân chùa, hình tượng thân quen nhất là Bồ-tát Quán Thế Âm. Nơi đất khách, lưu dân Việt luôn có nhu cầu bình yên, nên hình tượng Ngài luôn được cộng đồng Việt ở xứ Lào phụng thờ và lễ bái. Hai bên tượng Bồ-tát là Thiện Tài và Đồng Tử gắn với tích truyện Quan Âm Thị Kính, tích truyện này đã đi sâu vào lòng hàng bao người dân Việt.

Qua kiến trúc, cách thức bài trí tượng thờ và phong cách tạc tượng ở hai ngôi chùa trên, không chỉ cho thấy một sự điển hình trong giao lưu văn hóa Phật giáo Việt Nam – Lào mà còn cho thấy sự chuyên chở văn hóa hai

miền Nam – Bắc Việt Nam. Thật thú vị, ở Viêng Chăn có hai ngôi chùa Việt nhưng lại mang phong cách văn hóa chùa của hai miền Việt Nam. Nếu chùa Phật Tích thể hiện đặc trưng chùa Bắc Bộ thì chùa Bàn Long lại cho thấy văn hóa chùa Nam Bộ. Sự đa dạng đó không ngoài mục đích đáp ứng nhu cầu tâm linh cho bà con lưu dân Việt từ hai miền khác nhau cùng mưu sinh nơi xứ người.

Kiến trúc bên trong chùa Bàn Long thể hiện rõ dấu ấn của ngôi chùa Nam Bộ như không trở lối đi thẳng vào Phật điện, vì cho rằng quý thần thường đi theo đường thẳng. Do đó, thiết kế bình phong án ngữ trước Phật điện bằng một bàn thờ Phật Chuẩn Đề. Khách đến lễ Phật thường phải vào bằng hai cửa hai bên (cửa chính chỉ được mở vào những ngày lễ hội lớn). Và, khi cửa chính được mở, khách muốn vào lễ Phật cũng phải qua bàn thờ Phật Chuẩn Đề trước rồi mới vào đến bàn thờ Tam bảo. Ngoài ra, chúng ta còn thấy ở ngôi tháp xá lợi của cố Hòa thượng Thích Trung Quán ở phía trước Phật điện. Xét về mỹ quan, ngôi tháp này đã chiếm hết mặt trước của Phật điện nhưng nếu xét về phong thủy thì sự hiện hữu của ngôi tháp chính là sự che chắn những luồng khí độc có hại thổi thẳng vào Phật điện. Và, về kiêng kỵ thì nó cũng giữ chức năng ngăn chặn hướng đi của tà ma, quỷ thần.

Bước vào không gian linh thiêng thờ tự của chùa Bàn Long, hai bên cửa chính là hai tượng thần bảo vệ: Hộ pháp và Tiêu diện Đại sĩ. Cách thờ này là mô-típ đặc trưng của các chùa Nam Bộ³. Hơn thế, nghệ thuật tiểu tượng cũng cho thấy phong cách tượng thờ của văn hóa Phật giáo Nam Bộ. Trong khi đó, ở chùa Phật Tích thì hai tượng thần Hộ pháp không được thờ trong không gian Phật điện mà đặt ở ngoài cổng tam quan và cửa trước ra vào Phật điện, phong cách này chúng ta có thể bắt gặp ở hầu hết các chùa ở Bắc Bộ.

Nhìn chung, có lẽ do qui định bất thành văn của những tín đồ phát tâm và cũng tùy vào tài nghệ của những người thợ, nên kiến trúc của hai ngôi chùa Bàn Long và Phật Tích đều không theo khuôn mẫu nhất định của văn hóa Phật giáo theo vùng miền ở Việt Nam. Tuy nhiên, đó cũng là sự sáng tạo trong giao lưu với văn hóa bản địa mà cư dân Việt khi đến cộng cư với người bạn Lào.

Khi nói đến quần thể kiến trúc chùa Việt, không thể không đề cập đến tháp. Vì mỗi ngôi tháp trong khuôn viên chùa đều có giá trị tâm linh nhất định, nhất là những ngôi tháp thờ xá-lợi của Phật và chư vị Tổ sư, những vị khai sơn tạo tự. Đó là đối tượng còn lại để người hiện tại, môn đồ pháp quyến hoài tưởng đến công lao truyền trì mạch đạo, kiến lập già-lam và thâm ân giáo dưỡng.

Qua khỏi cổng tam quan chùa Bàn Long, kiến trúc nổi bật in vào mắt với những ai có dịp vãng chùa là ngôi tháp xá-lợi tôn sư của nhị vị Đại đức Ni quản tự, các

Ni sư Đàm Ngọc và Đàm Huy. Ngôi tháp này chịu ảnh hưởng mô-típ nghệ thuật tháp Lào, từ bình đồ cho đến một số họa tiết trang trí. Ngôi tháp có ba phần chính: phần chân, phần thân và phần đỉnh tháp. Phần chân và phần thân đều là hình khối vuông rất vững chắc, ở mỗi góc vuông của hai phần này đều được xây to, giống như thân cột chịu lực, làm cho ngôi tháp rất vững chắc, mặc dù trông hơi thô về thẩm mỹ. Trên đỉnh của mỗi góc cột của phần chân đều được trang trí đầu đao, ở phần thân là bông sen. Ở bốn mặt của phần chân và thân, mỗi mặt đều có cửa ra bốn hướng. Mô-típ của cũng giống như hình ngôi tháp như ở các cửa ra vào Phật điện chùa Lào. Phần thân là phần có nhiều họa tiết trang trí nhất. Hoa văn chủ yếu gắn gũi với văn hóa Phật giáo Việt Nam như hoa sen, lá đề, bánh xe pháp luân và hoa văn hình học. Trên vòm cung của mỗi ô cửa là hoa văn hình ngọn lửa. Không giống như phần chân và thân, ở phần đỉnh tháp tuy cũng là hình khối vuông nhưng nó vút cao hơi phình ra ở phần bụng, gợi cho ta hình tượng “quả bầu mẹ” giống như phần đỉnh tháp Luồng của Lào⁴. Có thể nói đây là sự tài tình mà các nghệ nhân muốn lồng ghép tinh hoa nghệ thuật Lào vào ngôi tháp này, để tạo nên kiệt tác và cũng thể hiện tinh thần tôn trọng người bạn Lào thân thiện.

Ở phần đỉnh và thân tháp, cho thấy ngôi tháp đạt được kích thước hài hòa của kiến trúc, hình ảnh vút cao của quả bầu toát lên vẻ nhẹ nhàng, làm giảm đi cái nặng nề và thô của phần thân và toàn ngôi tháp. Toàn bộ ngôi tháp được phủ gam màu vàng, đặt trên cái bệ bình đồ vuông và áp xung quanh là những cánh sen, xa trông ngôi tháp như đang ngự trên một đài sen vàng to rất đẹp mắt.

Chùa Phật Tích cũng có tháp xá-lợi. Vào cổng tam quan, bên phải là hai ngôi tháp xá-lợi tôn sư của vị Tăng trụ trì, Thượng tọa Thích Minh Quang. Về mặt kiến trúc, hai ngôi tháp này kế thừa nghệ thuật tháp xá-lợi của văn hóa Phật giáo Việt Nam ở Bắc Bộ⁵. Ngôi tháp cũng có ba phần: phần chân, phần thân và phần đỉnh. Mỗi phần đều có mái ngói hình vảy cá, màu đỏ và ở bốn góc mái đều có đầu đao. Ở phần chân và thân đều có bốn ô cửa hình vòm cung và được trang trí nhiều mảnh sứ. Cũng ở bốn ô cửa phần chân thông nhau tạo cho phần này rỗng, tức phần chân giống như bốn cây cột to chịu lực cho hai phần trên. Phần thân là nơi đặt xá lợi, phần ô cửa phía ngoài (phía Bắc) là nơi đặt di ảnh của sư cụ. Ở phần đỉnh trông như mái của tháp với mái cong, góc mái hình đầu đao, đỡ mái là bốn cột tròn nhỏ, ở giữa (dưới mái) người ta đặt tượng Phật A-di-đà để tiếp dẫn giác linh cho sư cụ. Nhìn toàn cảnh ngôi tháp rất đơn giản nhưng vẫn cho thấy sự hài hòa của mỗi phần tháp, không mất cân đối như tháp ở chùa Bàng Long. Xa trông ngôi tháp xá-lợi ở chùa Phật Tích rất thân quen với các ngôi tháp ở chùa Bắc Bộ.

Ngoài tháp thờ xá-lợi của tổ sư, còn có tháp lớn thờ

tro xương của Phật tử. Nói là tháp nhưng đúng hơn đây là ngôi nhà hình mái cong hình thuyền chứa nhiều hộc để đặt hũ tro cốt của người đã mất. Ngôi nhà này nằm ở bờ tường phía Nam khuôn viên chùa. Giải pháp này, làm nhiều ô ở bờ tường để cho Phật tử có thể gửi tro xương người thân đã mất, giống như ở chùa Thạt Phùn của Lào. Qua ngôi nhà này cũng cho thấy sự đan xen văn hóa Việt – Lào mà vị trụ trì chùa cũng như các nghệ nhân muốn thể hiện, muốn hồi tưởng về truyền thống văn hóa mình nhưng cũng tiếp thu văn hóa mới.

Cũng như chùa Lào, trong khuôn viên hai chùa Việt ở Viêng Chăn này đều có nhiều cây xanh để lấy bóng mát, đặc biệt ở chùa Phật Tích có cây bồ-đề rất to. Tuy diện tích không lớn nhưng cả hai chùa đều dành một phần để xây hồ sen, ở giữa là tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, nét đặc trưng văn hóa ngôi chùa Việt. Và, ở mỗi chùa đều có phần khuôn viên để thể hiện về lịch sử của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni; ở chùa Bàng Long thì có vườn Lâm-tỳ-ni thể hiện cảnh Phật đản sinh; còn ở chùa Phật Tích, dưới cội bồ-đề là cảnh Đức Phật chuyển pháp luân cho năm anh em ông Kiều Trần Như, những người cùng tu khổ hạnh với Phật ngày trước.

Tóm lại, nhìn tổng thể kiến trúc chùa Bàng Long và chùa Phật Tích, từ cổng tam quan đến nội tự đều mang đậm văn hóa chùa tháp của Phật giáo Việt Nam, nét văn hóa kiến trúc thân quen, gần gũi với bao người dân Việt. Qua từng phần kiến trúc, người ta đều thấy có sự kết hợp khéo léo giữa những giá trị văn hóa truyền thống Việt và tinh hoa văn hóa bản địa Lào; để từ đó tạo nên hai công trình, hai ngôi già-lam hết sức độc đáo ở giữa lòng thủ đô Lào, nơi có những hoạt động kinh tế, văn hóa và xã hội nhộn nhịp bậc nhất của cả nước; vừa mang phong cách văn hóa chùa Việt vừa hiện diện sắc thái văn hóa chùa tháp Lào. Thế cho nên, mỗi khi có dịp thường lăm chùa, tín đồ Phật giáo người Việt khi bước chân vào chùa luôn cảm thấy như được trở về nguồn cội và với tín đồ người Lào vẫn không cảm thấy quá xa lạ với văn hóa của hai ngôi chùa Việt trên đất Viêng Chăn này. ■

Chú thích:

1. Nguyễn Anh Cường: *Ngôi chùa trong văn hóa người Việt ở Bắc Bộ*. Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.Hồ Chí Minh, 2008.

2. Lê Thị Hồng Diệp: *Đời sống văn hóa của người Việt định cư ở thành phố Vientiane (Lào)*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.Hồ Chí Minh, 2007.

3. Trần Hồng Liên: *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ - Việt Nam từ thế kỷ XVII đến 1975*. Nxb Khoa Học Xã Hội, 2000.

4. Nguyễn Lệ Thi: *Nghệ thuật Ấn Độ giáo và Phật giáo ở Lào*. Nxb Thế Giới và Viện Văn hóa, 2009.

5. Nguyễn Anh Cường: Sđd.

Tu viện Huệ Quang

điểm sáng về văn hóa và giáo dục Phật giáo

KHIẾT BÁCH

Sáng ngày 3-10-2013 (29 tháng Tám năm Quý Ty), tại tu viện Huệ Quang, số 116 đường Hòa Bình, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM, Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang đã khai giảng năm học mới 2013-2014 cho lớp phiên dịch Hán Nôm khóa 10 với học trình bốn năm, gồm một năm dự bị và ba năm chính thức. Như vậy là đã liên tục hai mươi hai năm qua, từ 1991 tới nay, tu viện Huệ Quang góp phần đào tạo nhiều thế hệ Tăng Ni và cư sĩ Phật tử có khả năng Hán Nôm để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu vốn cổ của văn hóa Phật giáo Việt Nam nói riêng và văn hóa dân tộc nói chung. Mặc dù mới chỉ có mặt chưa tới nửa thế kỷ trên một vùng đất mà cách đây không lâu vẫn còn được coi là vùng ven của Sài Gòn, tu viện Huệ Quang đã là một điểm sáng về văn hóa và giáo dục của Phật giáo Việt Nam từ nửa sau của thế kỷ XX.

Vào năm 1970, Hòa thượng Thích Huệ Hưng (1917-1990), bấy giờ đã nổi tiếng là một vị giới sư nghiêm cẩn và đang giảng dạy tại Phật học viện Cao đẳng Huệ Nghiêm, đến vùng Phú Thọ Hòa quận Tân Bình ở Sài Gòn, lúc ấy dân cư nơi này đang còn thưa thớt, để khai sơn tu viện Huệ Quang rồi thường trụ và hành đạo tại đó. Là một vị cao tăng có tầm nhìn về văn hóa và giáo dục, ngài tổ chức những khóa tu thiền, giảng Luật và mở lớp dạy về Hán Nôm tại chùa. Tâm nguyện của ngài là làm thế nào có thể xây dựng việc hoằng truyền giới luật, thành lập một viện chuyên tu và tổ chức các khóa huấn luyện những vị trụ trì. Xuất thân trong một gia đình trung lưu nhiều đời kính tín Tam bảo, ngài sớm nhận thức cảnh trần gian ảo mộng nên đã hướng tâm vào đường tu và thể phát xuất gia vào năm 1938 khi mới 21 tuổi. Cuộc đời tu học của ngài có nhiều thuận duyên khi ban đầu được thụ giới tại tổ đình Vạn An, Sa Đéc, nơi nổi tiếng trong câu truyền tụng của người đương thời rằng “Sa Đéc là đất Phật”, sau đó lại tham học với các vị long tượng chốn thiền môn như Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Trí Tịnh... Với sở học vững vàng, lại tinh chuyên về giới luật, ngài đã có nhiều đóng góp lớn lao cho công cuộc hoằng pháp và phát triển Phật giáo nước nhà; tại nhiều giới đàn, ngài được thỉnh làm giáo thọ sư và giới sư. Ngài cũng được mời tham gia Hội đồng Giáo phẩm Trung ương Giáo hội Phật

giáo Việt Nam Thống nhất và được suy cử làm Tổng lý Hội đồng Quản trị chùa Ấn Quang. Sau khi đất nước thống nhất và Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập trên cả nước vào năm 1981, ngài tiếp tục điều hành nhiều Phật sự quan trọng. Tại Đại hội Phật giáo toàn quốc kỳ II tại Hà Nội vào năm 1987, ngài được đề cử làm Trưởng ban Tăng sự Trung ương. Khi Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam được thành lập, ngài được mời làm Trưởng ban Phật giáo chuyên môn. Mặc dù bận rộn, ngài vẫn không lơ là việc trước tác và nhất là việc giáo dục thế hệ kế thừa. Dẫu sao thì những hoạt động Phật sự cũng khiến ngài chưa hoàn thành được ba điều tâm nguyện nói trên. Nhưng có một điều hay là ngài đã hướng dẫn những người em ruột của ngài vào con đường giải thoát, có người hiểu sâu và đồng cảm với tâm nguyện của ngài.

Khi Hòa thượng Thích Huệ Hưng thị tịch vào năm 1990, tu viện Huệ Quang được chính người em út của ngài tiếp nhiệm vai trò trụ trì, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, người mà vào năm 1948 lúc mới 11 tuổi đã theo học rồi xuất gia với ngài Thích Trí Tịnh. Hiện nay Hòa thượng Thích Minh Cảnh là Phó Viện trưởng kiêm Trưởng ban Dịch thuật Hán Nôm Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đồng thời là Giám đốc Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang do chính Hòa thượng sáng lập. Mặc dù chưa hoàn thành mọi tâm nguyện của vị tiền nhiệm, người kế nhiệm đã đưa tu viện Huệ Quang đi vào một lãnh vực đặc thù mà thiết yếu, đó là con đường đào tạo và dịch thuật Hán Nôm.

Ngay từ năm 1991, tu viện Huệ Quang đã tiếp nhận một số học viên, hầu hết là Tăng Ni, có trình độ cao thuộc Ban Cổ ngữ Hán Nôm do Trường Doanh thương Trí Dũng chiêu sinh, về học tại lớp Cao cấp Luyện dịch Hán Nôm dưới sự dẫn dắt của HT.Thích Minh Cảnh. Các vị này sau khi ra trường vào năm 1994 đã tham gia chương trình biên dịch bộ *Từ điển Phật học Huệ Quang* do chính HT.Thích Minh Cảnh làm chủ biên; ngoài phần phiên dịch bộ *Phật Quang đại từ điển*, *Từ điển Phật học Huệ Quang* còn được biên tập thêm khoảng 1.000 thuật ngữ Phật giáo Việt Nam; chương trình này thực hiện trong mười năm, huy động trên 50 vị trí thức và chuyên gia Hán Nôm, kể cả một số người vừa được đào tạo ra trường năm 1994 như nói trên. Đến năm 2007, bộ *Từ điển Phật học Huệ Quang*



đã được in ấn hoàn tất gồm 8 tập với 7.260 trang, khổ giấy 21x29.7cm. Trong thời gian biên tập bộ từ điển Phật học đồ sộ đó, tu viện Huệ Quang tiếp tục chương trình đào tạo Hán Nôm để bổ sung nhân sự cho công trình biên dịch và những hoạt động nghiên cứu khác; đặc biệt là chương trình biên dịch Đại tạng kinh Việt Nam, không chỉ dựa trên Đại chánh tân tu Đại tạng kinh mà còn thu thập những tác phẩm do các thiền sư Việt Nam trước tác. Từ năm 1998 đến 2011, tu viện Huệ Quang đã tổ chức đào tạo chín khóa phiên dịch Hán Nôm và năm nay lại tiếp tục mở khóa thứ mười. Trong thời gian đó, việc biên dịch Đại tạng kinh cũng đã khởi động vào năm 2007.

Bên cạnh các hoạt động đào tạo, phiên dịch, biên dịch, nghiên cứu văn hóa cổ từ nguồn sách vở Hán Nôm, tu viện Huệ Quang còn chú trọng đến việc thu thập, tàng trữ những sách vở tài liệu liên quan đến văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc. Vào lúc ngôi chùa vẫn còn lụp xụp với mái lá đơn sơ, một thư viện đã được hình thành với gần chục ngàn đầu sách, được sắp xếp khoa học để dễ tra cứu và thuận tiện trong việc phục vụ người đọc. Ngay từ khi thành lập vào năm 2007, Thư viện Huệ Quang đã mở cửa để những người có nhu cầu có thể đến tra cứu tại chỗ hoặc mượn đem về nhà. Thư viện Huệ Quang có cả một chương trình hoạt động về thư viện với quy mô lớn, chú ý việc số hóa tài liệu đưa lên mạng phục vụ rộng rãi mọi bạn đọc có nhu cầu. Thư viện cũng có chương trình sưu tầm để thu gom và gìn giữ những sách vở và tài liệu quý hiếm không để cho mai một. Hoạt động này của tu viện Huệ Quang là vô cùng cần thiết nếu chúng ta biết rằng có nhiều quyển sách chỉ mới xuất hiện cách đây chừng vài chục năm mà ngày nay tìm không đâu thấy. Một trong những nét đặc biệt ở Thư viện Huệ Quang là độc giả có

thể tìm thấy ở đây khá nhiều báo chí Phật giáo đã xuất bản từ khi có phong trào chấn hưng Phật giáo hồi cuối thập niên 20 của thế kỷ trước; có nhiều loại tạp chí xưa được sưu tập gần như đủ bộ.

Cũng nên nhắc tới một hoạt động khác của tu viện Huệ Quang là việc phát hành đặc san *Suối Nguồn* để gây không khí học thuật cho những học viên Hán Nôm, số đầu tiên ra mắt vào mùa Vu-lan Phật lịch 2542 (1998), ban đầu mang tính nội bộ mỗi năm ra ba số và đến số 18 phát hành vào mùa Vu-lan Phật lịch 2548 (2004) thì tạm đình bản. Vào dịp Phật đản Phật lịch 2555 (2011), *Suối Nguồn* bộ mới đã tục bản, mỗi năm dự định ra bốn số, và đến nay đã có mặt số 11. Từ khi được tục bản, *Suối Nguồn* đã trở thành một tạp san sưu tầm, nghiên cứu về học thuật và tư tưởng mà nền tảng là tư tưởng Phật giáo; có sự cộng tác của nhiều học giả, nhiều nhà Phật học, và đã được đông đảo độc giả nồng nhiệt đón nhận.

Vào năm 2011, nhờ sự đóng góp của nhiều thí chủ, tu viện Huệ Quang bắt đầu được trùng tu và dự kiến sẽ hoàn tất trong thời gian từ ba tới bốn năm. Hiện nay, khi một phần dãy Tây lang đã được đưa vào hoạt động, tu viện cũng dành ưu tiên cho công việc đào tạo, phiên dịch và những phòng ốc khang trang nhất để tàng trữ sách vở.

Từ một ngôi chùa mái lá đơn sơ, chưa tới nửa thế kỷ, kể ra tu viện Huệ Quang đã có những đóng góp đáng kể cho các hoạt động văn hóa và giáo dục Phật giáo trong những điều kiện khó khăn. Thành tựu đó của tu viện Huệ Quang là nhờ ở sự ủng hộ tích cực của một loạt người có tâm huyết, ngưỡng mộ phong cách và đời sống phạm hạnh của các vị trụ trì, hết lòng giúp hoàn thành tâm nguyện của vị khai sơn. ■

Nhìn lại một chặng đường

Bài và ảnh: THÍCH NGUYỄN THÀNH

Nhìn lại không phải để hoài niệm mà chính là để đi tới. Bởi thế, trên lộ trình giáo dục đào tạo với những chặng đường nhất định, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế luôn có kế hoạch để soi rọi và đánh giá lại chính mình, khẳng định sứ mệnh và định hướng tương lai. Giờ đây, sau mỗi bốn năm với hai mùa kết trái đơm hoa, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế đang nhìn lại chính mình với bốn mảng hoạt động trọng tâm làm thành xương sống của Học viện như sau:

1 Điều hành và quản trị

Học viện theo thời gian phát triển đã có nhiều thay đổi về nhân sự và mô hình quản trị. Đặc biệt, tiếp theo việc chuyển đổi mô thức tuyển sinh hai năm một lần, với sự tuyển sinh khóa IV (2007), Học viện đã tiến hành cải tổ toàn triệt bộ máy quản trị hành chính: chuyển từ thiết chế “*một hội đồng*” (Hội đồng Điều hành) thành thiết chế “*hai hội đồng*”: Hội đồng Chỉ đạo và Hội đồng Điều hành. Sự chuyển đổi mô hình quản trị này là bước cần thiết, chuẩn bị cho việc mở rộng và nâng cao tầm hoạt động của Học viện, đồng thời tạo ‘không gian’ để lớp trẻ kế thừa đóng góp và phục vụ.

Cơ cấu lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, trẻ hóa nhân sự và phân nhiệm chuyên môn đã và đang là xu thế hiện đại, nên, dưới sự chỉ đạo của Hòa thượng Viện trưởng Thích Chơn Thiện, vào đầu niên học 2009 - 2010, Học viện cũng đã tiến tới nâng cao và hệ thống lại các hoạt động tổ chức ban ngành của Học viện với các phòng ban chức năng, như: Phòng Tổ chức Hành chánh, Phòng Đào tạo, Phòng Sinh viên vụ, Phòng Thư viện - Thông tin, Phòng Nghiên cứu - Dịch thuật, và Phòng Tài vụ. Học viện cũng hệ thống lại các cụm môn học thành các bộ môn theo hướng phân ngành chuyên môn. Đó là: 1. Nguyên Thủy và Phật giáo bộ phái, 2. Phật giáo Đại thừa Phát triển, 3. Luật học Phật giáo, 4. Triết học và Triết học Phật giáo, 5. Văn học và Văn học Phật giáo, 6. Lịch sử và Lịch sử Phật giáo, 7. Cổ ngữ Phật học Sanskrit và Pali, 8. Hán - Nôm, và 9. Sinh ngữ: Anh văn và Trung văn.

Đi cùng với việc nâng cao và hệ thống hóa tổ chức, Hội đồng Điều hành Học viện cũng đã thực hiện soạn thảo và ban hành các quy chế tu chỉnh về hoạt động tổ chức, đào tạo, công tác sinh viên, quản lý tài chánh, và thư viện – thông tin của Học viện. Thiết định lại mô hình quản trị như thế, Học viện thực sự đã và đang thực hiện một bước đi dài trên lộ trình hướng tới ổn định và phát triển bền vững.

2 Quan hệ và hợp tác giáo dục

Chủ trương nhất quán của Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế là song hành với giáo dục đào tạo đại học của các Học viện Phật giáo Việt Nam, hòa vào dòng chảy của giáo dục đại học quốc gia và quốc tế. Thực hiện chủ trương này, trong những năm gần đây Học viện đã không những tiếp tục duy trì mà còn tăng cường mối liên hệ hợp tác giáo dục với các cơ sở giáo dục đại học và Phật giáo trong nước, chẳng hạn:

- Trao đổi giáo thọ/giáo sư với ba Học viện Phật giáo trong nước, với Đại học Huế, Đại học Quốc gia Hà Nội...

- Phối hợp với Hội đồng Giáo dục Quốc phòng – An ninh Trung ương tổ chức các lớp bồi dưỡng cho các Tăng Ni sinh viên.

- Cùng chư tôn đức của các Học viện Phật giáo trong nước tham dự Hội nghị toàn quốc mở rộng của Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương tại Học viện Phật giáo ở Hà Nội, vào tháng 5 năm 2012, để bàn về việc thống nhất chương trình đào tạo trung cấp Phật học, liên thông chương trình đào tạo với ba Học viện Phật giáo trong nước, hoạch định chương trình cao học Phật học. Trong đó, Học viện Phật giáo Huế đảm trách soạn thảo chương trình đào tạo cao học Phật học để trình thông qua tại Hội nghị.

Đối với quan hệ ngoài nước, Học viện đã luôn hướng tới mở rộng quan hệ hợp tác giáo dục với các cơ sở giáo dục đại học ngoài nước và các giáo sư, nhân sĩ trí thức Việt kiều, như:

- Cử đại biểu tham dự Hội nghị Vesak Liên Hiệp Quốc tại Thái Lan.

- Trao đổi kinh nghiệm và quản lý giáo dục với các Đại học Phật học Thái Lan: Đại học Hoàng gia Thái Mahachulalongkorn, Đại học Mahamakut, Đại học Nakhon, và các Đại học Phật giáo Đài Loan: Đại học Phật Quang Sơn, Đại học Tam Tạng, v.v.

- Giới thiệu Tăng Ni sinh viên đã tốt nghiệp đi du học ở các nước và vùng lãnh thổ như Ấn Độ, Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản...

- Mời quý giáo sư, học giả Việt kiều như Giáo sư Bác sĩ Trần Trung Hỷ (Pháp), Giáo sư Thái Kim Lan (Đức), Tiến sĩ Hồng Quang (Mỹ)... về Học viện để trình bày các chuyên đề Phật học và xã hội khác nhau.

Việc hội nhập và hợp tác giáo dục của Học viện để phát triển nguồn lực đã không chỉ là một nỗ lực hướng đến mà còn đang được ngày một phát triển và nâng cao để xứng tầm là một trung tâm Giáo dục đại học của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.



3 Công tác sinh viên

Tăng Ni sinh viên theo học tại Học viện được tuyển từ các vùng miền khác nhau trong khắp nước. Theo đúng hướng của Ban Tôn giáo Chính phủ và cũng nhằm phù hợp với điều kiện và quy mô đào tạo của Học viện, số lượng Tăng Ni sinh viên được tuyển sinh mỗi khóa dao động trong khoảng trên dưới 200 Tăng Ni. Bắt đầu từ năm 2007, với thể chế tuyển sinh gối đầu hai năm một khóa, số lượng Tăng Ni sinh viên của Học viện đã được tăng lên. Tính từ niên khóa 2009 đến 2013, Học viện có khóa IV với 57 Tăng Ni sinh viên đã tốt nghiệp vào năm 2011, khóa V (2009-2013) với 154 Tăng Ni sinh viên vừa qua kỳ thi tốt nghiệp, khóa VI (2011-2015) có 41 Tăng Ni sinh viên đang bước vào năm học thứ 3, và khóa VII (2013-2017) với 232 Tăng Ni sinh vừa được trúng tuyển.

Thể hiện tinh thần và mục tiêu giáo dục của Học viện là đào tạo Tăng tài phục vụ Giáo hội và đất nước, Hòa thượng Viện trưởng và Hội đồng Điều hành Học viện chủ trương không thu học phí Tăng Ni sinh viên, tạo mọi điều kiện tốt nhất cho Tăng Ni sinh viên hoàn toàn yên tâm học tập. Các Tăng sinh viên ngoại tỉnh hoặc được sắp xếp trú tại ký túc xá (Nội xá Tăng) trong khuôn viên của Học viện, hoặc được Học viện giới thiệu đến trú tại những chùa trong thành phố Huế. Các Ni sinh viên ngoại tỉnh cũng vậy, hoặc được sắp xếp trú ở hai ký túc xá Ni ở Ni viện Hồng Ân và Ni viện Diệu Đức, hoặc được giới thiệu đến trú tại những chùa Ni quanh thành phố Huế.

Tăng Ni sinh viên luôn gương mẫu theo đúng thanh quy thiền môn, nội quy nhà trường, tham gia các hoạt động Phật sự của Học viện. Với cái tâm của người con Phật, sự nhiệt huyết của tuổi trẻ, Tăng Ni sinh viên đã tham gia tự nguyện các công tác, từ những hoạt động trên lớp đến các hoạt động của Học viện và Giáo hội. Có thể đơn cử một vài hoạt động điển hình:

- Đại lễ Phật đản hàng năm, Tăng Ni sinh viên đã thiết trí lễ đài, làm xe hoa, thuyền hoa, trang hoàng cờ đèn cơ sở Học viện; đặc biệt từ Vesak 2008 đến nay, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Thừa Thiên Huế tin tưởng giao trách vụ thiết kế bảy hoa sen trên sông Hương, một công trình được dư luận vô cùng khen ngợi.

- Tăng Ni sinh viên đã tham gia hiến máu nhân đạo hàng năm; định kỳ thăm và tặng quà cho người khiếm thị tại chùa Hải Đức, Cô nhi viện chùa Đức Sơn, bệnh nhân thần kinh tại Kim Long; tổ chức quyên góp cứu trợ đồng bào hoạn nạn do thiên tai...

- Nhân Hội thảo khoa học Giáo dục Phật giáo Việt Nam: Định hướng và phát triển do Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương tổ chức tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, vào tháng 5 năm 2012, Tăng Ni sinh viên đã tham dự Hội thảo, giao lưu trao đổi kinh nghiệm học tập giữa hai Học viện, và tổ chức tham quan học tập tại các tỉnh thành miền Bắc.

- Báo chí là hoạt động khá nổi bật. Có đến bốn nội san, mỗi năm học ra một số, mỗi số dày khoảng 250 trang, phong phú về nội dung và thể loại. Đặc biệt, Hoà thượng Viện trưởng, chư tôn đức, quý giáo thọ sư, giáo sư, kể cả giáo sư ngoài nước đã đóng góp bài vở rất có giá trị, đem lại chiều sâu tư tưởng cho các nội san *Hương Đạo* này.

4 Đào tạo và thành quả đào tạo

Chương trình đào tạo

Trên tinh thần cải cách giáo dục của Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương liên quan đến hệ thống hóa chương trình đào tạo các cấp (Trung cấp, Cao đẳng, và Học viện) theo hướng liên thông và hòa nhập với nền giáo dục trong nước và thế giới, chương trình đào tạo cấp cử nhân Phật học của Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Huế được cải cách theo ba tiêu chí sau đây:

1. Kế thừa và phát triển từ những giá trị và thành tựu của chương trình đào tạo theo học chế niên chỉ đang được áp dụng tại Học viện.

2. Tạo bước đệm cho việc hòa nhập vào hệ thống giáo dục trong nước và thế giới ở cấp đại học và sau đại học.

3. Chuẩn bị cơ sở về mặt thiết chế giáo dục cho việc xây dựng và thành lập khung hình đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ở Học viện.

Nhằm đến tiêu chí thứ nhất, hướng cải cách chương trình đào tạo trình độ cử nhân Phật học của Học viện là vẫn giữ nguyên thiết chế bốn năm một khóa, nhưng các môn học được thiết kế và phân bố linh hoạt hơn. Với tiêu chí thứ hai và thứ ba, các môn học được nhóm thành các học phần chuyên biệt, và phân thành ba khối kiến thức là khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành, đồng thời hướng tới xây dựng hệ thống mã hóa tên môn học.

Khối kiến thức chung bao gồm các môn học Ngoại điển liên quan đến Văn, Triết, Sử, Tâm lý, Xã hội, Giáo dục, Tin học, và Ngoại ngữ. Đây là khối kiến thức văn hóa nền và được phân bố chủ yếu vào năm thứ nhất của chương trình. Khối kiến thức cơ sở ngành là khối kiến thức chung liên quan đến Phật học, và được phân bố chủ yếu vào năm hai và năm ba. Hai năm cuối chủ yếu dành cho các học phần thuộc chuyên ngành Phật học.

Như vậy, chương trình và hoạt động đào tạo của Học viện thể hiện định hướng giáo dục nhất quán của Học viện, và cũng là định hướng giáo dục của Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương. Ấy là đào tạo nên những nhà Phật học, và những thế hệ tu sĩ kế thừa của Phật giáo Việt Nam. Do đó, bên cạnh việc cung cấp các nguồn kiến thức Phật học cho Tăng Ni sinh viên, Học viện còn chú trọng việc huấn luyện đạo đức Phật giáo cũng như cung cấp cho Tăng Ni sinh viên các môn học ngoại điển bổ trợ khác nhau.

Tuy mang sắc thái đặc thù của một đại học Phật giáo khu vực miền Trung, nhưng nói chung, nội dung chương trình đào tạo của Học viện vẫn trung thành với chương trình do Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương hoạch định. Cũng vậy, tuy mang tính đặc thù riêng của một đại học Phật giáo, nhưng Học viện vẫn luôn nỗ lực hướng tới dòng chảy chung của giáo dục đại học nước nhà. Đặc biệt, với sự thành lập bộ phận chuyên trách chuyên môn: Phòng Đào tạo (trước đây là Ban Học vụ), và với quy chế tu chỉnh về hoạt động và chương trình đào tạo, Học viện đã thực hiện một số cải tổ quan trọng hướng đến chuyên nghiệp đại học, như:

- Thành lập các khối bộ môn nhằm hướng đến phân ngành và phân khoa sau này cũng như hệ thống và hoàn thiện các đề cương giáo án, giáo trình giảng dạy.

- Từ trên cơ sở khung hình và chương trình đào tạo được hoạch định, Học viện đã thực hiện chỉnh đốn về cách phân khối kiến thức: từ cách phân khối theo nội điển và ngoại điển thành khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Sự phân

khối kiến thức này phù hợp với khung hình và chương trình đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chuyển đổi từ thiết chế niên chỉ môn học sang thiết chế học phần nhằm tạo cơ sở cho việc tiến tới thiết chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ mà các đại học trong nước đang thực hiện

Thành quả đào tạo

Từ ngày thành lập đến nay, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế đã có năm mùa kết trái đơm hoa với bảy khóa đào tạo cử nhân Phật học: Khóa I (1997-2001) với 159 Tăng Ni sinh viên, khóa II (2001-2005) với 163 Tăng Ni sinh viên, khóa III (2005-2009) với 182 Tăng Ni sinh viên, khóa IV (2007-2011) với 67 Tăng Ni sinh viên, khóa V với 154 Tăng Ni sinh viên, khóa VI với 41 Tăng Ni sinh viên đang học năm thứ 3, và khóa VII với 232 Tăng Ni sinh viên vừa được tuyển sinh.

Trong số những Tăng Ni sinh viên đã được tốt nghiệp, phần lớn đã trở về hoạt động và phục vụ đắc lực tại các cơ sở khác nhau của Giáo hội địa phương, và hơn 30 Tăng Ni sinh viên đã được Học viện giới thiệu đào tạo nâng cao ở nước ngoài như Ấn Độ, Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản và Mỹ. Một số Tăng Ni sinh viên khóa I, khóa II, và khóa III, sau khi tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ ở các đại học nước ngoài khác nhau cũng đã trở về nước và đang tham gia vào các công tác khác nhau của Giáo hội.

5 Nhận định và tương lai

Trên đây chỉ là một phác họa vài nét cơ bản và tổng quát về những chuyển biến trong hoạt động tổ chức cũng như thành quả trong hoạt động đào tạo chung của Học viện từ niên học 2009 đến nay. Đạt được những thành tựu như thế chính bởi Học viện luôn nhận được sự quan tâm sâu sát của Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương, cũng như sự hỗ trợ của lãnh đạo chính quyền các cấp, sự bảo trợ đầy đạo tình của nhiều Phật tử trong ngoài nước.

Nhìn lại là để đi tới, trong bốn năm qua với định hướng: kế thừa, ổn định và phát triển, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế với nhiều nỗ lực hoàn thiện chính mình đã phần nào hoàn thành sứ mệnh thiêng liêng do Giáo hội giao phó: giáo dục, và đào tạo Tăng tài cho Giáo hội, xây dựng những công dân "tốt đạo đẹp đời" cho đất nước.

Luôn ý thức rằng không có con đường nào cao đẹp bằng con đường giáo dục và cũng không có con đường nào đầy những thách thức và trở ngại như con đường giáo dục, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế với phương châm hành động: Văn – Tư – Tu đã và đang nỗ lực hướng tới hoàn thiện chính mình để trở thành một trung tâm giáo dục đại học Phật giáo Việt Nam tại khu vực miền Trung, ngang tầm với các đại học khác trong nước, khu vực và quốc tế. ■

Được gì hãy biết đủ



TẢN NGHĨA

Cuộc sống của con người gắn liền với nhu cầu, nghĩa là những khao khát cần được đáp ứng thuộc về cả thể chất lẫn tinh thần; và những nhu cầu của cuộc sống có vẻ là vô tận. Nhà tâm lý học người Mỹ Abraham Maslow từng đưa ra tháp nhu cầu với những mức độ đòi hỏi cấp bách khác nhau theo thứ tự, từ nhu cầu cơ bản, đến các nhu cầu an toàn, nhu cầu sở hữu, nhu cầu được vinh danh, và cuối cùng là nhu cầu thể hiện mình. Nếu các nhu cầu không được thỏa mãn thì người ta thường buồn bực. Khi các nhu cầu đó được thỏa mãn thì người ta rất hài lòng. Cũng theo Maslow thì khi những nhu cầu ở bậc thấp đã được thỏa mãn, con người sẽ lập tức hướng tới những nhu cầu ở bậc cao hơn; nhưng thông thường thì người ta luôn muốn được thêm nhiều nữa; và cùng một lúc, người ta vẫn có các nhu cầu ở các bậc khác nhau. Tuy nhiên, nếu biết dừng một đòi hỏi đúng mức thì đó chính là sự biết đủ, nếu không sẽ có các tác hại. Chuyện tiền thân Suvannahamsa hay Chuyện Thiên nga vàng, đánh số 136 trong tuyển tập Jataka, nói về một trong các tác hại đó, được kể lại như dưới đây.

Câu chuyện này khi trú ở Jetavana, bậc Đạo sư đã kể lại về Tỳ-kheo-ni Thullananda.

Một nam cư sĩ ở Savatthi muốn cúng dường tỳ cho chúng Tỳ-kheo-ni, bảo người giữ ruộng: “Khi nào các Tỳ-kheo-ni đến, hãy cho mỗi Tỳ-kheo-ni hai hay ba nhánh tỏi”. Từ đấy trở đi, các Tỳ-kheo-ni đi đến nhà người ấy hay đến ruộng để lấy tỏi.

Vị cư sĩ ấy muốn cúng dường tỏi cho các Tỳ-kheo-ni,

có thể là vì kính trọng lam bao (Phật, Pháp, Tăng), cũng có thể là vì muốn tạo công đức cho mình. Tuy nhiên, sự cúng dường của vị cư sĩ này cũng có một mức độ giới hạn; ông dặn người giữ ruộng: “Hãy cho mỗi Tỳ-kheo-ni hai hay ba nhánh tỏi”. Như vậy ta có thể thấy sự cúng dường này chỉ để cho mỗi Tỳ-kheo-ni vừa đủ dùng trong ngày. Cũng có thể vị cư sĩ này chỉ cúng dường giới hạn vì đã biết về luật “cấm để dành thức ăn” đối với các Tỳ-kheo (xem Luật Ma-ha-tăng-kỳ, quyển thứ 17). Câu chuyện kể tiếp:

Một hôm, vào một ngày lễ, trong nhà người ấy không còn tỏi nữa. Tỳ-kheo-ni Thullananda đến nhà người ấy với một số tùy tùng và hỏi: “Thưa ông, có tỏi không?”. “Thưa ni sư, không có tỏi. Ni sư hãy ra ngoài đồng”. Nghe nói vậy, Thullananda đi ra ngoài đồng, không chế ngự được lòng tham đã mang tỏi về quá nhiều. Người giữ ruộng tức giận: “Vì sao các Tỳ-kheo-ni không biết vừa đủ, đem tỏi đi quá nhiều như vậy”.

Vị cư sĩ đã dặn người giữ ruộng chỉ cho mỗi Tỳ-kheo-ni vài nhánh tỏi. Như vậy, các Tỳ-kheo-ni không thể lấy giùm người khác. Mặt khác, do không được để dành thức ăn, mỗi người cũng không thể lấy nhiều tỏi để dành dụm riêng cho mình. Hành vi của Tỳ-kheo-ni Thullananda bị người giữ ruộng cho là “không biết đủ”. Để hiểu thế nào là không biết đủ, ta cần tìm hiểu xem thế nào là biết đủ. Sự biết đủ (Pali: santuttṭhi, Hán Việt: tri túc) là sự thỏa mãn mọi nhu cầu vừa phải. Theo tiếng Pali, santuttṭhi là từ ghép của sanj và tutṭhi; trong đó “sanj” là một tiếp vĩ ngữ có nghĩa là cùng vậy hay cùng với, “tutṭhi” là quá khứ phân từ của “tussati” có nghĩa là



vừa lòng, thỏa mãn. “*Saṃtuṭṭhi*” là hài lòng với những cái mình có. Trong bài kệ thứ 204 thuộc kinh *Pháp Cú* có đoạn kệ “*Saṃtuṭṭhiparamaj dhanaj*” được Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là “*Biết đủ, tiền tối thượng*”. Điểm chính yếu trong sự biết đủ là không có sự tham lam. Khi một người biết đủ, họ hài lòng với cái mình đã có, không cần phải yêu cầu thêm. Họ cũng hài lòng với cái mình nhận được. Nếu biết nguyên lý nhân quả, họ cũng hiểu rằng cái mình nhận được luôn phù hợp với hành vi quá khứ của mình, vì thế không sử dụng các phương pháp sai trái để mong nhận được nhiều hơn. Cũng nhờ biết nguyên lý nhân quả, họ hiểu rằng địa vị của mình do phước đức mà mình có được, do đó sẽ không tự cao tự đại khi ở địa vị cao và không khổ tâm vì muốn nhiều mà được ít nếu ở địa vị thấp. Họ cũng biết rằng cái mà mình nhận được thì tương xứng với trách nhiệm của mình, cho nên nếu muốn trách nhiệm ít mà thu nhập nhiều thì sẽ gây đau khổ. Ta theo dõi tiếp câu chuyện.

Nghe nói vậy các Tỳ-kheo-ni thiếu dục bực bội phiền muộn và các Tỳ-kheo ở nhà cũng bực bội phiền muộn không kém. Sự phiền muộn của chư ni được các Tỳ-kheo trình lên Thế Tôn rõ. Thế Tôn phê bình Tỳ-kheo ni Thullananda và nói: “Này các Tỳ-kheo, một người có lòng dục lớn xử sự không thân ái, không làm vừa ý cho đến mẹ sinh ra mình, không gây được lòng tin đối với những người chưa tin, không có thể làm tăng trưởng lòng tin của những người đã có lòng tin; không làm khởi lên các lợi dưỡng chưa được khởi lên. Và đối với lợi dưỡng đã có rồi không thể duy trì được”.

Đức Phật nói lên tác hại của việc không biết đủ. Người không biết đủ sẽ làm nhiều người, ngay cả cha mẹ, bực mình. Ngày nay, trong thời đại tiêu thụ, sự không biết đủ còn thể hiện trong việc vứt bỏ các món

đồ còn tốt, khát khao mua sắm các vật dụng đời mới nhất: máy tính mạnh nhất, điện thoại lướt web nhanh nhất... Những người luôn luôn tìm kiếm những sự mới lạ, tốt nhất như vậy được các nhà tâm lý Mỹ gọi là *những người đòi hỏi tối đa* (maximizer). Người đòi hỏi tối đa là người không bao giờ vừa ý với món hàng mình lựa chọn, luôn luôn có cảm giác rằng ở đâu đó sẽ có một món hàng tốt hơn. Người đòi hỏi tối đa sẵn sàng đi tất cả các cửa hàng áo sơ-mi để lựa ra một cái áo vừa có chất lượng hạng nhất nhưng giá lại hời nhất. Trái ngược với người đòi hỏi tối đa là *người biết hài lòng* (satisficer). Các nhà tâm lý đưa ra một số dấu hiệu của trạng thái đòi hỏi tối đa:

- Luôn muốn tìm kiếm công việc mới dù công việc hiện tại cũng đáng hài lòng.
- Chuyển kênh tivi liên tục.
- Lựa chọn rất nhiều khi đi mua sắm hay thuê mượn các dụng cụ, dịch vụ, mất rất nhiều thời gian đắn đo khi mua hàng. Thường hối tiếc sau khi mua một món hàng, không cảm thấy tích cực về các lựa chọn của mình.
- Luôn luôn đặt chuẩn cao nhất cho công việc. Không bằng lòng với hạng nhì.
- Ít trân trọng các sự kiện tích cực, thích nghi kém với những điều tiêu cực.

Người đòi hỏi tối đa sau khi đã mua sắm thường có trạng thái gọi là “*nỗi hối hận của người mua*” (buyer remorse). Người này sẽ cảm thấy vô cùng hối tiếc nếu sau khi chọn lựa món hàng, sau khi mua xong, họ lại phát hiện ra món hàng tốt hơn hay có cùng chất lượng nhưng giá cả rẻ hơn. Họ sẽ nghĩ trong đầu: “*giá như mình đi vào cửa hàng đó, giá như mình nghe lời khuyên của X...*”. Với những sự hối tiếc như vậy, người đòi hỏi tối đa bị mất sự thỏa mãn, đời sống trở nên không hạnh phúc.



Đức Phật nói: *Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay Thullananda mới có dục lớn, trong quá khứ Thullananda đã có lòng dục lớn rồi. Nói vậy xong Đức Phật kể lại câu chuyện quá khứ.*

Chúng ta đã biết rằng mỗi khi có một sự kiện gì cần giáo dục chư Tỳ-kheo, Đức Phật thường kể lại một câu chuyện tiền thân. Câu chuyện được Đức Phật kể lại trong trường hợp này như sau:

Thuở xưa, khi vua Bramadatta trị vì ở Benares, Bồ-tát sanh trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành ngài lấy một người vợ môn đăng hộ đối. Với người vợ ấy Bồ-tát có được ba đứa con gái đều có tên là Nanda. Khi Bồ-tát mệnh chung sanh làm con ngỗng trời vàng có trí nhớ được đời trước. Khi đến tuổi trưởng thành, thấy thân thể to lớn của mình, với lông bằng vàng che thân, với sắc đẹp tuyệt trần, ngỗng vàng hướng tâm tìm hiểu: “Ta từ đâu mạng chung mà đến đây?”. Biết được mình từ loài người đến, Bồ-tát tìm hiểu tiếp: “Nay nữ Bà-la-môn và các con gái ta ở đâu?”. Được biết họ làm thuê cho người khác và sống một cách khó khăn, Bồ-tát suy nghĩ: “Nếu ta cho họ các lông bằng vàng trên thân ta thì vợ con ta sẽ sống hạnh phúc”.

Như vậy, theo lý thuyết về nhân quả, vợ con của Bồ-tát đã thực hành bố thí trong quá khứ nên ngày nay có lông vàng của con ngỗng tặng để sinh sống. Bồ-tát kiếm ba mẹ con và nói:

“Ta sẽ cho các con mỗi lần một cái lông vàng của ta. Các con bán và sống hạnh phúc”. Nói xong Bồ-tát cho một cái lông vàng và bay đi. Từ đó, Bồ-tát với cách thức này, đi đến và mỗi lần cho một cái lông vàng. Các nữ Bà-la-môn nhờ vậy sống sung túc và hạnh phúc.

Mặc dù nhận được các lông vàng để bán mà sinh sống, các nữ Bà-la-môn chỉ có phước đức không nhiều nên chỉ nhận được mỗi lần một lông vàng. Tuy nhiên,

khi nhận được lông vàng đều đặn như vậy, vị nữ Bà-la-môn là người mẹ lại phát sinh lòng tham, muốn có nhiều hơn.

Một hôm, nữ Bà-la-môn nói với các con gái: “Này các con, tâm của loài bằng sanh khó mà biết được. Một ngày nào đó cha của các con có thể không đến đây, vậy khi nào cha các con đến, chúng ta hãy nhổ tất cả các lông vàng và lấy các lông ấy để dành”. Các người con gái không chịu: “Làm như vậy cha chúng con sẽ đau đớn”.

Như vậy, thay vì biết ơn con ngỗng, nữ Bà-la-môn tìm cách vặt hết lông con ngỗng để lấy hết các lông vàng. Câu chuyện này cho thấy rằng cho dù bạn có giúp đỡ người khác như thế nào thì khi xử sự cũng cần phải thận trọng, nếu không sẽ gặp phải tình trạng “làm ơn mắc oán”.

Tuy vậy, lòng ham muốn của nữ Bà-la-môn quá lớn, một hôm, con ngỗng trời vàng đến, bà kêu con ngỗng đến gần, lấy hai tay bắt giữ và nhổ tất cả các lông. Nhưng các lông của Bồ-tát nếu bị nhổ ngoài ý muốn của mình thì các lông trở thành lông con cò thường. Bồ-tát xòe hai cánh ra nhưng không có thể bay được. Nữ Bà-la-môn quăng Bồ-tát vào trong một cái thùng lớn và cho Bồ-tát ăn ở đấy. Theo thời gian các lông của Bồ-tát mọc lại, nhưng nó toàn màu trắng. Với cánh được mọc lông lại, Bồ-tát bay về chỗ ở của mình và không bao giờ trở lại nữa.

Vì ham muốn được nhiều lông vàng nên nữ Bà-la-môn sử dụng một biện pháp xấu, ép buộc con ngỗng để nhổ lông. Tuy nhiên, do phước đức của bốn mẹ con không đủ nên gặp hiện tượng các lông vàng trở thành lông thường. Đây là một câu chuyện ta cần suy ngẫm. Nếu tham quá mức thì tài sản mà ta thu lượm được sẽ bị hủy hoại theo những cách bất ngờ nhất, chẳng những vậy ta còn hại cả những người khác, ngay cả những người thân của mình.

Bậc Đạo sư sau khi kể lại câu chuyện quá khứ, nói rằng: *này các Tỳ-kheo, Thullananda không phải nay mới có ham muốn lớn. Thuở trước nó cũng có ham muốn lớn rồi. Lòng ham muốn lúc ấy làm cho nó mất vàng, cũng như lòng ham muốn lớn hôm nay làm cho nó mất tôi. Cũng như Thullananda, chính vì nạng mà chúng Tỳ-kheo còn lại cũng không được tôi. Do vậy, nếu được nhiều, phải biết lượng vừa đủ, nếu được ít phải bằng lòng với đó nhận được. Chớ có mong mỏi nhiều hơn. Rồi bậc Đạo sư đọc bài kệ:*

*Được gì hãy biết đủ,
Quá tham là ác pháp,
Do bắt chước ngỗng trời
Bao nhiêu vàng tiêu hết.*

Nói xong, bậc Đạo sư dùng nhiều phương tiện chỉ trích rồi đặt ra học pháp: *Tỳ-kheo-ni nào ăn tôi bị tội đọa địa ngục. Nói xong, bậc Đạo sư cho biết: Lúc bấy giờ nữ Bà-la-môn là Thullananda, ba người con gái là ba chị em. Con ngỗng trời là Ta vậy. ■*

Đổi diện cái chết Không sợ hãi

LILY DE SYLVA
TƯỜNG VI dịch

Có lẽ là sự kiện duy nhất chắc chắn sẽ xảy ra trong đời nhưng lại là việc mà con người ít được chuẩn bị nhất. Con người lập kế hoạch và sửa soạn cho vô số sự việc khác nhau – thi cử, hôn nhân, giao dịch kinh doanh, xây dựng nhà cửa... – mặc dù chẳng bao giờ người ta có thể biết chắc rằng những kế hoạch ấy có trở thành hiện thực đúng như mong muốn của họ hay không. Cái chết thì khác, nó có thể đến vào bất cứ giờ phút nào, sớm hay muộn. Đó là sự kiện chắc chắn nhất trong cuộc đời; cũng như những cây nấm khi nhô lên khỏi mặt đất bao giờ cũng mang theo một ít đất trên mũ nấm, mọi sinh thể đều mang theo với mình cái mầm chết chắc chắn ngay từ lúc chào đời.

Kinh *Araka* thuộc *Đại Phẩm* ở chương Bảy pháp của *Tăng Chi Bộ* minh họa bản chất bất định và phù du của đời sống với nhiều hình ảnh thí dụ gợi sự liên tưởng. Đời sống được so sánh với giọt sương đọng trên đầu ngọn cỏ, giọt sương ấy có thể rơi bất cứ lúc nào, và kể cả nếu không rơi, giọt sương ấy cũng bay hơi khi mặt trời lên. Đời sống cũng chóng qua như những bong bóng nước được tạo nên lúc cơn mưa lớn đổ xuống mặt đất. Kinh văn chỉ ra rằng cuộc sống ruổi nhanh đến cỏi chết không ngừng nghỉ chẳng khác dòng nước trên đỉnh núi đổ xuống chân núi chẳng lúc nào dừng. Kinh *Pháp Cú* so sánh sự mong manh của thân như bọt nước (kệ thứ 46) hay như món đồ bằng gốm (kệ thứ 40). Với nhiều thí dụ, kinh điển Phật giáo nhấn mạnh đến sự không chắc chắn của cuộc sống và sự chắc chắn của cái chết. Cũng kinh *Pháp Cú* khẳng định rằng mọi người đều sợ chết (kệ thứ 139). Con người sợ chết vì ai cũng khao khát cuộc sống với tất cả năng lực của mình. Một sự thật nữa là con người sợ cái điều chưa biết. Chúng ta biết rất ít về cái chết, cho nên, sự sợ chết của chúng ta có những lý do mang tính hai mặt. Có vẻ hoàn toàn hợp lý để nói rằng sự sợ chết, hoặc sự sợ hãi những điều làm hại đến đời sống, ẩn núp dưới gốc rễ của mọi nỗi sợ hãi. Cho nên, mỗi khi cảm thấy kinh hoàng, hoặc là chúng ta sẽ tìm cách lánh xa cái nguyên nhân gây sợ hãi ấy hoặc chúng ta sẽ chiến đấu chống lại nó, nghĩa là chúng ta mang hết mọi cố gắng ra để bảo tồn mạng sống. Nhưng chúng ta chỉ có thể chống chọi được bao lâu mà cơ thể của chúng ta còn

có khả năng chạy trốn hoặc chống cự lại sự nguy hiểm. Thế nhưng, cuối cùng, khi chúng ta nằm trên giường chờ chết, đối mặt với tử thần đang đến gần, cơ thể không còn sức mạnh để thực hiện bất kỳ hành vi phản kháng nào, vẫn rất không chắc là chúng ta sẽ chấp nhận cái chết với một thái độ cam chịu. Về mặt tâm thức, chúng ta vẫn sẽ cố gắng một cách tuyệt vọng để sống còn. Vì sự khao khát đời sống của chúng ta quá mạnh mẽ, chúng ta sẽ bám víu về mặt tâm thức vào bất kỳ một chỗ nào khác có thể tồn tại được, vì cơ thể chúng ta không còn đủ sức nâng đỡ một đời sống. Một khi mà một chỗ để bám víu như vậy, chẳng hạn một cái trứng đã thụ tinh trong tử cung của một bà mẹ, đã được nắm lấy, cái tiến trình tâm lý của sự sống – được gọi là *hữu phần* – sẽ tiếp tục với cái chỗ mới đã được tìm thấy đó như là căn bản. Sự sinh sẽ diễn ra đúng thời. Điều đó có vẻ là tiến trình đã được giải thích theo lý duyên khởi: *ái* duyên *thủ*, *thủ* duyên *hữu* và *hữu* duyên *sinh* (sự khao khát làm điều kiện của sự bám chấp, sự bám chấp làm điều kiện cho sự trở thành, và sự trở thành làm điều kiện cho sự sinh thành). Như vậy, một con người bình thường vì sợ chết nên tất yếu sẽ chọn lấy một cuộc sinh thành khác bởi nỗi khao khát cháy bỏng của người ấy đối với cuộc sống.

Chúng ta hãy khảo sát xa hơn vào tiến trình của sự chết, đi từ chỗ đã biết đến chỗ chưa biết. Chúng ta biết rằng, trong cuộc sống bình thường, khi chúng ta ở trạng thái tỉnh thức, những dữ kiện cảm giác không ngừng tác động vào các giác quan của ta. Chúng ta cũng không ngừng bận rộn trong việc đối phó với những dữ kiện cảm giác đó, loại bỏ những cảm giác này, chọn lựa những cảm giác kia với sự chú tâm nhiều hơn, và không ngừng bị ám ảnh bởi những sự vật khác nữa. Đó là tiến trình tiếp diễn không ngừng bao lâu mà ta còn tỉnh thức. Trong thời hiện đại này, con người còn tiếp tục tìm kiếm và cố gắng gạt hái nhiều hơn những sự kích thích cảm giác. Sự phổ biến những loại hàng hóa tiêu thụ như máy vô tuyến truyền hình, máy tính xách tay, điện thoại di động, các thứ mỹ phẩm, các chất kích thích... là dấu chỉ rõ rệt cho cái khuynh hướng tìm kiếm ngày càng nhiều nguồn kích thích. Bởi tất cả những thứ đó, chúng ta bị vong thân, chúng ta không còn biết bản chất thực của mình, hoặc nói chính xác hơn, không biết bản chất thực của tâm thức mình. Hơn thế nữa, chúng ta tiến hành các



hoạt động bận rộn của mình trong cuộc sống xã hội bằng cách đeo những chiếc mặt nạ thích hợp cho từng hoàn cảnh. Chẳng bao giờ chúng ta trình bày những tâm trạng ghen tức, tham lam, giận dữ, kiêu hãnh hay ích kỷ bằng những cảm xúc chân thật của mình. Chúng ta giấu những tâm trạng ấy trong những cung cách được xã hội chấp nhận qua những phát biểu chính thức như chúc tụng, cảm ơn, thương xót. Nhưng cũng có những lúc những cảm xúc tiêu cực của chúng ta quá lớn đến nỗi chúng bật ra dưới những hình thái giết chóc, cướp bóc, tranh cãi, nói xấu sau lưng... Tuy vậy, nói chung chúng ta vẫn cố giữ cho những nọc độc của các tình cảm tiêu cực ấy được kềm chế.

Bây giờ ta hãy xét xem điều gì xảy ra vào lúc ta nằm chờ chết. Chúng ta tin rằng cái chết là một tiến trình chứ không phải là một sự kiện xảy ra tức thời. Khi các giác quan lần lượt mất đi sức sống từng cơ quan một và chúng ngừng cung cấp những kích thích thì những ức chế cũng yếu dần. Những tấm mặt nạ mà ta vẫn đeo để đóng những vai

trò khác nhau của ta cũng bị rơi xuống. Cuối cùng, chúng ta đối mặt chính mình trong sự trần trụi hoàn toàn. Vào lúc đó, nếu điều mà chúng ta thấy là những nọc độc của những tình cảm tiêu cực như ghen ghét, ganh tị... chúng ta sẽ cảm thấy nặng lòng với tội lỗi, hối hận và đau buồn. Một điều chắc chắn là ký ức của chúng ta lúc đó trở nên sắc bén, vì tất cả những nhiễu loạn và ức chế về mặt cảm giác vốn làm cho ký ức bị đè nén đã rơi rụng cả. Chúng ta có thể nhớ lại những hành động mà chúng ta đã phạm phải hoặc chúng ta đã bỏ qua trong suốt cuộc đời mình một cách rõ ràng hoàn toàn không một chút phô trương nào. Nếu đó là những hành động sai quấy về phương diện đạo đức thì chúng ta sẽ run rẩy với cảm giác có tội và hối tiếc, nhưng nếu đó là những hành động tốt đẹp thì ta sẽ hài lòng và hạnh phúc. Bộ *Thăng pháp Tập yếu* (Abhidhammatthasangaha) có đề cập về nghiệp và nghiệp tướng tại ý môn vào lúc xảy ra cái chết. Điều đó dường như là sự sống lại trong ký ức của một hành động có thật hay một hành động bị che giấu ở

dạng những biểu tượng vào lúc con người bị cái chết xâm chiếm. Kinh điển cũng nói rằng sự tái sinh được quyết định bởi phẩm chất của những suy nghĩ xuất hiện theo cách thức như vậy.

Chết là một sự kiện tự nhiên cũng như khi màn đêm buông xuống; nó chỉ là một biểu hiện của tính vô thường. Cho dù chúng ta có chán ghét cái chết đến mức nào chẳng nữa, chúng ta phải biết định hướng để chấp nhận điều không thể tránh được đó, vì hoàn toàn không có chỗ nào trốn tránh được cái chết. Kinh điển Phật giáo chủ trương phải biết nuôi dưỡng chánh niệm về cái chết một cách thường xuyên để con người không bị đặt vào tình trạng thiếu ý thức khi sự kiện này xảy ra. Để đối diện với cái chết một cách thanh thản, con người phải học nghệ thuật sống một cách thanh thản với chính mình và với mọi người mọi sự chung quanh. Một phương pháp để thực hành việc này là luôn nhớ đến tính cách không thể tránh khỏi của cái chết, một việc có tác dụng ngăn cản con người trước những hành vi xấu ác. Thực hành thiền định là một trong những kỹ thuật cho phép con người sống an lạc với chính mình và với mọi người. Thực hành lòng từ chính là một phương pháp hỗ trợ hữu hiệu cho hoạt động thiền định. Một trong những lợi ích đặc biệt của việc thực hành này là tâm không bối rối lúc đối diện cái chết.

Trong đoạn kinh *Hiển thiện* thuộc phẩm *Cần phải nhớ*, chương Sáu pháp (*Kinh Tăng Chi Bộ*), Đức Phật giải thích về cách chuẩn bị cho một cuộc mệnh chung thanh thản. Một người phải biết tổ chức cuộc sống của mình và nuôi dưỡng một thái độ thích đáng cho mục đích này. Lời dạy nêu trong đoạn kinh này như sau:

Không ham thích một cuộc sống bận rộn với quá nhiều hoạt động.

Không ham thích việc trò chuyện

Không ham thích ngủ

Không ham thích có nhiều bạn bè

Không ham thích giao thiệp

Không ham thích mơ mộng viễn vông.

Một đoạn kinh khác cũng thuộc *Tăng Chi Bộ* là kinh *Các sức mạnh* thuộc phẩm *Tranh luận*, chương Hai pháp cũng giải thích rõ rằng người nào tránh những hành vi xấu ác về thân khẩu và ý khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh về cõi thiện, cõi trời hoặc cõi đời này. Kinh *Đại Bát Niết-bàn* thuộc *Trường Bộ* cũng khẳng định một cách dứt khoát rằng những người có hành vi xấu ác sẽ đối diện cái chết với sự sợ hãi, trong khi những người có những hành vi hiền thiện thì sẽ tiếp nhận cái chết một cách an lạc. Kinh *Mahamāyā Sakka* thuộc *Tương Ưng Bộ* (phẩm *Saranani*) thuật rằng có lần Thiên chủ Mahāmāyā tiết lộ với Đức Phật là ông ta rất lo sợ về nơi tái sinh nếu như ông ta gặp một cái chết dữ trong một tai nạn xe cộ. Khi ấy, Đức Phật giải thích rằng nếu một người đã nuôi dưỡng các phẩm chất về niềm tin, giới hạnh, thiền định, từ bi và trí tuệ thì không cần thiết phải ấp ủ những nỗi sợ hãi như vậy. Để minh họa cho quan điểm đó, Đức Phật nêu ra thí dụ. Giả như một cái lọ gốm đựng

đầy dầu bị rơi và vỡ dưới đáy sông, thì những mảnh gốm có thể bị chìm xuống lòng sông nhưng dầu sẽ từ từ nổi lên mặt nước. Tương tự như vậy, trong một tình thế thảm kịch, thân thể của một người có thể bị giập nát, bị phơi bày để điều hâu hay dã-can cắn xé, nhưng tâm thức của người ấy vẫn nổi lên và hướng đến chỗ cao thượng.

Những điều mô tả về bệnh tình của cha mẹ của cư sĩ Nakula là một tình tiết thú vị khác thể hiện thái độ của Phật giáo về cái chết. Một thời, cha của Nakula bệnh rất nặng và mẹ Nakula ghi nhận rằng người bệnh rất cáu kỉnh bất an. Bà khuyên ông rằng chết với sự lo âu là điều đau khổ và bị Đức Phật phê phán. Vì thế mà người bệnh cần phải giữ bình tĩnh. Bà tự nói ra những điều âu lo của chồng, và bà hứa với chồng rằng tất cả những điều âu lo ấy bà đều có thể cáng đáng nếu như chồng mình qua đời, ngay cả việc ông lo ngại rằng bà sẽ tái hôn sau khi ông chết thì bà cũng hứa sẽ không tái hôn mà sẽ ở vậy trung thành với ông. Vì thế, bà khuyên ông nên đối mặt với cái chết một cách mạnh dạn không âu lo nếu như tình thế không thể thay đổi được. Đó là những lời khuyên của người vợ vào lúc chồng mình bệnh gần chết. Chuyện kể rằng sau đó cha của Nakula bình tâm lại và hồi phục dần. Câu chuyện được trình lên cho Đức Phật. Ngài khen ngợi mẹ của Nakula là một đệ tử áo trắng của Ngài đã đạt được tịnh chỉ, không còn do dự lo âu, với lòng từ mẫn, đã biết khuyên bảo chồng đúng mực.

Trong các kinh *Tăng Chi Bộ* và *Tương Ưng Bộ*, có nhiều đoạn nói về ích lợi của việc quán tưởng về cái chết. Với lòng ham sống, tâm thức bị loại bỏ, và khi bị đầu độc bởi những thú vui của cuộc sống, con người phạm vào nhiều hành động tàn bạo khác nhau. Những điều đó sẽ được ngăn cản khi con người biết thực hành việc quán niệm về cái chết. Chỉ cần nhớ rằng chúng ta không đến trần gian này để ở lại mãi mãi thì chúng ta sẽ thận trọng gìn giữ để sống một cuộc sống tốt đẹp hơn. Khi kiểm điểm lại, nếu chúng ta phát hiện những tình cảm xấu như tham dục, ghen ghét, tức giận có mặt trong tâm, chúng ta nên lập tức tìm mọi cách tiêu diệt chúng như thể chúng ta phải giập tắt lửa nếu như chính đầu mình bị lửa liếm vào.

Vì vậy mà kinh văn Phật giáo nhắc đi nhắc lại không mệt mỏi về những lợi ích của việc thường xuyên quán tưởng về bản chất không thể tránh khỏi của cái chết. Điều đó giúp cho con người sống một cuộc sống hiền thiện và sẵn sàng đối mặt một cách thanh thản tự tin không sợ hãi trước cái chết, sự kiện duy nhất chắc chắn sẽ xảy ra trong đời. ■

Nguồn: *Facing Death Without Fear*, trích trong *One Foot in the World - Buddhist Approaches to Present-day Problems*, <http://www.accesstinsight.org>.

Tác giả: *Lily de Silva*, Tiến sĩ Phật học, Giáo sư Phật học tại University of Peradeniya, Sri Lanka. Bà được mời thỉnh giảng tại Center for the Study of World Religions, Harvard University, niên khóa 1978-79. Bà cũng là tác giả nhiều sách Phật học và có đóng góp trong việc biên tập *Sớ giải kinh Trường Bộ*.



Chùa là bệnh viện

CAO HUY HÓA

Chùa gắn liền với đời sống tâm linh của người dân Việt Nam từ lâu, nên ai cũng gần gũi với chùa, dầu là trong thực tế hay trong nhận thức. Chùa là nơi thờ Phật và các vị Bồ-tát, là nơi tu hành của giới xuất gia theo giáo pháp giải thoát của Phật. Chùa là nơi Phật tử quy y Tam bảo và tu học theo sinh hoạt của chùa. Chùa là nơi thực hành lễ nghi Phật giáo... Còn gì nữa không? Bỗng nhiên tôi nhớ lại câu nói lạ lạ “Chùa là bệnh viện” của Thượng tọa Bửu Chánh khi Thượng tọa có nhã ý đưa chúng tôi về thăm thiền viện Phước Sơn tại đồi Lá Giang, xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người ta đến bệnh viện vì đau, vì muốn được điều trị, vậy thì người ta đến chùa vì đau gì? Chắc chắn là không phải đau thể chất, lục phủ ngũ tạng... mà người ta chỉ đau tâm bệnh, với biết bao nhiêu trạng thái, tình huống, cung bậc, nhất là trong thời buổi kinh tế khó khăn, các giá trị đạo đức truyền thống bị thử thách, các căn bệnh xã hội phát triển... Các thể hiện của tâm bệnh là đau khổ, sầu não, giận dữ, chán đời, suy sụp tinh thần, hận thù,... mà nguyên nhân là phá sản, làm ăn thất bát, con cái hư hỏng, ma túy, rượu chè nghiện ngập, cha mẹ ly dị, vợ chồng bỏ nhau, bạo hành trong gia đình, người thân mất đi, con cái bơ vơ, bị đối xử bất công, thiếu lễ sống... Mà không những phải chỉ đau

trong những biến cố khó vượt qua như thế, con người bình thường vẫn thấy nỗi khổ của kiếp người nên cần tìm bóng mát an lạc.

Nhưng chùa có đời sống tu tập, lễ nghi và hoạt động hoằng pháp của chùa, làm sao có thể lo cho tâm bệnh của không biết bao nhiêu người? Nếu có ai đó được nương cảnh chùa mà tìm được bình an cho tâm hồn để tiếp tục vui sống thì đó là duyên may. Tuy nhiên, cũng có những vị tu hành thực hiện lý tưởng hoằng pháp độ sinh theo cách của mình, nhờ vào những thuận duyên mà mình có được. Chuyển thăm thiền viện Phước Sơn cho tôi cảm nhận “Chùa là bệnh viện” dầu chỉ trong thời gian khoảng hai giờ đồng hồ, như cưỡi ngựa xem hoa.

Đất đai của thiền viện rộng hơn 30 hecta với đường ven đồi núi cây rừng, dưới chân đồi là con suối róc rách quanh năm. Thiền viện Phước Sơn được cố Hòa thượng Giới Nghiêm, nguyên Tăng thống Phật giáo Nam tông Việt Nam, dày công sáng lập từ năm 1970 với mục đích làm nơi tăng gia sản xuất nhằm cung cấp lương thực cho chư Tăng của Phật giáo Nguyên thủy tu học. Từ năm 1985, Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh có duyên lành về trụ trì ngôi chùa sau một thời gian thiếu vắng bàn tay con người. “Sau 29 năm Thượng tọa về đây và sau 20 năm thành lập trung tâm thiền, thiền viện Phước Sơn đã trở thành một trung tâm thiền - có ngôi chánh

điện khang trang có thể dùng để làm nơi hành thiền, hai ngôi thiền đường rộng rãi và trên 400 cốc và phòng liên kế có thể đón tiếp hàng trăm thiền sinh cho mỗi khóa tu – Thiền viện Phước Sơn không những chỉ được biết đến ở Việt Nam mà còn mang dấu ấn quốc tế, bằng chứng là thiền viện hiện nay đã mời được những thiền sư nước ngoài về đây để hướng dẫn cho các thiền sinh Việt Nam và đem lại lợi lạc, phước báu tinh thần cho nhiều người”^a.

Chưa nói đến chuyện chữa bệnh, quang cảnh bao la, bình yên, rợp cây xanh đã là một nơi di dưỡng tinh thần. Bệnh viện như thế, còn lương y thì chắc chắn là các vị Tỳ-kheo rồi; trên hết là Thượng tọa viện chủ. Còn phương pháp điều trị? Đó là thiền Tứ niệm xứ (Vipassanā) mà thầy đã hướng dẫn người tu suốt 20 năm, đã hòa nhập với cách tu thiền này của các nước theo Phật giáo Nam tông, và đã được các vị thầy quốc tế đến hướng dẫn, cũng như các Phật tử nước ngoài đến tham dự các khóa tu. Đó là nhập thất trong các khoảng thời gian tự nguyện, đó là nghe giảng pháp, đó là làm công quả trong chùa, và đó cũng là nhờ không khí trong lành, tình đạo chan hòa giữa mọi người, và nhất là từ nụ cười từ ái và thân giáo của thầy và quý Tỳ-kheo trong chùa.

Điều kiện thuận lợi bên ngoài thì có sẵn, nhưng bệnh có lành hẳn hoặc thuyên giảm hay không là do người bệnh, tùy theo tâm mình gạn đục khơi trong theo giáo pháp vi diệu của Đức Phật, cũng như mình có ý chí thực hành giới và định để gạt hái tuệ hay không. Dẫu sao, ai tự nguyện đến đây cũng đã bước đầu nương theo bóng từ bi và trí tuệ của Đức Phật, đã tin tưởng vào sự hướng dẫn tu tập của thiền viện. Ở một nơi xa xôi hẻo lánh này, tôi không ngờ người đến tu tập lại đông thế. Họ là ai? Họ là những người gặp hoàn cảnh ngang trái trong xã hội, trong gia đình, hoặc bản thân gặp khó khăn về tâm lý và đời sống; họ cũng có thể là những người bình thường nhưng muốn tu tập để gieo phước, hoặc mong tìm được an lạc; họ cũng có thể là các thiếu niên, nhi đồng được cha mẹ gửi gắm nơi cửa chùa rồi sau này tùy duyên xuất gia hoặc không,... Từ đầu năm 2013, thiền viện đã tổ chức bốn khóa tu thiền, mỗi khóa kéo dài mười ngày, do Thiền sư Zatila quốc tịch Myanmar hướng dẫn, số người tham dự lên đến 300 người. Và cũng mới đây, ngày 23-6-2013, thiền viện đã tổ chức lễ xuất gia gieo duyên khóa Năm cho gần 150 giới tử phần lớn là các học sinh, sinh viên và người lớn có độ tuổi từ bốn tuổi tới sáu mươi tuổi đến từ Đà Nẵng, TP.HCM, Đồng Nai. Thời gian xuất gia là một tháng. Những Phật tử xuất gia gieo duyên ấy học tập giáo lý của Đức Phật, thực tập theo lời Phật dạy và sống trong nếp sống thiền môn, nếu sau khóa tu có duyên lành thì sẽ phát nguyện xuất gia trọn đời. Nếu người nào không phát nguyện trọn đời xuất gia thì sau khi mãn kỳ hạn xuất gia gieo duyên, họ trở lại cuộc sống đời thường.^b

Chúng tôi đến thiền viện vào buổi trưa, và chỉ biết đến thiền viện qua khung cảnh bên ngoài thiền đường và giảng đường. Cảm nhận đầu tiên của tôi là cửa chùa thênh thang quá. Người ra, kẻ vào cứ tự nhiên, đi đứng tự do, nhiều người ăn mặc thoải mái. Rất nhiều người thuộc nhiều đối tượng khác nhau: kẻ xuất gia thì y vàng, vàng nâu tươi, màu trắng (của nữ), Phật tử thì có kẻ tu thiền, có kẻ tham quan, lại có quý Tăng và khách là người nước ngoài. Cảnh ăn trưa cũng thật là tự do, cứ đến nhà ăn là được phục vụ, mọi người như nhau, người nấu nướng và phục vụ chính là Phật tử xem việc nhà bếp là cúng dường. Tự do kể cả cách chọn ăn chay hay ăn mặn (dĩ nhiên tại hai nơi khác nhau). Người tu thiền nhập thất cũng không sống một mình, cách biệt sinh hoạt với bên ngoài, mà vẫn vào ra, giải quyết nhu cầu căn bản..., kể cả giao tiếp, tất nhiên là trong khuôn khổ chương trình tu học. Thất thì không có vẻ gì khổ hạnh, và không ở vị trí chơ vơ, mà ngược lại, được xây cất đàng hoàng, có cái rất đẹp, bên trong tiện nghi, có thất trang bị máy điều hòa, các thất liên nhau theo cụm (Có thất do thiền viện xây, có thất do Phật tử xây). Tôi cũng rất bất ngờ khi được biết trong khu đất của thiền viện có cái chợ nhỏ phục vụ nhu cầu của người tu và khách thập phương. Vào ra thiền viện thênh thang như thế thì có vấn đề gì không? Tôi nghĩ là có lực lượng bảo vệ, nhưng tất nhiên thế nào cũng có chuyện. Và đây chỉ là chuyện nhỏ: Một áp-phích yết tại trai đường của chư Tăng, in rất đẹp: “Cảnh giác để phòng mất trộm. Tự bảo quản tài sản”. Tự tay Thượng tọa viện chủ cũng viết nội dung như thế, yết tại phòng ăn của Phật tử.

Tôi cứ quen hình ảnh mấy chú điều dưỡng dễ thương ở chùa, khi học tập, quét sân, làm tạp dịch hay hầu thầy,... thật khác xa với cảnh đùa vui của mấy nhóc tì, mấy thiếu niên đi xuất gia gieo duyên. Tất nhiên, mấy nhóc, mấy chú này sẽ được lọc qua từng tầng cao hơn theo phát nguyện và ý chí của từng người và theo hiệu quả giáo dưỡng của nhà chùa; tuy thế cửa chùa rộng mở như thế này thì... mấy ai học được chữ ngờ! Như đoán được ý nghĩ của tôi, Thượng tọa viện chủ chia sẻ: Người ta “có vấn đề” nên cần mình, chùa cho người ta nương tựa được chừng nào hay chừng đó, còn hơn là họ sống buồn chán hoặc bất cần đời ngoài xã hội. Có lẽ hiệu quả cách “điều trị” của “bệnh viện” Phước Sơn thể hiện ở số người đến xin tu tập ngày càng đông, dẫu họ biết phải từ bỏ cuộc sống tiện nghi và tự do ngoài đời, thay vào đó phải thức dậy từ bốn giờ sáng, theo một thời khóa biểu chặt chẽ đến chín giờ tối, hành thiền, học kinh... Chúng tôi tin rằng, đối với Phật tử, ở đây có hai thế giới: một thế giới sinh hoạt bình thường, không khổ hạnh, và một thế giới tinh tâm của thiền đường, cách ly với lao xao ngoài kia. May mắn, chúng tôi được gặp một chị quen, trước đây đau khổ vì thời xuân xanh đã yêu và nuôi một anh hàn sĩ đang nợ đèn sách, chị tốn công “xúc tép nuôi cò”, đến khi “cò” đỗ đạt thì bay

đi bờ bến mới. Đau khổ không dễ gì vượt qua, chị đã về tu thiền tại đây, cạo tóc đầu, và cảm thấy an lạc dưới mái chùa.

Qua lần viếng thăm thiền viện Phước Sơn, cảm nghĩ của tôi về ngôi chùa thoáng hơn những gì mà tôi đã nghĩ về ngôi chùa thâm nghiêm lâu nay. Có lẽ đặc điểm mỗi vùng dân cư, sự phát triển kinh tế xã hội cũng như tính cách của người dân ở mỗi vùng ảnh hưởng đến sắc thái sinh hoạt của chùa; ở đây, thiền viện Phước Sơn thích hợp với vùng dân cư đô thị Sài Gòn, Đồng Nai, Bình Dương, với tính cởi mở, dễ chan hòa của người dân Nam Bộ. Nhưng yếu tố quyết định của sinh hoạt thiền viện là Thượng tọa viện chủ luôn luôn nhẹ nhàng, vui vẻ, không có vẻ gì là vương bận đầu gánh vác nhiều trọng trách, người lãnh sự mạng hoàng pháp của Phật giáo Nam tông, người đã biến ngôi chùa hoang vu thành trung tâm thiền rộng lớn như ngày nay. Tuy nhiên cũng không hẳn thế; nếu không có Hòa thượng Giới Nghiêm dày công khai sinh, nếu không có vùng đất như chờ đợi người khai phá, nếu... nếu... Biết bao nhiêu nhân duyên! ■

Chú thích:

a. Những thông tin tư liệu trong đoạn này về thiền viện Phước Sơn được lấy từ website của thiền viện.

b. Như trên.



CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2013

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2013, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 41 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q. 5
 PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ

Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
 CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q. 2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết :
 : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
 CT TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
 CT TNHH SXTM

Nén Hạnh Phúc, Q. BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q. 6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCHĐ ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **440 cuốn**
 Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
 Email: vanhoaphatgiaovnn.vn, hoặc toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập



Ngôn từ và trách nhiệm

NGUYỄN CÂN

1 Khi uyển ngữ hay sáo ngữ bị lạm dụng

Người ta thường nói rằng “Miệng nhà quan có gang có thép” bao hàm sự chắc chắn và uy lực thực hiện. Thế nhưng, thực tế hiện nay chúng ta đang nghe nhiều điệp khúc của những uyển ngữ (euphemism) làm nhẹ đi sự việc hay thậm chí sáo ngữ (cliché) lặp đi lặp lại mà người phát biểu có khi không hình dung tất cả nội hàm của chúng.

Ổn định kinh tế vĩ mô là gì?

Chưa bao giờ chúng ta lại chứng kiến nhiều tai họa xảy ra cho đất nước cùng một lúc như vậy! Nền kinh tế đang phải đối phó với nợ xấu ở mức khoảng 8% là ít nhất, vì con số này còn thấp hơn những đánh giá của các tổ chức nước ngoài như trong Báo cáo cập nhật Triển vọng Phát triển châu Á của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) công bố hôm 2/10. Mặc dù ADB công nhận Chính phủ Việt Nam đã thực hiện một số biện pháp để giải quyết vấn đề nợ xấu trong hệ thống ngân hàng, trong đó đáng chú ý là sự ra đời của Công ty Quản lý và Khai thác tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC, Vietnam Asset Management Company). Mặc dù vậy, theo ADB, tỷ lệ nợ xấu thực tế đang rất cao và các nhà phân tích độc lập cho rằng nếu áp dụng các chuẩn mực kế toán và trích lập dự phòng quốc tế thì số nợ xấu sẽ tăng gấp ba đến bốn lần so với con số được Ngân hàng Nhà nước tuyên bố. Điều này có nghĩa là theo tiêu chuẩn quốc tế thì nợ xấu của Việt Nam có thể

lên tới 400.000 – 500.000 tỷ đồng – một con số khổng lồ! Không phải tới bây giờ mới có nhận xét về nợ xấu thực tế của Việt Nam; các tổ chức quốc tế khác trong đó có Fitch cũng cho rằng tỷ lệ nợ xấu của Việt Nam có thể lên tới hai chữ số và các chuyên gia trong nước cũng từng khuyến cáo nợ xấu thực sự của các ngân hàng cao hơn rất nhiều so với công bố. Thế mà trong báo cáo cải cách doanh nghiệp nhà nước, người ta lại nhận định “*Tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, đảm bảo vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”.

Trong khi đó, những nỗi lo về khu vực doanh nghiệp nhà nước vẫn đầy ắp và các đề xuất cải cách mạnh mẽ vẫn không ngừng được đưa ra. *Vấn y nguyên yếu kém và hầu như không có bước tiến nào đáng kể* là nhận xét của Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam Trần Đình Thiên khi nói về việc cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước, nhất là tái cơ cấu các tập đoàn kinh tế ở khu vực này. Một chuyên gia định lượng, ông Bùi Trinh (Tổng cục Thống kê) tính toán, trong cả giai đoạn 2000-2012, khu vực nhà nước bỏ ra 8,20 đồng để có được 1 đồng giá trị tăng thêm. Trong giai đoạn 2007-2012, hiệu quả đầu tư vẫn tiếp tục giảm đi khi phải đầu tư tới 9,30 đồng mới tạo ra được 1 đồng giá trị tăng thêm. Cùng thời gian đó, ở khu vực tư nhân và đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI), các doanh nghiệp chỉ cần từ 3 đồng đến 4 đồng là đã có 1 đồng giá trị tăng thêm.

Bản báo cáo mới đây của nhóm nghiên cứu Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright cho rằng sự yếu kém của khu vực doanh nghiệp nhà nước không chỉ gây ra lãng phí và phân bổ nguồn lực kém hiệu quả mà quan trọng hơn, nó làm khu vực này trở thành lực cản đối với những đòi hỏi cấp bách của chương trình tái cơ cấu nền kinh tế. Nhóm nghiên cứu này phân tích, khi mức đóng góp của khu vực tư nhân cho GDP (tổng sản phẩm nội địa) lên tới gần 70% thì không thể tiếp tục để khu vực doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò chủ đạo cho một nền kinh tế mới. Người ta tự hỏi, trong khi DNNN đóng vai trò chủ đạo “ổn định kinh tế vĩ mô” thì tại sao lại có những khoản đầu tư bừa bãi, thiếu kiểm soát. Còn trong khi những dự án công nghiệp phụ trợ, bất động sản đóng băng, nông nghiệp gặp muôn vàn khó khăn từ gạo đến mía, café, cá basa..., hàng trăm ngàn doanh nghiệp phá sản hoặc “chết lâm sàng” trong vòng ba năm trở lại đây, thì đánh giá trong các phiên họp Quốc hội gần đây, người ta lại dùng những ngôn từ rất kêu như “... những tháng còn lại của năm 2013, Chính phủ tiếp tục kiên định mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội; tập trung chỉ đạo quyết liệt các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu. Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng, bảo đảm đạt mục tiêu cả năm là 12%; tập trung vốn tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên. Duy trì ổn định tỷ giá, thị trường ngoại hối; quản lý tốt thị trường vàng”. Đã có nhà kinh tế thắc mắc “ổn định vĩ mô” là ổn định cái gì, vì lẽ GDP không phản ánh thực chất cái mà quốc gia được hưởng. Thực vậy, giá trị gia tăng của một doanh nghiệp FDI chẳng hạn, cũng được tính vào GDP; trong khi đó, vì khai thác tài nguyên trong nước, giá trị của doanh nghiệp này bao gồm cả phần thặng dư của nước khác. Cho nên, nếu ổn định vĩ mô mà chỉ quan tâm tới tăng GDP không thôi thì không có nghĩa gì cả. Các nhà kinh tế cho rằng cần phải quan tâm tới một chỉ số khác, gọi là GNI hay Groos National Income nghĩa là Tổng thu nhập Quốc gia. Chỉ số này, được xác định bằng GDP cộng với thu nhập từ sở hữu trừ đi chi trả về sở hữu, mới thể hiện được cái phần mà một quốc gia thực sự được hưởng. Và “... Nếu xét theo giá trị hiện hành thì mức độ chi trả cho sở hữu bên ngoài của năm 2010 tăng 13 lần trong khi GDP tăng 4,5 lần.... Cũng do GNI ngày càng nhỏ so với GDP mà tỷ lệ tiết kiệm của nền kinh tế giảm xuống nhanh chóng từ năm 2006 đến nay (từ 36% xuống còn 29% GDP)”... (Bùi Trinh và Nguyễn Việt Phong - Ổn định vĩ mô là ổn định cái gì? Thời báo Kinh tế Sài Gòn số 39-2013). Cũng với cái nhìn toàn cảnh tại bản tham luận, chuyên gia kinh tế Trần Du Lịch cho rằng những khó khăn của 2013 vẫn tiếp tục kéo dài và năm 2014 nền kinh tế vẫn chưa thể ra khỏi giai đoạn trì trệ. Từ đúc kết của nhiều năm nghiên cứu về kinh tế vĩ mô, ông Trần Du Lịch cho rằng, những khó khăn của kinh tế từ đầu năm 2013

là hệ quả cuối cùng của giai đoạn từ năm 2008, khi nền kinh tế Việt Nam lâm vào tình trạng bất ổn vĩ mô. “Mà nguyên nhân sâu xa là vẫn là từ nội tại của nền kinh tế, từ sự bất cập của cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng. Sự nhận thức không đúng mức ‘căn bệnh’ của nền kinh tế, việc thực thi các giải pháp ngắn hạn nhằm đối phó với tình hình đã làm cho thị trường mất phương hướng”. Người ta có thói quen dùng uyển ngữ từ lúc nào vậy? Trong kinh tế, người ta cần những con số định lượng thì lại dùng những từ trừu tượng để làm gì? Trấn an toàn dân chăng? Nhưng khi giá xăng, giá điện, giá sữa, giá vàng đều lên, hoặc đều cao hơn so với thế giới, thì làm sao khiến dân an tâm được?

Nhưng nếu chúng ta tự hỏi: “Ai chịu trách nhiệm về tình hình này?” thì câu trả lời có vẻ là: “Không ai cả!”.

Đim cả thị trấn “đúng quy trình”

Trong khi cơn bão số 10 gây tang thương cho hàng loạt các tỉnh miền Trung thì các “ông thủy điện” lại hòa nhau xả lũ gây ngập úng, trôi hàng ngàn nhà dân từ Nghệ An đến Quảng Nam, Đắk Lắk. Trao đổi với Thanh Niên Online khi đang trực tiếp chỉ đạo công tác ứng phó với mưa lũ tại huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, ông Hoàng Văn Thắng, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phó Trưởng ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương, cho biết mưa đặc biệt lớn, cộng với nước lũ tràn xuống từ những hồ chứa trên địa bàn đã gây ngập úng nghiêm trọng.

Tuy nhiên, tại một buổi họp báo, vị Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thủy lợi Bắc (đơn vị quản lý và khai thác hồ Vực Mấu), thừa nhận việc xả lũ tại hồ Vực Mấu là một trong những nguyên nhân gây ra lũ lớn tại thị xã Hoàng Mai. Nhưng ông này vẫn khẳng định việc xả lũ là đúng quy trình! Nhiều phóng viên đặt câu hỏi: Vì sao công ty không cho xả lũ trước khi bão số 10 ập vào? Quy trình xả lũ liệu có phù hợp không khi UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định vận hành xả lũ năm 2009 thì hồ Vực Mấu mới chỉ có ba cửa xả trong khi hiện nay hồ đã có năm cửa? Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành hồ đối với thiệt hại của người dân ra sao khi nhiều người dân cho rằng họ không hề nhận được thông báo xả lũ?

Những người có trách nhiệm ở Nghệ An cho rằng đơn vị quản lý thủy lợi đã chịu áp lực lớn trong việc ra quyết định xả lũ và qui trình xả lũ hồ Vực Mấu theo quy định hiện hành chưa thể khẳng định đúng hay không mà phải có đánh giá chính xác của các chuyên gia. Lãnh đạo Sở NN-PTNT cho biết, “Sắp tới Sở sẽ tham mưu cho UBND tỉnh thuê chuyên gia đánh giá lại quy trình xả lũ của hồ để có các phương án xả lũ thích hợp hơn”. Thế nhưng ông không thể trả lời ai đền bù thiệt hại cho mùa màng, hoa màu, nhà cửa, ruộng tôm ao cá của người dân và cả sinh mạng của những người mất tích do lũ khi vị Phó Chủ tịch UBND thị xã Hoàng

Mai cho biết vụ nước lũ nhấn chìm thị xã Hoàng Mai đã khiến hai người chết, một người mất tích và thiệt hại hơn 800 tỉ đồng(!).

Còn tại Quảng Nam, UBND huyện Đại Lộc báo cáo, các hồ thủy điện ở thượng nguồn đã tiến hành xả lũ vào chiều tối 2.10. Nước lũ lên nhanh khiến năm xã gồm: Phước Kim, Phước Thành, Phước Chánh, Phước Lộc, Phước Công (khoảng 4.000 hộ dân) bị chia cắt. Nhiều nhà dân tại xã Phước Hiệp, Phước Hòa bị ngập lụt. Theo nhận định của UBND huyện Phước Sơn, mặc dù mưa không kéo dài nhưng do thủy điện Đăk Mi 4 chặn dòng nên nước lũ lên nhanh bất thường, gây ngập nhiều nơi. Cũng trong chiều 2.10, hàng trăm dân quân và người dân địa phương đã phát hiện thi thể anh Nguyễn Văn Chính, 21 tuổi, bị lũ cuốn trôi.

Cũng như tại Nghệ An, vẫn không có ai chịu trách nhiệm vì chắc là “cũng đúng quy trình”.

Rút kinh nghiệm trên sinh mệnh người khác

Ngày 1.10, Sở Y tế tỉnh Phú Yên cho biết đã tiến hành xử lý vụ Trung tâm Y tế TP.Tuy Hòa tiêm vắc-xin 3 trong 1 (sởi, quai bị, rubella) *hết hạn sử dụng* cho ba cháu bé ở TP.Tuy Hòa.

Theo đó, Hội đồng Kỷ luật của Sở Y tế đã ra kỷ luật khiển trách đối với bà Phó Trưởng khoa Phòng chống các bệnh xã hội và y tế học đường vì thiếu kiểm tra trong khi làm nhiệm vụ tiêm vắc-xin. Những cán bộ khác *phải rút kinh nghiệm* trong sai sót liên quan đến quy trình nhập lô vắc-xin hết hạn sử dụng. Chúng ta chưa quên cái chết của những cháu sơ sinh ở Huế khi được chích thuốc ngừa viêm gan siêu vi B. Tại sao? Nếu những cháu ở Phú Yên cũng bị sốc phản vệ thì sao? Kinh nghiệm nào có thể hồi sinh một con người? Có gì khuất tất trong việc nhập một lô hàng hết hạn sử dụng?

Còn bao nhiêu chuyện phải rút kinh nghiệm nữa? Liên quan đến vụ “nhân bản” hai căn nhà tình nghĩa ở phường Phước Thới (quận Ô Môn, TP.Cần Thơ) nhằm “hợp thức hóa” sổ tiền Công ty CP Xi-măng Tây Đô tài trợ, ngày 16/9, ông Nguyễn Vũ Phương - Chủ tịch UBND quận Ô Môn thừa nhận do Ủy ban thiếu kiểm tra dẫn đến sai sót và sẽ tổ chức họp kiểm điểm *rút kinh nghiệm*.

Dự án tiền tỉ nhưng hàng vạn bệnh nhân bị bỏ sót

Vào năm 2008, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án Phòng chống tiểu đường thành mục tiêu quốc gia và Bệnh viện Nội tiết Trung ương được giao nhiệm vụ làm cơ quan đầu mối triển khai các hoạt động chuyên môn trên phạm vi cả nước. Sổ tiền được phân bổ cho bệnh viện này lên tới hàng chục tỉ đồng. Tuy nhiên, tính hết năm 2012, dự án mới chỉ sàng lọc được khoảng 1,4 triệu người, trên tổng số dân gần 90 triệu người. Đây được xem là con số quá ít với số dân VN.

Liên quan tới vụ việc trên, ngày 11.9, ông Nguyễn

Vinh Quang, Phó Giám đốc BV Nội tiết T.Ư đã có báo cáo lên lãnh đạo Bộ Y tế. Trong đó, ông Quang lý giải: “Việc bỏ sót bệnh nhân bị sàng lọc có nghĩa là bệnh nhân đến khám nhưng không được khám hoặc khám phát hiện bệnh nhưng không thông báo cho bệnh nhân biết”. Trong bản báo cáo này cũng nêu rõ: “Chúng tôi nhận thấy, trong quá trình triển khai các hoạt động của dự án đều không tránh khỏi các sai sót, trên tinh thần cầu thị BV Nội tiết T.Ư sẽ *ngghiêm túc rút kinh nghiệm* khắc phục thiếu sót nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dự phòng và điều trị bệnh”. Nhưng ông không đề cập “danh sách ma” được lập để rút tiền nhà nước.

2 Một bộ phận “vô hình” tác hại đại đa số quần chúng

Có thể thấy những sai sót gây tác hại trầm trọng như một vài trường hợp được kể ra ở trên nơi nào cũng có, và nơi nào cũng sử dụng những uyển ngữ cùng sáo ngữ để lấp liếm. Người ta quên mất vai trò “công bộc” hay “lãnh đạo” mà cứ nói cho qua, cho xong chuyện bất kể hậu quả nghiêm trọng thế nào đi chăng nữa? Người ta quên mất rằng chính quan chức phải làm gương cho dân về sự chính trực hay uy lực của lời nói...

Một vị Phó Chủ tịch UBND TP.HCM khẳng định trong các buổi họp ở thành phố hoặc ở các hội nghị tài chính thuế rằng, có *một bộ phận* cán bộ thuế, hải quan đang gây khó dễ doanh nghiệp, tiêu cực và ở cấp quận, phường xã thì những cán bộ này thỏa hiệp với người kinh doanh, cơ sở sản xuất để cả hai cùng có lợi về số thuế phải nộp, kết quả nợ đọng thuế kéo dài và gây thất thu ngân sách. Đây là vấn đề mấu chốt mà tình trạng trốn thuế, nợ đọng thuế hiện nay còn nhiều và những trường hợp có dấu hiệu chuyển giá của các công ty đầu tư nước ngoài FDI vẫn xảy ra ngày càng rộng cũng chỉ vì chưa có văn bản pháp lý với các giải pháp giám sát kiểm tra đầu vào của các doanh nghiệp này.

Nói thế nhưng không ai nhận diện ra “cái bộ phận” này mà theo Thứ trưởng Nguyễn Thanh Sơn thì nó dường như “vô hình”. Không ai tìm thấy!

Bàn về hiệu quả của hoạt động công chức, dư luận đã có lúc xôn xao sau phát ngôn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Thái Bình; ông này cho rằng tỉ lệ cán bộ công chức *không hoàn thành nhiệm vụ là trên dưới 1%*; trong khi đó, phát biểu vào đầu năm 2013, Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã nhận định rằng, có tới *30% công chức không có cũng được* vì họ làm việc theo kiểu sáng cấp ô đi, chiều cấp ô về, không mang lại bất cứ hiệu quả công việc nào.

PGS.TS Nguyễn Đức Khiển, nguyên Phó Giám đốc Học viện Hành chính quốc gia đã có buổi trao đổi trên VTV về vấn đề này. Ông nói, “*Theo tôi con số 1% có lẽ được hiểu theo rất nhiều chiều cạnh khác nhau và khiến dư luận không hài lòng lắm. Bởi vì như thế này, Phó Thủ*

tướng là người đứng đầu Chính phủ, thay mặt Thủ tướng nói rằng hơn 30%. Bộ Nội vụ là cơ quan giúp việc cho Chính phủ về việc đánh giá công chức lại đưa ra con số 1%. Thế là hai con số vênh nhau. Còn thứ hai, tình trạng xã hội bây giờ thủ tục hành chính phiền hà, chứng tỏ chất lượng công chức yếu kém. Vừa rồi tôi cũng nghe Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan phàn nàn nhiều về chuyện chỗ nào cũng có tiêu cực. Vài hôm gần đây, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng có trả lời các cử tri ở Ba Đình cũng có nói, tham nhũng như là ngứa ghê, có nghĩa là nó tràn lan. Vậy thì con số 1% này là không đủ tin cậy”.

3 Uyển ngữ sáo ngữ cũng là vọng ngữ

Rõ ràng việc có ít nói nhiều, có nhiều nói ít, những cách nói bằng những hình ảnh trừu tượng nhằm làm người ta thấy sự việc chẳng có gì nghiêm trọng trong khi thật sự vấn đề là nghiêm trọng, những kiểu lặp đi lặp lại những lời sáo mòn để che giấu trách nhiệm... mà ở trên gọi là uyển ngữ với sáo ngữ, thực chất cũng thuộc về giới vọng ngữ của nhà Phật.

Tội vọng ngữ gây tổn thất cho chúng sanh lớn biết chừng nào. Cho nên trong kinh, Đức Phật khai thị rằng: “Thà nên hy sinh thân mạng của chính mình, không nên phạm giới vọng ngữ”. Nhất là người lớn, các bậc phụ huynh, phải làm gương cho con em của mình, đừng dạy trẻ bằng lời nói mà hãy dạy chúng bằng hành động. Cha mẹ phải nêu gương về tính chân thật, sống thật thà để con cái học tập và noi theo, đừng nói dối con của mình thì cũng sẽ không phải nghe lời nói dối từ chúng. Trái ngược với lời vọng ngữ là lời thành thật, chân thành phát xuất từ nội tâm. Làm người phải luôn chân thành với nhau, huống chi là bậc quan trên, không bao giờ nói lời ma mị, hoang đường để gạt người. Cho nên dù đối với Phật tử hay với người cộng sản, chân thành vẫn là tối trọng yếu. Chân thành còn là một nhân tố xây dựng tín tâm với nhau. Dân có tin thì việc khó cũng thành dễ. Ta nhớ Hồ Quý Ly khi không còn giữ nổi cơ đồ tổ quốc đã phải kêu lên: “Dân không còn tin ta nữa rồi!”.

Ở đây, chúng ta có thể tham khảo lời giảng của Pháp sư Thích Diễm Bôi trong *Phạm võng Bồ-tát giới bốn Kinh giảng ký* đã được Hòa thượng Thích Trí Minh dịch ra tiếng Việt như sau:

Chân thành lại còn là sự động viên rất lớn đối với con người, có thể làm cho con người trở nên dũng cảm, không sợ điều gì, có khả năng công phá những khó khăn lớn nhất và làm người ta chịu đựng những trở ngại trước khi vượt qua. Theo người xưa, chân thành là “tuyên nguyên” của đạo đức (tuyên nguyên là nguồn của suối, tức cội gốc của dòng nước, dùng danh từ này ám chỉ chân thành là nguồn cội của đạo đức). Lại nữa, chỉ có những người thật sự chân thành trong thiên hạ mới có thể đem hết năng lực phát huy bốn tánh của chính mình. Khi dùng sự chân thành tiếp đãi với người, tự nhiên người sẽ tiếp thọ sự cảm hóa của mình và lại



có ý rất thích được đồng hóa với mình. Phật giáo xem tội vọng ngữ là căn bản trọng tội nên càng xem trọng sự chân thành, cho chân thành là đạo làm người. Nếu không chân thành thì không đủ tư cách làm người. Đức Phật lại đối với đại chúng dạy rằng: “Nếu là một Phật tử, làm vị Bồ-tát lẽ ra phải dùng tâm chân thành mà cảm hóa chúng sanh. Vì chỉ có sự chân thành mới khiến chúng sanh tiếp thọ sự giáo hóa của mình. Nếu không làm như vậy, lại thường nói những lời hư giả, một ngày nào đó, khi chúng sanh biết được thì còn ai tin lời nói của mình nữa? Cho nên bất luận tự vọng ngữ, giáo vọng ngữ, phương tiện vọng ngữ, đều không thể được, nên phải triệt để ngăn cấm, chừa bỏ”.

Do nguyên nhân nào mà người ta nói vọng ngữ? Bệnh căn lớn nhất là do tham cầu danh dự, tư lợi. Chính vì tham cầu tư lợi mà người ta không biết đến Chánh ngữ hay nói cách khác, lời nói chân thành, xuất phát từ Chánh kiến, cái nhìn chính xác từ bên trong. Người có Chánh kiến thì có Chánh ngữ, không bao giờ dám nói phải thành trái, trắng thành đen, tà nói chánh, ác nói thiện, Lời nói kèm theo trách nhiệm; không phải nói lấy được, nói phui, rũ bỏ trách nhiệm kiểu như “đúng quy trình” hay “rút kinh nghiệm”. Vì tà kiến tác động ở bên trong, thốt ra những tà ngôn vọng ngữ, vô tình hay hữu ý tạo ra tà nghiệp bên ngoài. Khoan nói đến việc do hành vi tội ác tà ngữ, tà nghiệp này sẽ chiêu cảm quả khổ đời vị lai mà trước mắt làm mất lòng tin nơi quần chúng. Ai còn tin “miệng quan...” nữa? Lại nữa, do nơi mình thiếu thành thật, nên không tin chắc người đối với mình sẽ thành thật. Thế nên quan dân nghi kỵ nhau, sinh ra sự hồ nghi trùng trùng. Đây là kết quả tệ hại do xa lìa lời chân thực và trách nhiệm.

Việc rất khó làm của người đời là giữ uy tín với nhau. Muốn thế, phải lìa xa vọng ngữ, phải “dĩ công vi thượng”, lấy việc công là trên hết, và phải biết lấy dân làm gốc trong mọi quyết sách, đường lối. Nếu không thì “cái bộ phận không nhỏ” ấy sẽ đưa đất nước đến một tương lai khó lường vì không biết đâu là thật giả. Đến khi chỉ có Việt Nam loay hoay giữa vòng xoáy khủng hoảng thì “rút kinh nghiệm” hay “ổn định vĩ mô” cũng chỉ còn là khẩu hiệu mà thôi! Nguy thay! ■



Đường đời hai nẻo

PHẠM LĂNG YÊN

1 Chiếc ô-tô xuôi dòng và chiếc xe đạp ngược dòng

Một ngày cuối thu nọ, trước cử tọa là hàng trăm giảng viên trong một trường đại học, cô X. – một giáo sư kinh tế – đã hùng hồn diễn thuyết; trong bài diễn thuyết đó cô đưa ra nhiều lời khuyên cho các đồng nghiệp. Tôi nghe cô nói:

“Trong thời đại kinh tế toàn cầu ngày nay, việc giáo dục có thể xem như một công việc kinh doanh vậy; trong đó nhà trường là một đơn vị kinh doanh; sinh viên là các khách hàng, và kiến thức, văn bằng, học vị chính là sản phẩm của doanh nghiệp đó. Chúng ta muốn tồn tại, chúng ta phải có khách hàng; và để có khách hàng, chúng ta phải hết lòng chiều chuộng, chăm sóc họ [ở đây là sinh viên]. Để có thể chăm sóc, phục vụ họ chu đáo tận tình, chúng ta phải biết họ yêu thích và không yêu thích điều gì; để từ đó chúng ta có thể mang đến cho họ sự thỏa mãn tối đa cái nhu cầu của họ. Thí dụ, các em thích những giờ học của các giảng viên sử dụng các loại thiết bị, máy móc hiện đại với công nghệ cao, thì chúng ta cũng cần phải sử dụng những loại thiết bị đó để gây ấn tượng với các em. Thí dụ, các em sinh viên thích những loại nhạc trẻ trung sôi động, thích nhảy múa thì chúng ta cũng phải biết nhảy múa, ca hát chung với các em để có thể đồng hành cùng các em mọi lúc mọi nơi. Các em thân phục những

giảng viên ngoài việc đi dạy học, còn làm giám đốc cho một doanh nghiệp này nọ; vừa giàu sang với phương tiện đi lại là những chiếc ô tô đời mới, với phương tiện liên lạc là những chiếc điện thoại cao cấp đắt tiền, lại vừa có học vị cao thì chúng ta cũng cần phải phô bày và chứng tỏ những điều đó để cho các em có thể nể phục, khen ngợi; và từ sự nể phục, thần tượng hóa đó chúng ta mới giữ được các em ở lại ngôi trường này; điều đó cũng có nghĩa là giúp tăng thu nhập cho các giảng viên chúng ta. Nói tóm lại, chúng ta luôn phải “hòa đồng”, niềm nở tươi cười cùng các em sinh viên, và bản thân chúng ta cũng như những chiếc ô-tô đắt tiền chạy xuôi theo dòng đời cùng các em sinh viên, hướng rồi chở các em đến những phương trời tráng lệ, vinh hoa, thành đạt, phú quý”.

Cũng dưới mái trường đó, có một vị thầy Y. nọ đã dạy tại nơi này hơn 30 năm và vẫn ngày ngày đến trường trên chiếc xe đạp cọc cạch, cũ kỹ. Gần như toàn bộ thời gian thầy dành cho nghiên cứu mà theo lời thầy, là để bài giảng cho sinh viên luôn đầy ắp những ý tưởng mới, những kiến thức mới. Thầy sợ sự ngu dốt, trì trệ, sáo mòn trong các bài giảng của mình. Thầy đã không còn thời gian cho việc đi dạy hoặc làm thêm bên ngoài để tăng thêm thu nhập, cho nên đời sống vật chất của thầy rất ư đạm bạc, thanh bần. Một hôm bên tách trà, trong một quán nhỏ, tôi nghe thầy tâm

sự: “Công việc cả đời mình là dạy học, là trao truyền sở học của mình cho hậu thế; mình u tối, ngu dốt thì làm sao dạy ai được; mình sai trái, lệch lạc, tầm thường thì dạy ai được. Công việc của mình là sửa sai cho người; có nghĩa là mình phải chân chính, đúng đắn, trong sáng, ngay thẳng, vượt trên sự tầm thường từ ngồn từ đến cách sống; từ trí tuệ đến tâm hồn. Nếu thế nhân sai trái thì dù có làm họ đau lòng, hay oán ghét mình, mình vẫn cứ phải sống ngược lại với họ thế thôi; để rồi một lúc nào đó có thể họ sẽ hối tâm, đổi ý chẳng. Ai khen, ai chê điều đó không quan trọng; ai thần tượng, ai không thần tượng, điều đó chẳng hề chi; ai đến với mình, ai bỏ mình đi, điều đó chẳng bận lòng; chỉ cần mình luôn đi về “chính đạo”, đi con đường chân chính, thiện lành, thật đẹp, thật thơ mộng là đủ rồi. Thầy nói, cho dù mình có phải đi trên chiếc xe đạp cà tàng và phải lặn ngược dòng đời đầy ắp cộ xe sang trọng lao đi vun vút thì mình vẫn cứ đi; vì để đi theo con đường về với chân lý thì người ta đâu có mất cả thân mạng cũng phải đi thôi”.

Có sinh viên nào đủ dũng khí để theo con đường thầy Y. đã đi không? Hay họ chọn con đường xuôi dòng, “hòa” rồi “đồng” theo đám đông để đi về những phương trời hoa lệ như cô X. kia?

2 Vị sư già và gã trọc phú

Một chiều hôm ấy, ngồi buồn hiu trong một quán café vỉa hè, nhìn qua phía bên kia đường thấy một chiếc xe con sang trọng, mới tinh bất chợt dừng lại, rồi anh tài xế lẳng xăng chạy ra, trịnh trọng mở cửa xe, và trong xe bước ra một người đàn ông đã lớn tuổi, mập mạp có khuôn mặt trông khá phì nộn, với cách ăn mặc vô cùng chải chuốt, bóng bẩy và trong tay ông là một cô gái trẻ măng, dáng cao ráo, thon thả, với chiếc váy mặc bó sát người, và trên môi nở một nụ cười rất duyên dáng. Hai người dìu nhau đi tay trong tay qua phố, rồi họ trao cho nhau những nụ hôn đắm đuối giữa chốn đông người với bao con mắt trầm trồ nhìn theo bóng họ khuất dần trong một vũ trường sang trọng.

Rồi một chiều hôm nọ trên chuyến xe đò xuôi miền cao nguyên bụi mù, xơ xác, chiếc xe tồi tàn kia bất ngờ trục trặc nên đành bỏ khách bơ vơ dọc đường; lang thang tìm nơi trú tạm qua đêm, tôi ghé vào một ngôi chùa trông rất điêu tàn nằm trên một ngọn đồi hoang vu, bốn bề lộng gió. Phía sau ngôi chùa là một gian nhà lá cất tạm làm nơi nghỉ chân cho những kẻ phương xa đến chùa chữa bệnh. Trong chùa chẳng có ai ngoài một vị tu sĩ già gầy yếu, khắc khổ. Vị tu sĩ già sau một buổi chiều miệt mài khám rồi bốc thuốc cho gần ba mươi bệnh nhân nghèo khổ, đang ngồi lặng lẽ bên mái hiên chùa, đôi mắt tinh anh nhìn xa xăm như dõi theo mấy cánh chim đang bay mãi không về. Rồi bỗng chốc trời đổ mưa mù mịt bên ngoài, và dưới mái chùa xiêu vẹo,

rách nát, vị sư già cô độc vẫn ngồi đó, bên ngọn đèn dầu; ánh đèn chập chờn soi mờ mờ một khuôn mặt đầy nét phong trần với thần thái ung dung, như khẽ mỉm cười, vị sư già đang phóng bút viết một bài thơ.

Hai buổi chiều đã đi qua trong đời và đã gieo lại trong lòng tôi hai hình ảnh trái ngược nhau:

Hình ảnh thật bi tráng, thật thơ mộng của một vị sư già cô đơn trong một chiều mưa mù mịt, bên núi đồi heo hút, nơi quán đời mục nát, tang thương, ngồi múa bút làm thơ với tâm hồn bằng bạc, hiên ngang đi về trong hoang vắng chiều tàn, trong thâm sơn cùng cốc.

Và hình ảnh một gã trọc phú, già nua, nhăn nheo, chải chuốt trong chiếc xe bóng lộn, mượt mà, tay trong tay một cô con gái mới lớn tung tăng, lượn lờ, uốn éo đi qua phố xá rộn ràng, rồi vi vu đêm đêm dưới ánh đèn vàng nhờ nhờ trong những quán bar âm ẩm những âm thanh thác loạn.

Tôi bỗng liên tưởng đến hình ảnh một người đàn ông mình đầy thương tích vẫn kiên cường trên sa trường đầm máu trong một cuộc chiến khốc liệt với cái ác, cái tăm tối, cái xấu xa, đề tiện và hình ảnh những con người nhơn nhơ, ăn diện bảnh bao, diêm dúa trốn chạy hay thỏa hiệp với cái ác, cái xấu xa và tìm vui trong ánh đèn mờ ảo nơi những vũ trường sang trọng với bia rượu, với ma túy, với ái tình những đêm về bên những nàng con gái thướt tha.

Có nhiều người thích no đủ, thích hưởng thụ, thích tiện nghi vật chất phù hoa, thích những ánh mắt trầm trồ, thán phục của đám đông, chấp nhận thỏa hiệp với cái xấu xa để có danh lợi và tất nhiên họ sẽ ao ước được đi trên con đường trải đầy nhung lụa tanh hôi mùi vật dục và sống cuộc đời như gã trọc phú kia cùng những cô con gái trẻ nọ.

Có nhiều người không nghĩ nhiều, không bận lòng đến chuyện no đủ, hưởng thụ; không quan tâm lắm đến những tiện nghi vật chất; không bận tâm, không màng đến những ánh mắt khen hay chê của người đời; chỉ biết chiến đấu đến hơi thở cuối cùng với cái ác, cái xấu xa, và họ sẽ đi theo con đường hoang vắng, cô độc như vị sư già khắc khổ, nhưng thơ mộng tuyệt vời kia.

Tùy ước nguyện của mỗi con người, muốn sống thế nào cũng được, muốn đi con đường nào cũng được – hoặc chọn cho mình một cuộc sống dư dật, đắm chìm trong hưởng thụ dục lạc trần thế đến tận cùng hay chọn cho mình một cuộc sống bi tráng mà thanh cao trong thiếu thốn vật chất nơi một góc trời hoang vu.

Tùy con đường mình chọn để hoặc đi về trong tự do, bát ngát, phiêu du hoặc đi về trong hoan lạc nhầy nhụa nơi cuộc đời thế tục.

Người ta chỉ đi được một con đường, mà đi con đường nào thì cũng phải trả giá cho sự lựa chọn của mình thôi – và xin nhớ cho sẽ không bao giờ có bất kỳ sự thỏa hiệp nào cho hai lối về riêng lẻ, khác biệt như đất với trời này đâu. ■

Chuyện đời khó nói

HOÀNG TÁ THÍCH

Tôi có một cô bạn ở Huế thường vẫn đi làm từ thiện ở các nhà thương, các trại khuyết tật, các trại mù và cho học bổng học trò nghèo ở các trường học tại những vùng xa thành phố. Bất cứ lúc nào, ở đâu cần đến, nếu có thể, cô đều có mặt. Cô xin tiền các nhà hảo tâm khắp nơi, bất cứ người nào, được bao nhiêu đều gom đem cho những người nghèo khổ. Từ hơn mười năm nay, việc từ thiện của cô dần dần trở thành như một thứ “bổn phận” của cô đối với công việc xoa dịu phần nào những nỗi thống khổ nghèo đói đó.

Tôi thường hỏi về hoàn cảnh của những người này. Lần nào cô cũng trả lời: “Có nói cũng không bằng nhìn thấy, anh nên đi một lần cho biết”. Và một hôm, tôi quyết định tháp tùng cô bạn. Nói là “tháp tùng” nghe có vẻ như đi theo một đoàn từ thiện, nhưng những cuộc đi như thế này thường chỉ có mỗi mình cô và một người bạn khác. Có khi cô bạn tôi chỉ một mình.

Lần đó, chúng tôi vào thăm bệnh viện Huế, khu của những người nghèo. Cô bạn tôi cho quà tất cả mọi người, không những là bệnh nhân, mà còn những người nuôi bệnh. Quà đây là một chiếc phong bì chừng một hai trăm ngàn, một hộp cơm và thức ăn, vì không phải chỉ bệnh nhân không đủ ăn, mà người nuôi bệnh cũng thế. Những người đem thân nhân đến đây để chữa bệnh, phần nhiều đã phải bán hoặc cầm cố nhà cửa, vay mượn bà con lối xóm để có chi phí cho bệnh nhân. Bao nhiêu tiền đều dành cho việc chữa bệnh, nên nếu phải nằm bệnh viện càng lâu thì càng kiệt quệ. Hết tiền thì hết chữa. Tuy chỉ với một chiếc phong bì mỏng và một hộp thức ăn nhỏ, nhưng mọi người đều mừng rỡ và họ nhìn cô bạn tôi như một vị Bồ-tát cứu khổ.

Vào một căn phòng khác, tôi thấy trên giường bệnh, một người phụ nữ bị băng bó gần như toàn thân, chỉ còn chừa bộ mặt, hầy còn trẻ. Cạnh đó là một người

thanh niên, có lẽ là chồng, ngồi bất động như một pho tượng, nước mắt lưng tròng. Hỏi anh ta, anh vừa khóc vừa kể chuyện:

Cách đây không bao lâu, vào những ngày gần Tết, vợ anh ta ở huyện Đa'Krong, Quảng Trị nấu ăn, vô ý để lửa bén vào thùng xăng cạnh bếp. Lửa phụt lên làm cô ta bị bỏng toàn thân rất nặng. Người chồng gửi hai con nhỏ cho ông bà nội rồi đem vợ vào chữa trị ở bệnh viện Huế. Đem vợ vào Huế như một phản ứng tự nhiên, nhưng đến nơi, nhập viện rồi mới biết là số tiền vay mượn bà con và hàng xóm không thể đủ để trả chi phí cho thời gian chữa trị. Mới trước đây một hôm, thân phụ anh ta điện vào cho biết là đã hết chỗ vay mượn và anh ta đang quẩn trí, chẳng biết làm thế nào để xoay xở. Cô bạn tôi bèn móc hết tiền trong túi, hỏi mượn tôi thêm một ít và đưa hết cho anh ta. Anh ta nhìn cô bạn tôi sững sờ không mở miệng nói được lời nào rồi bỗng nhiên anh ta oà lên khóc nức nở như một đứa trẻ.

Tôi thực không biết nghĩ sao về những điều trông thấy trước mắt. Mỗi lần cô bạn tôi đưa cho bệnh nhân một phong bì và người thân của họ một hộp thực phẩm, tôi thấy mắt họ sáng lên và chỉ lắp bắp được những câu cảm ơn trong miệng. Có người nhận xong là ngồi vào trong một góc phòng ăn ngay. Cô bạn tôi không biết họ là ai và họ cũng không biết cô ta là ai, trừ những trường hợp cá biệt. Có lẽ là hàng ngày, họ vẫn chờ đợi một người bước vào phòng, ăn mặc lịch sự và không có hoàn cảnh như họ để có thể mang đến cho họ một niềm hy vọng nào đó.

Về nhà, cô bạn tôi liền lên mạng, đưa tin khắp nơi cho bạn bè hảo tâm thường liên lạc và xin giúp đỡ cho anh chàng có vợ bị phỏng kia. Nhờ uy tín của cô ta, bạn bè gửi tiền giúp đỡ khá nhiều và cũng vì thế mà người vợ được bình phục sau một thời gian tiếp tục chữa trị. Sau này, nhân có dịp ra Huế, tôi đến thăm cô bạn và hỏi về anh thanh niên có vợ bị bỏng nặng hồi trước.



Cô thuật lại cho tôi biết: Sáu tháng sau, trước khi xuất viện, người chồng đã đến nhà cảm ơn cô bạn tôi. Anh ta cầm chặt hai bàn tay cô bạn tôi vừa khóc vừa cảm ơn đã cứu mạng vợ anh ta. Anh ta nói: “Cô hiện đến như một vị Bồ-tát sống đúng lúc con quẩn trí vì không biết làm thế nào nữa”.

Sau khi hai vợ chồng đã về lại Quảng Trị, ngày nào người chồng cũng nấu một nồi nước chè đậm đặc để tắm rửa cho vợ, nhờ vậy mà các vết thương mau lành hơn; nhưng chân tay vẫn còn cứng đờ, không cử động được và cũng không ngồi được. Ngày nào anh cũng xoa nắn, tập cho vợ cử động. Thỉnh thoảng anh cũng vợ đến nhà bà con để khuyến khích tinh thần vợ. Nhờ sự chăm sóc tận tình của người chồng mà một thời gian sau, người vợ dần dần bình phục, lại có thể lo việc nhà. Chuyện đến đó chưa hết, vì một năm sau, trong một trận lụt lớn ở Quảng Trị, lũ tràn về. Người chồng phải công vợ, dẫn hai con nhỏ đi sơ tán. Nhà cửa đồ đạc bị lũ cuốn đi hết. Cô bạn của tôi sau khi được tin, lại một lần nữa kêu gọi các nhà hảo tâm và cuối cùng hai vợ chồng cũng có được một chỗ ở khang trang để tiếp tục sống. Dù nghèo, nhưng hai vợ chồng đều rất tự trọng, không hề xin cô bạn tôi bất cứ gì và thỉnh thoảng còn viết thư cảm ơn. Tôi nghĩ rõ ràng cái số anh hên đã gặp được cô bạn tôi đúng lúc.

Trên đây chỉ là một trong hàng ngàn câu chuyện thương tâm của những người nghèo khổ mà chúng ta có thể đọc hàng ngày trên báo. Một người nghèo,

lấy vợ hoặc chồng nghèo, sống với hai gia đình nghèo trong một vùng đất nghèo ở xa thành phố. Họ chưa có một bữa ăn ngon và chỉ ăn để đủ sức làm ruộng làm rẫy sống qua ngày. Nếu phải hỏi họ sống để làm gì thì chắc hẳn họ cũng chỉ có thể trả lời: “Sống để mà sống vì không thể làm gì khác hơn”. Đọc báo và thấy thực tế trước mắt là hai chuyện khác nhau rất nhiều.

Câu chuyện về vợ chồng anh thanh niên có vợ bị bỏng làm tôi nghĩ đến sự cách biệt giữa hai cuộc sống hoàn toàn khác biệt nhau: Giàu và nghèo. Đúng ra là “giàu có” và “nghèo khổ”. Thực ra đó cũng chỉ là chuyện bình thường. Thời nào chẳng có người giàu kẻ nghèo. Nước nào mà chẳng có người giàu kẻ nghèo. Nhưng nghèo như Ấn Độ, như nước mình thì cũng có khác với nghèo của nước Mỹ. Giàu có hay nghèo khổ cũng đều có một cuộc đời và cũng đều phải đi theo cuộc đời đó cho đến cùng.

Cô bạn tôi thường đi làm từ thiện ở khắp tỉnh Thừa Thiên bao gồm cả thành phố Huế. Cô thường thông tin cho bạn bè, những nhà hảo tâm về những trường hợp thương tâm như câu chuyện vừa rồi để xin quyền góp. Nhiều người cần một trăm triệu nghĩa là khoảng năm ngàn đô-la Mỹ để cứu mạng bằng một cuộc phẫu thuật. Gia đình họ đã phải cầm luôn căn nhà, bán hết đồ đạc được sáu bảy chục triệu, nhưng nếu không xin được thêm vài chục triệu cho đủ số thì cũng đành giao cái mạng sống cho trời. Cô nói: “Nếu nói đến những người nghèo khổ thì việc từ thiện không biết bao nhiêu



cho đủ, nên chỉ có thể tùy duyên thôi. Người nào được giúp đỡ thì đó là cái may mắn, cái duyên của họ”.

Ở trong thành phố thì có thể không thấy, không biết, nhưng đi xa một chút, những vùng quê, vùng xa mới thấy dân mình nghèo lắm. Nghèo “rớt mồng tơi”. Không hiểu sao lại có thành ngữ đó, không biết từ đâu ra, nhưng nghe ra thấy đã có vẻ nghèo hết nước nói. Đói thì có thể bọ gì ăn nấy, khoai sắn rau củ qua ngày, nhưng có bệnh thì chịu. Dân trong thành phố mức sống thấp nhất là công nhân, lương ba đồng ba cọc, nhưng dù sao cũng có chút bảo hiểm y tế, chứ nếu là buôn thúng bán bưng, khi đau ốm hay gặp tai nạn phải vào bệnh viện thì đúng là một chuyện vô cùng cay đắng.

Những người nghèo khổ thì ăn cho đủ sống đã quý lắm rồi, làm gì biết đến những chuyện giải trí, thời trang, ca nhạc, showbiz, hay những gì là bước nhảy hoàn vũ... Những chuyện đó cũng không trách được, nhưng nhiều khi nghĩ lại, thấy cũng có chút chi bất công, không ổn.

Không lâu trước đây có một tổ chức ca nhạc ngoài trời ở Đà Nẵng. Nghe nói cát-sê của cô ca sĩ chính có giá là sáu ngàn đô-la Mỹ. Không biết có chuyện ca sĩ đòi như thế hay không, chỉ thấy báo chí nói đến chuyện này rất nhiều và phần đông, ai cũng cho là cái giá đó quá cao. Nghĩ ra thì cao thật. Mặc dù ai cũng biết trong ngành giải trí, các ca sĩ kiếm được rất nhiều tiền, nhưng chỉ hát vài bài mà được trả đến sáu ngàn đô Mỹ thì quả là khủng khiếp. Sáu ngàn đô Mỹ nghĩa là hơn một trăm hai chục triệu. Lương công nhân hiện tại khoảng trung bình ba triệu mỗi tháng, mỗi năm kể cả phụ cấp, có thể kiếm được hơn bốn chục triệu là nhiều. Làm quần quật cho được ba năm thì cũng chỉ mới bằng cô ca sĩ kia hát vài bài mà thôi.

Nghe nói vì cát-sê cao quá nên ban tổ chức không thuê nữa. Cũng phải. Chuyện thuê hay không thuê cô ca sĩ kia cũng không có chi đáng bàn, nhưng có chuyện bên lề câu chuyện kia mới đáng nói. Đó là có một ông bầu sô lên tiếng, cho rằng cát-sê sáu ngàn đô Mỹ cũng là.... bình thường, không có gì gọi là cao cả. Nghe mà

côn cào cả gan ruột. Nhưng nghĩ lại, ông bầu đó nói cũng không có gì sai, bởi vì đây là chuyện giải trí của người có tiền, chứ đâu phải là chuyện sống chết của những người nghèo khổ. Hai chuyện chẳng có gì liên quan với nhau cả. Người ta có thể bỏ ra một hai triệu mua một cái vé nghe nhạc phòng trà một cách dễ dàng. Vé mua đến một vài triệu thì ca sĩ phải lãnh nhiều tiền là chuyện dĩ nhiên. Có ai đang ngồi nghe nhạc mà lại nghĩ đến chuyện có những người chỉ cần một số tiền chừng vài ba chục cái vé nghe nhạc là có thể được cứu mạng sống của họ đâu. Nếu có người vừa trông thấy anh chàng thanh niên kia ngồi bất động, nhìn vợ có thể sắp chết mà nước mắt lưng tròng thì chắc chắn họ cũng sẽ không có tâm trạng hứng thú bỏ ra vài triệu mua một cái vé đi nghe ca nhạc cho đã cái lỗ tai. Không thể trách được, vì làm sao họ có thể thấy được những cảnh đó?

Ca sĩ nổi tiếng ai cũng biết. Họ được quảng cáo, ca tụng, đăng hình khắp nơi. Nổi tiếng hơn cả những người viết ra những ca khúc làm cho họ nổi tiếng nữa là khác. Ca sĩ nổi tiếng luôn luôn có những “người hâm mộ”. Trước sân khấu thì hò hét cổ vũ một cách điên cuồng. Ở xa, không hò hét cổ vũ được thì lên mạng ca tụng, chia sẻ tình cảm hết lời. Ca sĩ nổi tiếng nhất có thể có đến hàng chục ngàn người hâm mộ. Chụp được một tấm hình chung với ca sĩ nổi tiếng là một điều vinh dự của người hâm mộ.

Cô bạn của tôi thì không nổi tiếng, không có người hâm mộ và chẳng có ai biết đến ngoài những người hàng ngày, hàng tuần chờ cô đến với một phong bì tiền và một hộp thực phẩm, một số tiền học bổng để có thể tiếp tục đến trường. Nhưng con số những người trông mong sự có mặt của cô có thể lên đến hàng trăm ngàn người, đông gấp mấy lần số “người hâm mộ” một ca sĩ nổi tiếng nhất. Họ không có sân khấu để cổ vũ và họ cũng không có mạng vi tính để ngay cả gửi lời cảm ơn cô bạn tôi. Đối với những kẻ nghèo khổ, những người như cô bạn kia của tôi cũng là thần tượng của họ.

Nghĩ cho cùng, chuyện đời cũng khó nói thật. ■



những nỗi niềm

MẪU ĐƠN

1 Mẹ tôi thường vẫn nghe radio vào những buổi sáng khi cha con tôi bước chân ra khỏi nhà; cha đi làm, tôi đi học. Khi trưa trở về, mẹ vẫn lắng nghe âm thanh phát ra từ chiếc máy phát thanh nhỏ. Thời gian cùng công việc bận rộn kéo mỗi người theo một hướng khác nhau. Mẹ chỉ ở nhà chuẩn bị tất cả mọi thứ cho chồng con. Nhiều hôm, tôi nghĩ, không biết giờ này mẹ đang làm gì, mẹ có buồn không? Nhưng rồi lại nhớ mẹ có một người bạn là radio. Mẹ có thể nghe những tin tức, nghe những giai điệu âm nhạc, và chắc là mẹ sẽ không cảm thấy trống vắng...

2 Điều tôi nghĩ là đúng? Mẹ có bao giờ cảm thấy trống vắng không khi suốt ngày ở nhà và làm những công việc lặp đi lặp lại? Hay cũng như bao nhiêu người khác, mẹ tìm cho mình điều gì đó để lấp đầy, một cách vô thức. Lắng nghe radio cũng giống như một cách để mẹ chuyển trò về những lo âu của mình với những đổi thay của nhịp sống hiện đại; lắng nghe để phút giây dần trở nên nhẹ nhàng hơn, không bận tâm suy nghĩ. Và cứ thế, một ngày rồi sẽ hết, các con sẽ về và cha cũng vậy. Mẹ lại vui cũng bên mâm cơm, rồi chiếc máy phát thanh bé tí đành tạm dừng một thời gian ngơi nghỉ, chờ sang ngày mới.

Có lẽ đó là cách nghĩ của tôi - một người con dừng dung luôn đổ mọi sự đổi thay là do cách biệt thế hệ, tuổi tác: mẹ đã lớn tuổi, mẹ ít muốn đi đâu; còn tuổi trẻ như tôi, thoải mái, muốn đi nhiều nơi, trải nghiệm nhiều điều

mới mẻ. Tôi làm sao biết được chỉ có mẹ nghĩ từng li từng tí cho những thay đổi trong gia đình; tôi làm sao biết mẹ cũng có nhiều nỗi buồn mà tôi và cha chẳng có thời gian để chia sẻ. Phải chăng tôi đã quên mất, mẹ cũng có nhu cầu được lắng nghe, và là người lắng nghe.

3 Nhu cầu sẻ chia thật sự cần thiết, và càng ngày càng trở nên quan trọng. Có phải tự nhiên mà nhiều chương trình phát thanh mang tên "Bạn hãy nói với tôi", "Cửa sổ tâm hồn", "Cửa sổ xanh"... làm nhịp cầu nối, tư vấn tâm lý. Và cũng bởi "nước mắt chảy xuôi có bao giờ chảy ngược", khi qua cái thời kì "ấm ương" bước vào tuổi trưởng thành thì ta lại quên đi mẹ cha vào tuổi xế chiều với những trần trở cùng những nỗi buồn không tên đa dạng. Vậy làm sao để ta hiểu cho những nỗi niềm, cách nào khác ngoài việc lắng nghe? Tôi luôn dành thời gian ở bên mẹ, đôi khi chẳng làm gì cả, chỉ để lắng nghe, những điều rất bình thường, chuyện đồ ăn, nỗi xoong, chén bát... rồi tới chuyện hàng xóm, chuyện của tôi, chuyện cha có làm những điều gì khiến mẹ buồn lòng hay không. Chỉ bấy nhiêu thôi cũng đủ cho những phút giây mẹ cảm thấy thanh thoi và cảm thấy mình được tâm sự. Quả thật đó chẳng phải là điều gì to tát.

4 Tôi nhớ tới bức hình trên trang mạng xã hội facebook, đại ý, cha mẹ sinh con ra và nuôi con lớn khôn, rồi có những ngày mẹ cha cũng "trẻ dần" đi, để cần được các con lắng nghe, lắng nghe và chăm sóc những nỗi niềm. ■



TU HƯƠNG

T rên đường từ Trường Đại học Quy Nhơn về phòng trọ, chỗ gần ngã tư có một người phụ nữ lớn tuổi bán bắp luộc hay ngồi ở đấy. Tôi đi bộ đến trường, chiều nào tan học về cũng gặp cô và nghe cô mời chào. Hình như tôi chưa mua bắp luộc của cô bao giờ, vì nhà tôi ở quê cũng trồng nhiều bắp; vả lại, tôi cũng không thích ăn vặt. Nhưng vì chiều nào tan học về cũng gặp cô và phải nghe tiếng chào hàng, nhiều khi tôi cảm thấy khó chịu.

Chiều nay Quy Nhơn trời dịu nắng, tôi thấy trong lòng thoải mái vô cùng; phần vì gió nồm từ biển thổi vào mát rượi, nhưng chủ yếu là bởi tôi vừa lãnh học bổng của học kỳ vừa rồi. Tôi đang hớn hờ trên đường về, dự định tối nay sẽ không nấu cơm mà tự thưởng cho mình một bát phở thật ngon ở một quán ăn nổi tiếng nào đó thì lại gặp cô bán bắp.

- Con mua giùm cô trái bắp.

Tôi đã nghe quá nhiều lần lời này, thành ra dừng đứng.

- Không, con không mua đâu cô.

- Con mua cô một trái cũng được, bắp mới luộc dẻo lắm con.

- Không, cô.

- Con mua cô một trái đi con, chiều nay cô chưa bán được trái nào.

Lần này thì tôi phát bực thật:

- Con đã bảo là không mua, sao cô nói mãi thế. Con sinh viên không có tiền đâu cô.

Rồi tôi bỏ đi, trong lòng thấy rất khó chịu, sao mà có người "chai mặt" như vậy chứ. Nhưng rồi ý nghĩ về bát phở bò thơm phức khiến tôi háo hức. Tôi dễ dàng quên đi lời chào hàng buồn buồn cùng hình ảnh cô bán bắp

ngồi mòn mỏi bên vệ đường và đã có bữa tối hài lòng tại một quán phở Hà Nội mà tôi rất thích.

Tối về phòng, nằm một mình trên chiếc giường nhỏ, tôi mở nhạc nghe và thử tính xem mình sẽ làm gì với số tiền vừa nhận được này. Tôi sẽ đóng tiền trọ sớm hơn, đi mua một chiếc áo mới, mời vài đứa bạn thân một châu cà-phê,... Đang bận rộn với những dự tính ấy thì nhạc tắt, chuông điện thoại reo, một đoạn nhạc chuông quen thuộc mà tôi cài riêng cho số người thân. À, thì ra mẹ tôi ở quê gọi lên. Mẹ hỏi thăm tình hình ăn ở của tôi trên thành phố. Tôi khoe với mẹ mới nhận học bổng. Mẹ tôi ừ, bảo để dành mà mua thêm đồ ăn. Rồi bà lại thở dài. Mấy bữa này trời mưa dầm, bắp vừa luộc ra đã nguội, người ra đường thì ít nên bán chẳng được mấy, toàn đem về nhà ăn, ăn không hết thì đem cho heo, gà ăn. Năm nay bắp đã lép hạt, lại gặp mưa thế này, bán cả buổi cũng chẳng được mấy. Giọng bà nghe buồn buồn, mẹ bảo tôi ráng chăm học, rồi tắt máy.

Tôi sức nhớ đến cô bán bắp bên đường tôi vẫn gặp thường ngày. Chiều nay tôi đã tỏ thái độ khó chịu và có những lời không phải với cô ấy. Tôi chợt giật mình, biết đâu cô cũng đang nuôi con học đại học, thu nhập mỗi ngày chỉ trông vào mấy chục quả bắp luộc, nếu bán hết thì cũng chỉ được hơn trăm ngàn, thì sao? Sao tôi lại có thể dừng đứng với cô như thế? Biết đâu chiều nay ở quê nhà, trong màn trời mưa lạnh, mẹ tôi có một xô chợ, cũng tha thiết mời khách để rồi nhận lại sự thất vọng vì người ta lạnh lòng, có khi còn buông lời ác cảm. Sao tôi không mua giúp cô một quả bắp chỉ đáng giá hai ngàn trong khi tôi vừa nhận học bổng gần ba triệu. Mẹ tôi ở quê cũng là người bán bắp cơ mà. Chợt thấy mình có lỗi... ■



Bánh ú khoai xiêm

NÔNG THỊ THU

Những ngày này, miền Trung quê tôi mưa dầm không ngớt, có nhiều khi hơn mười ngày nửa tháng chưa thể ra được khỏi nhà. Những tháng mưa lạnh này, bà con quê tôi có niềm vui nhỏ là hay ngồi lại từng nhà, quây quần bên bếp lửa, nấu những món ăn dân dã và cùng vui chuyện trò. Cùng với bánh xèo, đậu phộng rang, khoai lang nướng, bánh ú khoai xiêm là món được người quê tôi trước giờ rất thích.

Bánh có cái tên mộc mạc, bánh ú khoai xiêm. Quê tôi không gọi củ mì là sắn, mà gọi bằng cái tên khá lạ với nhiều người ngoài Bắc, trong Nam là khoai xiêm. Gọi khoai xiêm như để phân biệt với khoai lang, khoai từ, khoai môn vậy. Khoai xiêm cũng có có mấy loại, khoai bún khi luộc chín có màu vàng, ăn thấy dẻo; khoai gòn củ to hơn, luộc chín có màu trắng, bùi, bở, cho một mẩu vào miệng là có thể tan ra. Ngoài ra có nhiều loại nữa được mang từ nơi khác về trồng như giống khoai H.34, giống khoai M.94, nhưng phần lớn đó là những giống khoai trồng lấy bột hoặc dùng trong việc chăn nuôi chứ hầu như không được dùng làm thức ăn cho người. Ở quê tôi, khoai xiêm là cây trồng quan trọng. Mẹ tôi năm nào cũng trồng ít nhất một đám, đến bây giờ vẫn vậy. Hỏi mẹ thì mẹ bảo, tháng Mười mưa gió, có củ khoai cho yên tâm con à.

Trở lại với bánh ú khoai xiêm, nguyên liệu làm bánh thật đơn giản, chỉ có củ khoai, đậu đen hoặc đậu đỏ và ít gia vị là được. Khoai bóc vỏ xong, ngâm nước sạch một thời gian cho bớt nhựa sau đó đem bào thành bột. Đậu đen hoặc đậu đỏ được luộc đi, sau đó cho gia vị tùy thích vào và xào cho nát để làm nhân. Nếu làm bánh mặn thì gia vị thường phải có có hồ tiêu, củ và lá hành, muối, bột ngọt và dầu ăn; nếu được là đậu phộng thật thì càng ngon hơn. Còn nếu làm bánh ngọt thì chỉ cần đường cát và muối là được. Nhân được xào chín, cho vào trong bột khoai xiêm tươi vừa được bào ra và đã được nhồi cho dẻo, tùy sở thích người ăn mà cho nhân nhiều hay ít; sau đó gói lại trong lá chuối và đem luộc như bánh ú nếp. Vì với khoai bào, người ta chỉ cần luộc sơ là đã ăn được, và nhân bánh cũng đã được xào chín tới, nên bánh ú khoai xiêm

sau khi làm xong chỉ cần được nấu trong khoảng hơn nửa tiếng đồng hồ là đã có thể được vớt ra đem cho mọi người thưởng thức. Mẹ tôi làm bánh rất nhanh, mà chiếc nào cũng đẹp và ngon, tôi cũng học bà để làm nhưng chưa khi nào đạt tới kết quả như vậy.

Bánh ú khoai xiêm chế biến không cầu kỳ nhưng hương vị thì không thứ bánh nào nhầm lẫn. Bánh có vị dẻo bùi của sắn, vị thơm của nhân đậu được xào với củ hành lá và tiêu bột. Thực ra vị bánh cũng không quá đậm đà, nhưng người ăn thường khó quên. Giá trị dinh dưỡng của bánh nằm ở phần nhân là chính, phần vỏ bánh là bột khoai xiêm thì chỉ là tinh bột, nhưng được cái ăn vào no lâu. Thành thử, bánh vừa thơm ngon, vừa bổ lại có thể no bụng cả ngày. Vào những tháng mưa dầm gió lạnh, quê nhà Quảng Nam của tôi ngày trước còn nghèo khó, có những mùa mưa đói rét, bánh trở thành món ăn thay cơm thân thuộc của nhiều gia đình. Bánh ú khoai xiêm dễ làm, dễ ăn, như cây khoai xiêm quê tôi dễ trồng.

Ngày trước mẹ tôi thường nấu bánh ú khoai xiêm cho cả nhà, có khi vì ngày mưa chẳng biết làm gì, nhưng thực ra bởi nhà thường thiếu gạo. Ngày ấy, mỗi khi mùa mưa đến, mẹ tôi lại nhổ khoai về, tự tay bào bột làm vỏ bánh rồi xào đậu làm nhân, sau đó luộc cho tôi và hai đứa em những chiếc bánh dẻo thơm. Cũng có lần ba không đi làm xa, cả nhà lại ngồi cùng nhau bên bếp lửa hồng bập bùng cháy mà thưởng thức chiếc bánh ú mẹ gói ghém tất cả yêu thương. Có nhiều khi nhà hết gạo, mưa dầm tháng Mười một lạnh lẽo triền miên, mẹ lại làm thêm nhiều bánh ú, bà chịu khó làm ngon hơn, cho lũ con chúng tôi không ngán khi phải ăn hoài. Nhà còn nghèo, thương chồng, thương con, mẹ chỉ biết lặng lẽ làm những chiếc bánh thật dẻo thơm, cho bữa cơm chiều không ngẹn lại. Chiếc bánh quê hương mang tình mẹ dạt dào...

Thứ bánh mộc mạc hương vị quê nhà, ăn lần đầu thấy thích, ăn nhiều lần không chán ấy đã gắn liền với một thời của tuổi thơ tôi, đến bây giờ vẫn còn vương vấn. Nghĩ về bánh ú khoai xiêm, tôi thấy thương mẹ tôi nhiều lắm, thương những tháng ngày yêu dấu tuổi thơ... ■



NGUYỄN THỊ THANH NHÌ

Nghe tin đài phát thanh báo quê mình có bão, cơn bão gần bờ. Bất chợt trong lòng cứ chộn rộn mãi. Cuộc điện thoại về nhà vừa dứt nhưng không khỏi lo âu, tôi lặng nhìn kim đồng hồ đang dịch chuyển dần về đêm. Bây giờ là cuối tháng Tám âm lịch, miền Trung quê tôi lại tiếp tục gánh chịu sự hoành hành của những cơn bão.

Nửa đêm, gác trọ đã chìm vào không gian yên ắng. Ngoài kia, những trận gió lạ lẫm vô tình đập ào ào trên mái tôn. Tầm bạt chấn mưa, che nắng bị gió thổi tốc từng hồi vang lên tiếng phàn phật nghe rợn người. Nằm trong phòng nhưng tôi không sao chợp mắt được. Chắc ở nhà lúc này mưa lớn lắm? Đất trời không chiếu lòng người miền Trung, quanh năm hết nắng hạn khô khan làm cháy khô cây cỏ rồi lại đến một mùa mưa bão triển miên cuốn trôi nhà trôi cửa, tàn phá tan hoang cuộc sống nơi đây.

Bao đợt lũ dâng, bão về, xóm làng trở nên điêu tàn. Người dân quê tôi nuốt từng giọt nước mắt đắng chát, ngậm ngùi xót xa sau cơn thịnh nộ của thiên nhiên. Cuộc sống cứ phải làm lại gần như từ đầu với không biết bao nhiêu khó nhọc.

Cơn bão gần bờ. Giờ này ở nhà chắc mọi người đang tất bật chuẩn bị dự phòng cho những tình huống khi bão đổ bộ. Không có gì khổ cực hơn là cảnh bão lũ về đêm. Trong bóng tối u huyền của đất trời, những cơn gió mang hơi lạnh áp thẳng vào da thịt đem lại cảm giác tê buốt. Gió như con thú dữ đang rình rập con mồi, cứ chốc chốc

lại đổ xô vỗ vập bất ngờ vào làng vào xóm, quật thẳng vào nhà cửa và cây cối. Bão về đột ngột, không biết ở nhà ba có kịp che chắn lại mái tôn sau buổi làm đồng? Và hình dáng bà tôi cũng hiện lên trong đầu, chắc bà lại đang lom khom che lại cái chuồng gà đơn sơ cho đàn gà con khỏi ướt. Đàn gà mới nở, bà chặt chiu chăm nuôi để đón Tết. Mưa lớn thế, con đường đến trường của mấy đứa em sẽ lầy lội lắm. Đợt này không biết chiếc cầu nhỏ bắc qua bờ sông bên kia có còn trụ vững cho học sinh đến trường không, hay lại bị cuốn trôi đi mất rồi. Lại thêm những lo âu; có bóng áo trắng nào chìm trong dòng nước, văng vẳng tiếng khóc thương xót xa của mọi người.

Bão ập về mang theo gió to và mưa lớn làm ướt nhà, ướt cửa, thấm ướt những nhọc nhằn trên đôi mắt người dân quê. Bây giờ ở quê, lúa đang mùa làm đồng. Lúa xanh con gái đang thì gặp bão thì ngã non hết. Vậy là bao nhiêu công lao trôi sông trôi bể. Người nhà quê, đám ruộng là chỗ dựa mưu sinh; bao nhiêu công sức, bao giọt mồ hôi đổ xuống để mong một mùa bội thu có cái mà ăn, có cái mà bán lấy tiền trang trải. Thương ba hôm rồi còn khoe ruộng lúa của nhà mùa này tốt tươi lắm, tất cả một tay ba chăm bón sớm trưa. Công sức ấy bỏ ra bao nhiêu rồi mà sao cũng không thắng nổi sự tàn phá của thiên nhiên. Không biết mấy đám mía bên nhà hàng xóm có trụ nổi qua cơn bão này hay cũng đang lơ ngơ đưa mình theo những cơn gió xắc xược. Rồi mấy dộc bắp đang trổ cờ bên triền sông, dưới mưa bão thế này không biết có thu hoạch được gì không. Vườn rau của bà đang xanh mướt chắc cũng bị nước ngập làm



giập tả tơi... hoa màu cây trái gần đến mùa thu hoạch lại đón bão dữ dội, bị giập phá tơi bời. Miền đất nghèo lại một lần nữa gánh thêm phần cực nhọc.

Đêm. Gió mỗi lúc một mạnh dần lên. Tôi hé cửa, cho những trăn trở theo gió có vơi dần được chút nào chăng. Thì ra bên dãy nhà trọ học, mọi người vẫn đang còn thức cả; hình như không ai dám ngủ. Trong bóng tối lờ mờ của ánh đèn phản chiếu, những gương mặt bất an đối diện nhau nhưng không ai dám nói điều gì. Ai cũng mang trong lòng một nỗi niềm chưa thốt nổi nên lời. Đó có chăng là những băn khoăn trước sự vô tình của thiên tai. Những đôi mắt lo âu hướng về xa xăm trong màn đêm. Không biết ở quê nhà xa xôi có ai đang lênh đênh giữa dòng nước lũ? Không biết có ngôi nhà nào bị ngập, bị cuốn trôi? Bọn trẻ đang đứng ở đâu, liệu chúng có thể chịu nổi cái lạnh của thời tiết này không? Rồi những ngày nghỉ học triền miên, sao cho kịp chương trình thi cử? Con người dường như quá nhỏ bé trước dòng nước bạc hung hãn.

Lắng nghe tin bão khắc nghiệt đang ngày càng đe dọa cuộc sống quê mình, từng lời của chị phát thanh viên radio như rót vào lòng người bao nỗi lo toan. Mấy đứa bạn nhà vùng biển đứng ngồi không yên. Đáy mắt long lanh không dám nói như sợ cảm lòng không được nước mắt chỉ chực có cơ hội trào ra mà bật khóc ngon lành. Sau cơn bão thế nào cũng có những đoàn người mòn mỏi trông tin trai tráng trở về trong những chuyến đi biển. Gió to sóng dữ, ai còn ai mất. Những giọt nước mắt của sự trở về hay những đón đau vì thêm những

ngôi mộ nằm nghe đại dương sóng vỗ.

Nhớ một chiều bão tan, bà tôi lặng lẽ dắt tôi ra trước ngõ trông về những ngọn đồi xa xa; nước mắt bà chợt rơi sau bàn tay gầy guộc đưa ra chạm vội. Đó là nước mắt của người phụ nữ với bao lo toan khó nhọc của cuộc đời, bão trời và cả bão đời. Tuổi thơ tôi cũng gắn với một ngày bão đáng nhớ. Để rồi cứ mỗi lần đọc lại những câu thơ trong bài “ Mẹ vắng nhà ngày bão” của Đặng Hiển thì lòng tôi lại bất chợt miên man: “Bố đội nón đi chợ/ Mua cá về nấu chua/ Thế rồi cơn bão qua/ Mẹ về như nắng mới/ Ấm áp cả gian nhà”. Và rồi cơn bão năm ấy đi qua, nhưng mẹ tôi thì mãi mãi không trở về nữa, tiếng mẹ tan dần theo tiếng mưa, chỉ còn ba tôi đội nắng, đội gió, đội cả giông bão qua hết cuộc đời dài.

Đêm bão về. Ngồi co ro trong gác trọ, lòng tôi thầm cầu mong cho quê nhà được bình yên. Trong bão, không còn những ngôi nhà sụp mái, không có những mái ngói nhuộm màu nước bạc, và nhất là không ai phải lênh đênh, chới với giữa dòng vô định. Mong sao sẽ nhận được nhiều trái tim nhân ái, những tấm lòng hảo tâm chia sẻ những bất hạnh mà người dân miền Trung phải gánh chịu để san bớt phần nào những đau thương. Sự bao dung đùm bọc lẫn nhau sẽ nối dẫn khoảng cách tình thương của người với người cùng nhau đi qua những thiên tai khắc nghiệt.

Cơn bão nào rồi cũng sẽ đi qua, nắng rồi lại về sưởi ấm cả không gian và những cuộc đời bất hạnh. Nghị lực và tình thương như những tia nắng vàng trong những ngày bão nổi! ■



Ảnh: Ngô Văn Thống

Trí kỷ

Huế

NGUYỄN BỘI NHIÊN

Những người bạn ở Huế đã đôi ba lần nhắc tôi về chơi vào mỗi dịp lễ Tết trong bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Thế là cái khoảng thời gian chưa được xác định ấy bỗng trở thành một niềm mong chờ xao xuyến lặng lẽ lan tỏa trong tôi sự thôi thúc. Và, trong một ban mai đang lên thanh thản, tôi nhận ra tôi đã ra đi từ phía có dòng sông Hồng chở nặng phù sa của đời người để có thể đếm bước chân mình trên những con đường ở cái thành phố luôn mang sẵn trong tâm hồn một *mélodie* của riêng mình từ thuở có tên gọi *Thuận Hóa* cho đến lúc trở thành *di sản văn hóa* chung của nhân loại. Bắt đầu từ đây, tôi sống trong nỗi mê cuồng được chạm vào một vẻ đẹp có sức lay động ý thức giữa cõi thực và cõi mộng đang có nơi trần thế mang cái tên rất đỗi gần gũi với niềm yêu thương và ngưỡng vọng của bao người: *Huế*.

Khi những chấm bụi nước li ti đọng trên hoa lá của những lùm cỏ cò thân mỏng ven bờ Thành Nội bắt đầu đón nhận những tia nắng mặt trời mới mẻ, khắp các ngã đường trong thành phố như được nhuộm trắng bởi màu áo học trò. Tôi đã gặp và ghi nhớ cho mình rất nhiều buổi tựu trường và tan trường đầy đó trên quê hương trăm mến ngàn yêu, nhưng chưa ở đâu tôi được thấy tà áo dài nữ sinh lại đơn sơ, đoan trang, trắng trong và quá đỗi dịu dàng như ở Huế. Những tà áo ấy hợp với những mái tóc thể mượt mà, những chiếc nón bài thơ óng ả, những dáng guốc thanh tân nhu mì, những nhịp Tràng Tiền cong mềm làm nên một nét duyên dưới ánh sáng nhật nguyệt đã hóa thành niềm hoài vọng khôn nguôi trong biết bao người tự mình thấm vào cái tâm Huế không hề khác đi theo ngày,

tháng. Và, cái dịu dàng ấy luôn đưa những ai đến Huế gặp lại một không gian vừa trang nghiêm quý phái, vừa gần gũi thân thiết. Ở đây, bên dòng Hương vẫn mãi miết tự chảy vào lòng mình, hàn huyên với mấy người bạn có từ những ngày vừa bắt đầu tuổi trẻ của mình, tôi hiểu rằng trong mỗi tâm hồn người, Huế là một góc nhỏ bình yên và dịu dàng, là nơi chốn đi về của bao nỗi nhớ nhung, hoài vọng giữa cuộn cuộn thẳng trắm trong đầu bể cõi đời. Vào lúc bất chợt ngồi thật yên nghe tiếng chim hót trong các khu vườn mượt *xanh như ngọc* ở thôn Vỹ và nhìn *nắng hàng cau nắng mới lên*, lòng lũ khách quên hết chuyện mưa nắng trần ai và thẩm thía một niềm biết ơn đối với vẻ trầm mặc, cổ kính của thành quách lâu đài, cỏ cây, sông núi, lăng tẩm, chùa chiền...

Trong nỗi hoài vọng về một vẻ đẹp đã từng đạt tới ở đời, những nghệ sĩ dân gian thấu hiểu bản chất của cổ đô đang trả lại cho Huế nét vàng son độc đáo trên những công trình kiến trúc qua từng phút từng giờ bằng tất cả tâm thức của người núi Ngự sông Hương. Qua những bàn tay tài hoa và khéo léo của họ, người từ muôn phương vẫn cung kính thể nhận sâu sắc không khí trang nghiêm của Đại Nội, vẻ uy nghi tráng lệ của lăng Khải Định, sự linh thiêng của chùa Thiên Mụ, sức tâm cảm của sông Hương núi Ngự... Những con đường chữ *công* lát gạch Bát Tràng nơi trái tim Hoàng thành với hào sen quanh co, cô tịch trải qua bao sóng gió phé hưng vẫn dội vào lòng người những âm vang da diết của một quá khứ đài các, kiêu sa. Huế hòa nhập vào cảm xúc của con người với những đền đài lăng tẩm, những nhà vườn cổ kính, nhiều món ăn thanh tao. Đứng giữa chiếc vườn cổ An Hiên ở ngôi



làng Kim Long bình yên với những cây vòng đồng rợp tán, trước từ đường Ngọc Sơn công chúa, Lạc Tịnh viên,... bao giờ người thường ngoạn cũng nhận ra mình đang suy tư về các ý nghĩa nhân sinh triết học, các yếu tố sơn thủy, nghệ thuật phụng sự cái đẹp lẫn phong cách sống của người dân xứ Huế. Trên những nếp nhà ấy, mọi chiều của không gian và thời gian đã vĩnh viễn ngưng đọng từ rất lâu và mọi thứ hầu như không thay đổi, không đến không đi, để mỗi khi con người bước chân vào đây sẽ tạo ngộ với những tâm hồn hài hòa tươi sáng, nhạy cảm và mơ mộng, sẽ gặp lại những bóng hình quen thuộc, những ký ức và kỷ niệm bao giờ cũng thanh thoát, hồn nhiên. Cảm giác ấy đã theo tôi rong ruổi trên cả tấm sông băng qua những làng vườn đầy tre trúc, hoa trái và khói sương ở Vỹ Dạ, cồn Hến, tản ngẩn bên hương sen hồ Tịnh Tâm rồi đi vào bên trong những thành quách rêu phong cho tới lúc đọc trên tấm đá hoa cương trước lăng mộ vua Tự Đức câu văn bia: *"Ta trông nơi đây thật nhiều cây để gọi chim về, chim nào thấy vui thì cứ đến ở"*...

Huế vẫn thường lôi cuốn, rủ rê con người đi tới những chốn cao sơn lưu thủy lẫn nơi dân dã bình thường mà chỗ nào cũng được một sắc màu lung linh của văn hóa phương Đông phủ lên không gian của nó. Bên mái vàng mái xanh Ngọ Môn thấp thoáng sau những tán cây xà cừ là những con đường nhỏ yên tĩnh bao quanh các nếp nhà hiền lành, bình lặng. Giữa không gian ấy thỉnh thoảng vang lên những lời hát và giai điệu quần quýt nhịp múa của *nhã nhạc cung đình Huế* đang triệu hồi cảm xúc của con người tại nhà hát Duyệt Thị Đường. Con sông Hương từ rừng xuôi chảy về Đông nhưng dường như chưa bao giờ ra tới biển cứ mãi dẫn dụ con người quay lại huyền thoại của nó với Huyền Trân công chúa, với sương mù huyền ảo, với chén rượu đưa tiễn khách trần của người tiên thuở xưa chìm xuống đáy sông làm nên trái núi Ngọc Trản đẹp muôn đời. Trên con thuyền xuôi từ Hòn Chén về bến Văn Lâu, qua Đông Ba, Đập Đá, tầm mắt dừng lại ở đỉnh Ngự Bình trầm mặc nổi bật trên nền trời, thấy hư thực

bóng dáng thi sĩ Tuy Lý với triết học thiên nhiên sâu thẳm của ông: *"Sáng mai quất ngựa lên đầu núi/ Nghe thông reo nằm nhớ ta sâu"*. Bây giờ, chẳng biết còn có văn nhân nào lên ngọn núi muôn năm đứng bên sông Hương mà xem huyền hóa, nhưng rõ ràng hòn núi Ngự Bình vẫn là một thực thể làm chứng cho những cuộc thể nguyên vĩnh cửu rất thiêng liêng của những người yêu nhau ở Huế. Bởi vẫn vang vọng đó thôi trên núi trên sông và trong lòng người trên đất Thuận Hóa xưa câu thơ gói trọn giọng điệu nhỏ nhẹ *"Dạ thưa, xứ Huế bây giờ/ Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương"* mà sự tài hoa của thi nhân Bùi Giáng đã vui chọn làm một hồn thơ. Bên niềm vui đó, tôi sống những ngày với Huế giữa những người bạn vẫn luôn tâm đắc với nhau một điều tựa như niềm tâm giao với sông Hương của Ông già Bến Ngự: *"Hương ơi, e phải mày không/ Sông nọ hóa ra mình có"*, rằng Huế là thành phố không của riêng ai mà bất cứ ai sau lần đến với nó cũng có thể thấy Huế là của riêng mình. Họ kéo tôi về cầu ngói Thanh Toàn trong niềm tin không gì lay chuyển được là vẫn còn người con gái mặc áo màu tím Huế nhẹ nhàng thưa: *"Cho em về với một đàn cho vui"*. Ở đó, nở đầy bên bến sông quê là hoa cải, hoa mướp vàng tươi, hoa khế tím tím e ấp gọi những nỗi niềm man mác, bàng khuâng.

Tiếng chuông thu không từ chùa Thiên Mụ rơi thánh thót, những đám mây theo gió về phía Thiên An vừa đi vừa ngấm mình dưới làn nước sông Hương đang đổi sắc trong sương sa, Huế trở nên giống một bức tranh siêu thực với gam màu tím thắm hoang đường. Trong đêm, trên chiếc thuyền đã dừng neo giữa muôn vàn nhịp sóng dùng dằng, cảm nhận được một thoáng thiên thu trong những làn điệu dân ca thấm đượm ân tình, con người cảm thấy mình đang tràn đầy mùi vị Huế, càng hiểu thêm khát vọng thăng hoa của tâm hồn Huế trong tầm vóc của một di sản văn hóa thế giới. Cúi mặt xuống dòng sông kinh kỳ thơm ngát bóng thời gian, với niềm xúc động lặng lẽ, tôi thầm cảm ơn những người bạn đã và đang cho tôi hạnh phúc có Huế làm tri kỷ, cảm ơn những giọng ca đang diu Huế vào lòng... ■



1 “Trăng muôn đời thiếu nợ...”

Ta muốn bắt đầu những nghĩ suy của mình bằng một câu hát còn khuyết, để mỗi người tự tìm lấy một lời giải đáp cho riêng mình.

Vẫn biết đời đổi thay, chảy trôi nơi nào rồi lại về nguồn cũ tìm ngọt ngào phù sa đắp bồi bãi bờ hoang dại. Ở phương trời xa, em rao bán tuổi thơ mình, đổi lấy một món hời mà trả nợ cho trăng. Nỗi nhớ trong em không thối thức, không dần vật, trăn trở... chỉ là một nỗi nhớ vu vơ. Cái vu vơ của kẻ tình nhân xa. Chỉ có em là con nợ của trăng. Em nợ lớn quá, nhiều quá sao em trả hết? Ngày xưa, có một cô bé lớn lên trong đòn roi và tiếng la mắng của người cha dượng. Người mẹ cô yêu thương đã vì bệnh tật qua đời. Trên cõi đời này, cô chẳng còn ai. Cô bị ám ảnh bởi mọi thứ trong ngôi nhà quen thuộc. Cô thường trốn ra bờ sông khi cha dượng đã ngủ say. Nằm im trên cỏ non, cô âm thầm nghe gió thì thào, nghe cỏ hát tình ca, nghe mùi cỏ ram rám trên từng thớ thịt. Ngửa mặt hứng trăng, nước mắt cô cứ thế lấp lánh chảy dài như một dòng sông trăng. Cứ vậy mà trăng với cô thành bạn, thành tri kỷ, nhân tình của nhau. Trăng ve vuốt vết thương lòng của cô khiến chúng lành lặn. Trăng tặng cho cô nụ cười đẹp nơi khuôn mặt thánh thiện. Yêu trăng bởi trăng là một phần tâm hồn cô vậy.

2 Thu già bởi tại trăng non

Ta nói, trăng là kẻ tình nhân của chàng thu lạnh lùng, huyền bí. Tiết thu se sẽ phả heo may vào mùa, làm dịu đi cái nắng gắt gao của hạ, tiết chế cái lạnh lẽo của đông đang chực ào đến. Tôi chợt nhớ đến Lãng Yên, người đánh trôi tim mình trong thơ. Người đổ nợ cho mùa thu “*Thu nợ em khung trời tỏa nắng/Lãng đãng chiều xao xác lá vàng bay/Em đông đếm trời chiều mòn mỏi miền du...*”. Tìm đâu ra một khung trời đầy nắng giữa mùa thu chỉ có xác lá vàng vọt mà thôi. Một đôi bờ nước trong veo gợn điểm chút heo may se áo mỏng. Tôi tìm thấy em trong ngày thu cũ kỹ. Em trầm lặng, yên ắng và suy tư. Mùa thu như thế với em thật già lắm. Xưa em vẫn cố cãi tôi rằng thu là ông già lắm cẩm chỉ muốn gom góp cái đẹp mà giấu giếm đi. Ông già ấy, gỡ đi những chiếc lá còn biêng biếc, để trơ trọi “*đôi nhánh khô gầy, xương mỏng manh*” trên nền trời trong. Ban ngày, thu thật sự buồn lắm, nỗi buồn u uẩn len vào từng xó xỉnh, hiện trên từng nét mặt. Chỉ khi trời tối mùa thu mới dễ chịu, không oi ả, cũng không lạnh lẽo. Và trăng. Trăng hiện lên đẹp như một thực nữ mang vẻ đẹp uyên nguyên của đất trời. Thu quả xấu tính lắm. Có mấy ai thức được mà chiêm ngưỡng cái vi diệu tuyệt đẹp ấy của trăng đâu. Thế mới hiểu, thu thiên vị sông quá. Sông ôm trọn trăng vào mình, cất giữ nơi thẳm sâu của đáy lòng để những kẻ hằng ao ước mua trăng, bán nguyệt chỉ lắc đầu tiếc nuối.



THỦY LINH LUNG

Thu hình như lại nợ em một khoảng trời trăng gió. Em khát khao. Em thèm thuồng trong đợi chờ. Em bảo em vẫn muốn đến một nơi thật xa để xem con trăng có theo mình nữa không. Và em đi thật, em rời bỏ nơi chôn sâu những kỷ niệm buồn đau này để tìm hạnh phúc. Tôi chưa hiểu hết được nỗi buồn của kẻ thất tình. Tôi vốn nghĩ giản đơn chỉ là buồn, nỗi buồn tản mát hết như khói sương những sớm mai. Đã bao lần thấy mẹ lén khóc, tôi hỏi mẹ đau ở đâu, để tôi xúc dầu. Mẹ bảo mẹ đau ở tim. Đau óc non nớt của tôi khi ấy mới vỡ ra cái lẽ, đau ở tim là biểu hiện của nỗi buồn tột bậc nhất. Sau khi em rời xa tôi, tôi mới hiểu thế nào là tim đau. Và tôi biết mình đã thương em rồi đấy...

3 Sông tro lòng... sỏi đá tìm trăng...

Lặn lội nửa vòng Trái đất. Tôi tìm em đang thần thơ bên sông trăng vời vợi. Em thì thắm, hình như em nhớ sông. Em đi đâu trăng đều ở đấy, em đi rồi, trăng có còn đến bên sông? À ra thế, mối vấn vương của em là cảm tình của sông trăng. Em đã bỏ rơi một người để chạy theo những ảo tưởng, có phải em ích kỷ? Em muốn tìm về, về với sông của em. Chỉ sông mới đem cho em vắng trăng đẹp nhất...

Trở về quê hương, nơi em sống đã là phố thị đông người. Đông quá nên chỉ có em với một vầng trăng ấp ủ của riêng mình. Trăng tròn đầy rồi hao gầy trong bờ

mắt em nào ai biết. Em tắt tả đạp xe ra con sông cũ, nơi tuổi thơ em bầu bạn cùng trăng. Em đi tìm, em tìm vầng trăng cổ tích ngày xưa. Vầng trăng theo em chạy đuổi, vầng trăng dát vàng cả mặt sông, mơ màng trên khuôn mặt em mát lạnh như bàn tay mẹ. Em vẫn khúc khích cười khi áp mặt mình vào trăng nơi đáy sông. Trăng của em đấy, em muốn ôm trăng mà cười. Em chợt nhớ đến Lý Bạch, có lẽ bậc cổ nhân ấy cũng khát khao như em, cũng yêu trăng như em nên mới ôm trăng mà chết. Nhưng em lại có cảm giác ông không chết như người đời vẫn nói. Vị trích tiên ấy hẳn đã đi tìm tri kỷ, tìm một người lắng nghe, sẻ chia và trung thành với tình bạn cao cả ấy. Cuộc đời này, không cho kẻ lãng tử một người bầu bạn, nên ông mới giành kẻ nhân tình của sông đấy thôi... Cũng từ bạn ấy người ta thấy sông buồn, trăng sầu, chỉ thi nhân là lắng lại... Còn với em con trăng của em còn con trẻ lắm khi ở bên sông.

Sỏi đá còn biết tìm nhau dũa mài tròn trịa thì em hối ngại ngừng chỉ một phút tình si nơi vầng trăng cổ tích. Đêm nay, trăng đẹp lắm, tôi không muốn tìm trăng nơi lòng sông tro sỏi. Tôi soi trăng vào mắt em, bởi mắt em là một dòng sông thu rồi đấy thôi. Thu sắp qua rồi, tôi ôm con trăng của riêng mình mong giữ lại chút thu khi mùa đang tàn phai. Trong mắt em tràn ngập bầu không khí cổ tích đợi chờ em làm một chuyến phiêu lưu trở về là em của ngày xưa... cô nàng ôm trăng đi chơi giữa mùa trăng về... để sông ru hết câu tình khúc "Trăng muôn đời thiếu nợ mà sông không nhớ ra...". ■



Một ngày

chăn vịt

NGUYỄN HOÀNG DUY

Nó đứng khép nép sau cánh cổng trường mà lòng buồn rười rượi. Ngày khai giảng năm học mới đã bắt đầu từ hôm qua, vậy mà nó không được vào lớp học cùng các bạn. Nó là một cậu học sinh giỏi, ngoan hiền, hạnh kiểm tốt trong lớp ai cũng biết. Nhưng khổ nỗi gia đình nó nghèo quá, khổ quá, cái mặc không lành lặn, cái ăn thì chạy từng buổi thì làm sao có tiền lo cho nó ăn học chu đáo. Mặc dù cô chủ nhiệm đã nhiều lần vận động các phụ huynh khá giả quyên góp nhưng đâu ai mà giúp nó mãi. Năm nay lên lớp 12 rồi, bao nhiêu phí học chống chọi lên đôi vai của các bậc cha mẹ nên họ không thể nào giúp nó được nữa. Chính vì vậy sau năm học 11, nó buộc phải nghỉ ở nhà giúp mẹ kiếm tiền để kiếm tiền nuôi ba nó. Ba nó mới bị cụt hai tay sau một lần bị điện giật nên bao nhiêu gánh nặng đổ lên vai người phụ nữ yếu đuối. Nó không cam lòng nghỉ học nhưng nó cũng không muốn mẹ mình khổ

mãi, nên nó xếp hết sách vở vào bao nylon và cất đi cho đỡ tiếc nuối...

Nó len qua đám cỏ dại um tùm bên góc trái của trường học, cố leo lên bờ tường cao chỉ để nhìn cho được cái lớp 11A5 thân thương hôm nào của nó. Nhìn lũ bạn xếp hàng ngay ngắn trong màu áo trắng tinh, nó như một kẻ nghiện chocolate đến mức muốn phá tan cánh cổng để chạy ủa vào lớp học. Nhưng cái mộng mị hoang đường ấy đã bị mẹ nó đánh thức sau tiếng réo gọi dồn dập:

- Tí ời, về đi chăn vịt nhanh đi con, lúa ngoài đồng suốt sắp xong rồi kìa!

Giật mình khi nghe mẹ gọi, nó vội chạy bộ một mạch đến nhà chú Tư, nơi nó chăn vịt thuê. Đường quê gồ ghề đá đỏ, có nhiều hòn to như cái chén ăn cơm nằm nhú lên trên mặt đất thật trông rất khó coi. Nhưng nó đã quen thế, nên đôi chân trần chẳng biết đau là gì. Trên đường đi, nó bắt gặp nhiều đứa bạn cùng lớp cũ

với nó đang ngồi mãi miết chơi game, bỏ tiết học. Bọn chúng gọi nó í ới với vẻ coi thường vì bộ dạng của nó trông thật tiều tụy. Chợt nó chùn lòng, đôi chân chậm lại dần, rồi từ từ đi thủng thẳng. Nó suy nghĩ miên man rồi tiếc hùi hụi: “Giá như mình có tiền như tụi nó, mình sẽ không chơi game mà dùng số tiền đó để đầu tư vào việc học thì hay biết mấy”. Sự học ám ảnh nó mãi đến độ suốt buổi đường đi nó chẳng biết mình đã qua bao nhiêu cây cầu khỉ, giẫm phải bao nhiêu bãi phân trâu, tuột chiếc quần đùi lưng thun giãn bao nhiêu lần... Nhưng cuối cùng tiếng chó sủa oang oang nhà chú Tư đã đưa nó về với thực tại. Nhìn về mặt hầm hầm của chú Tư cũng biết là chú đang trông ngóng nó từ sáng tới giờ:

- Làm gì mà đến trễ dữ vậy Tí? Ngoài đồng họ suốt lúa sáng giờ mà mày không chịu đến lúa vọt đi ăn, vậy thì làm sao chúng béo lên được? Nể lời ông Năm tao mới thuê mày, vậy mà mày...

Nó cắt ngang lời chú Tư bằng câu xin lỗi nhỏ nhẹ rồi lặng lẽ lúa vọt chạy ra đồng.

Bầy vịt sáng giờ không có hạt lúa nào trong bầu diều nên chúng rất đói, cứ kêu “cạp cạp” đến nhức cả đầu. Thật ra đây không phải là ngày đầu tiên nó đi chăn vịt, mà là lần đầu tiên nó đi làm thuê kiếm tiền. Từ nhỏ đến lớn, sống gần ruộng lúa, nó đã quen với hình ảnh bầy vịt, đàn trâu rồi. Trước đây nó vẫn thường giúp mẹ, giúp những đứa trẻ cùng xóm chăn vịt. Hoặc mỗi khi đi học về, nó chạy theo anh Toàn cuối xóm chăn vịt để nhặt lấy trứng vịt đẻ rớt, thay đổi khẩu vị cho bữa cơm chiều ngoài những món rau luộc chấm chao, tương thường trực. Đó cũng là lý do chú Tư chấp nhận cho nó vào làm. Vịt chú Tư nhiều lắm, cho nên ngoài nó ra còn có vài người nữa chăn thuê rải rác khắp các cánh đồng trong xóm.

Sáng giờ lũ vịt đói nên khi gặp lúa chúng ăn thấy mà thương. Hôm nay người ta thu hoạch lúa quá vội, những hạt thóc vụ mùa hè thu to tròn nằm rơi vãi rất nhiều quanh những đồng rơm bỏ đi. Bất giác nó nhìn trên mép đê rồi nhanh chân chạy lại nhặt những quả trứng vịt đẻ rớt. Nó mừng thầm trong bụng: “Chiều nay nhà mình có món trứng chiên rồi!”. Nó lùa lũ vịt qua hết cánh đồng này rồi đến cánh đồng khác. Được chăm sóc chu đáo, lũ vịt được thưởng thức một bữa tiệc lúa no nê. Nhưng nó cũng phải trông chừng, cảnh giác cao độ, vì nếu lơ là một tí là lũ vịt tràn qua cánh đồng chưa gặt thì xem như tiêu đời. Nhẹ thì người ta nói vài câu rồi bỏ qua, nặng thì họ bắt đền vài bao lúa chứ chẳng chơi.

Chạy được năm cánh đồng thì trời bắt đầu đứng bóng. Thấy những người gặt lúa thuê kéo nhau về nhà nghỉ trưa, nó áng chừng mười hai giờ rồi nên lùa lũ vịt vào khoảnh ruộng có nhiều cây cao tỏa bóng cho chúng nghỉ ngơi. Nó bảo với lũ vịt:

- Này, tụi bay cứ mặc sức rĩa lông rĩa cánh đi nhé. Tụi bay no nê rồi, giờ đến lượt tao.

Nó chọn một gốc cây thật to, khuất nắng, rồi tựa lưng vào đó nghỉ mệt. Nó bắt đầu mở gà-mèn mà mẹ nó đã chuẩn bị từ sáng. Có cơm, rau muống xào tỏi và vài con cá rô non kho sả ớt. Chà, mẹ chu đáo quá! Nhớ ngày hôm qua nó lội ra đồng vớt được vài con cá rô non thôi, định cho mẹ ăn lấy sức để đi làm, vậy mà mẹ nhường hết cho nó. Nó nghĩ ngợi miên man: “Thôi kệ! Mình ráng cố gắng làm thật siêng năng để có tiền nuôi ba mẹ”. Rồi nó vẽ ra viễn cảnh xây một căn nhà khang trang từ tiền lao động do nó kiếm được. Mãi suy nghĩ, nó thiếp đi lúc nào không hay. Trong chiêm bao, nó thấy mình được đi học cùng lũ bạn. Cảm giác thật thích thú, sung sướng khi nghe thầy cô giảng bài, giải bài tập cho các bạn tham khảo, được trò chuyện rôm rã cùng bạn bè sau những giờ tan học... Chợt nó giật bản mình khi chú trưởng công an ập gọi dậy:

- Tí! Tí!...Con đang mơ hay sao mà la ú ớ vậy?

- Dạ... không có...

- Con ngủ mê quá, lũ vịt chạy sang ruộng bác Tám chén một bụng no nê rồi kia!

- Chết! Để con chạy sang lúa về.

- Thôi khỏi! Chú lùa trở lại rồi! Nghe chú hỏi nè, thế bây giờ con có muốn đi học lại không?

- Dạ, con rất muốn, nhưng mà...

- Nhưng mà chuyện học phí chứ gì! Chú hiểu hoàn cảnh đó, cho nên chú đã thuyết phục được ở xã làm sổ hộ nghèo cho gia đình con rồi. Nếu theo đúng quy định thì mẹ con lao động ra tiền, đủ nuôi ba người. Tuy nhiên chú đã tìm cách giải thích với Ủy ban Nhân dân xã là mẹ con chỉ làm công việc thời vụ, không có lương căn bản, không có hợp đồng, vả lại ba con vừa bị tật nguyền nên không đủ nuôi sống gia đình. Xin mãi nửa năm phía xã mới quyết định duyệt hộ nghèo cho gia đình con. Chiều nay chú ghé xã lấy sổ rồi trao lại cho nhà con nhen. Con qua nhà chú Tư xin nghỉ làm rồi thu xếp đi học trở lại. Từ nay con có thể đi học mà không tốn một khoản phí nào của nhà trường, yên tâm rồi nhé! Cố gắng học tốt để không phụ lòng bà con trong ấp nhen. Họ đã vận động cả ấp ký vào đơn để xin được duyệt hộ nghèo cho nhà con đó.

Nghe chú Năm trình bày rõ ràng, nó xúc động vô cùng, mắt đỏ hoe như muốn khóc. Tim nó cứ nháy lung tung, chẳng nói được gì ngoài hai từ “cảm ơn” ngắt quãng. Nó định chạy một mạch đến chỗ làm để thông báo cho mẹ biết. Nhưng nghĩ lại nó còn trách nhiệm với lũ vịt, với công việc mà nó đang làm. Nó hiểu là chú Tư đang thiếu người làm nên nó cố gắng làm hết một tuần cho chú Tư thông thả tìm người khác thay thế. Một tuần sẽ mất biết bao tiết học quan trọng, nhưng nó nghĩ sống là phải có trách nhiệm với những gì quanh mình. Nó tự nhủ với lòng là sẽ ôn bài thật tốt để theo kịp kiến thức với bạn bè. Và nó cũng thầm cảm ơn chú Tư, vì nhờ có công việc này mà nó nhận ra rằng: “Lao động chân chính để kiếm ra đồng tiền thật gian khổ vô cùng”. ■

Cà-sa

VỖ BÁ

Sắc vàng nắng mới long lanh
 Hiền hơn ngọn gió trong lành sớm mai
 Hành thâm Chánh pháp Như Lai
 Từ quang chiếu diệu đêm dài chúng sinh

Gieo lành

Nhân - quả quy luật chẳng sai
 Nợ nay chưa trả ngày mai vẫn còn
 Làm lành từ việc còn con
 Phước sương từng hạt mốt bòn. Tôi gieo...

Xin người

Mong manh chỉ một làn hơi
 Hết duyên tứ đại rã rời phân ly
 Ích gì: đồ kỹ sân si?
 Mở vòng tay rộng từ bi - xin người!

Đêm trong phòng hồi sức

NGUYỄN CẦN

Sáng nay anh đã lên giường
 Quần sau lớp vải vô thường quanh thân
 Mở ra đau xót muôn phần
 Khép vào sinh tử một lần thử chơi
 Nghiệp duyên ràng buộc với đời
 Tưởng tan theo phiến mây trời phiêu du
 Anh nằm đắm đắm sa mù
 Trái tim thao thức thiên thu chực chờ
 Bất ngờ chợt tỉnh cơn mơ

Bâng khuâng tìm lại mộng sơ nguyên đầu
 Trần gian anh đã vui sâu
 Điều linh lá rụng nhiệm màu hoa sinh
 Nhân gian còn một chút tình
 Núi anh trở lại nhục vinh cõi người
 Tinh ra anh nở nụ cười
 Thì ra chưa rũ “áo đười ươi” xưa
 Bờ kia người đợi thuyền đưa
 Cửa Không vừa mở nhưng chưa đóng vào
 Phía nào là cõi chiêm bao?

Bến vắng

BÙI THỊ THƯƠNG

Em tìm về bến vắng
 Nghe im ắng những nhịp chèo
 Đông đưa ký ức quê ngoại
 Sóng là lời mạn thuyền
 Đùa nghịch miền nhớ tuổi thơ
 Trắng què nội thoi không treo đầu ngọn sóng
 Dáng mẹ còn lằm lũi
 Quầy đôi quang gánh buồn tênh
 Tay cha đen sạm những giọt mồ hôi
 Bao đời tường đã thoi không còn rơi nữa
 Chắt chiu chút sữa ngọt lành
 Trao lại đời con thơ
 Bến vắng
 Em không còn nghe
 Tiếng tôm cá quẫy vùng trong nước
 Đưa bước chân ai vào bờ
 Bỏ con thuyền
 Bỏ những mùa nước lên
 Em về
 Thuyền chông chờ trên cát
 Nghe buồn nẫu ruột nhịp sóng xô
 Quê ngoại ơi!...

Neo đêm một chút ai ơi!

VI ÁNH NGỌC

Cánh cò
ráo nằng chiều quê
chờ mùa đi vội
ai về sớm khuya.

Gánh gồng nằng
hứng gió lửa
bụi bùn lem lấm
tiếng khua. Đêm tàn.

Canh hai gà gáy
sương hoang
mới tin rằng mẹ giấc ngon...
ngày dài.

Ngoài hiên
xào xạc lá phai
mái tranh im ắng
bóng nhòai - mẹ tôi.
Neo đêm một chút ai ơi!

Lục bát trong mưa

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Khi không mà có cơn mưa?
Khi mưa cũng có cái chưa hình thành
Cái hình thì mới mong manh
Cái thành giọt nước mát lành đã tan

Ai vun thương nhớ vô vàn
Cho câu lục bát đổ tràn vãn eo
Câu lục hạt nước trong veo
Câu bát hạt giống mẹ gieo vào đời

Hạt mọc thì mọc khắp nơi
Hạt im thì nói hết lời cũng im
Trong mưa ta lại đi tìm
Hàng cây gọi lá tiếng chim gọi rừng

Gọi ai mắt ướt rung rung
Làn da con gái mưa bùng mùi về
Nghiêng nghiêng rau má mã đề
Đóa hoa nào nở trái kẻ cận non...

Nghệp dĩ thi thơ

TRƯỜNG KHÁNH

Lập lò, đom đóm lưu linh,
Trời trôi chập choạng - u minh đêm trường.
Khát khao dạng dẫu thân thương,
Mập mờ thấp thỏm vô thường quắt quay,
Thăm thoát thảng thảng - ngày ngày;
Sa sương, dày dạn, vòng tay hững hờ!
Đá đau nghiệp dĩ thi thơ...
Không không - có có, Bến bờ lạnh rêu.
Vỗ về - bóng vầng liêu xiêu,
Nghe trong kiết sử bông phiêu dật dờ,
Ta nằm mơ, Em nằm mơ...
Tình giấc nghệ mộng nghiêng tờ Kim cang.
Khổ không đòi đoạn võ vàng,
Đá đau phận mỏng rờ ràng nghiệp duyên!!



Chọn bạn mà chơi

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

"Gần mực thì đen...", chị bắt đầu bằng câu tục ngữ ấy rồi giảng giải bao đồng một lúc, sau cùng chốt lại lời khuyên dành cho con "chọn bạn mà chơi". Thấy Hiền im im, biết là thằng bé chưa thông lời mẹ, chị mở ngoặc nói thêm, "... Phải tránh xa mấy đứa hư hỏng mất dạy, tuyệt đối không dây vào đám chơi bởi lằng nhằng. Đây! Mười đứa con hư thì đã có chín đứa do bạn bè rủ rê, thành ra phải kết thân với bạn tốt..." Thằng bé không lắc cũng chẳng gật, chờ mẹ nói xong, nó nhỏ nhẹ "con về phòng đây" rồi lẳng lặng lên cầu thang. Nhìn vẻ dửng dưng của con, chị bức khi thấy lời mình cứ như rơi vào khoảng không, chẳng hề vọng lại.

Lần đầu thấy Hiền dẫn Việt về nhà, chị đã không ứng. Việt đen nhẻm, đầu tóc bù xù như rễ tre, áo quần lôi thôi, nói năng cụt ngùn, cái nhìn tò mò... khiến chị không rời mắt. Thằng bé vừa ra khỏi ngõ, chị liền dò hỏi con về gia cảnh bạn nó. Thấy con trả lời nhát gừng, vẻ khó chịu, chị càng gắng hỏi. Thằng bé bất ngờ cáu gắt: "Mẹ cứ như phỏng vấn để tuyển người vào cơ quan tình báo không bằng!?" Chị há hốc, tròn mắt nhìn con rồi nạt lại: "Mày coi bạn hơn mẹ đấy à!?". Bực tức biến thành lời, chị tuôn một tràng dài. Thằng bé im re.

Mấy ngày sau, kết thúc buổi họp phụ huynh giữa năm học ở trường, chị vội vàng về nhà, chạy thẳng lên phòng con. Cái cầu thang dài khiến giọng chị hỗn hển trong hơi thở: "Con không được chơi với thằng Việt!". Đáp lại giọng nghiêm khắc như mệnh lệnh của mẹ, Hiền ngơ ngác, đôi mắt tròn như dấu hỏi. Chị nén lòng, cố thuyết phục con bằng lời mềm mỏng: "Sao con lại làm bạn với đứa học sinh cá biệt? Cô chủ nhiệm bảo, nó vô lễ với thầy cô, đánh bạn, trốn học đi chơi, cùng vô số tật xấu khác. Chả lẽ lớp con hết bạn tốt rồi

sao?". Thằng bé ngồi thừ một lúc rồi cất giọng buồn buồn: "Hoàn cảnh Việt đáng thương lắm, mẹ ạ". Chị cắt ngang: "Đáng thương thì đã có ông bà cha mẹ nó lo, chẳng đến phần con". Thấy con mím môi, vẻ bất bình, chị cầm tay con, dỗ ngọt: "Mẹ không muốn thói xấu của nó nhiễm vào con". Hiền im lặng, chị đành ninh nó sẽ nghe lời mẹ.

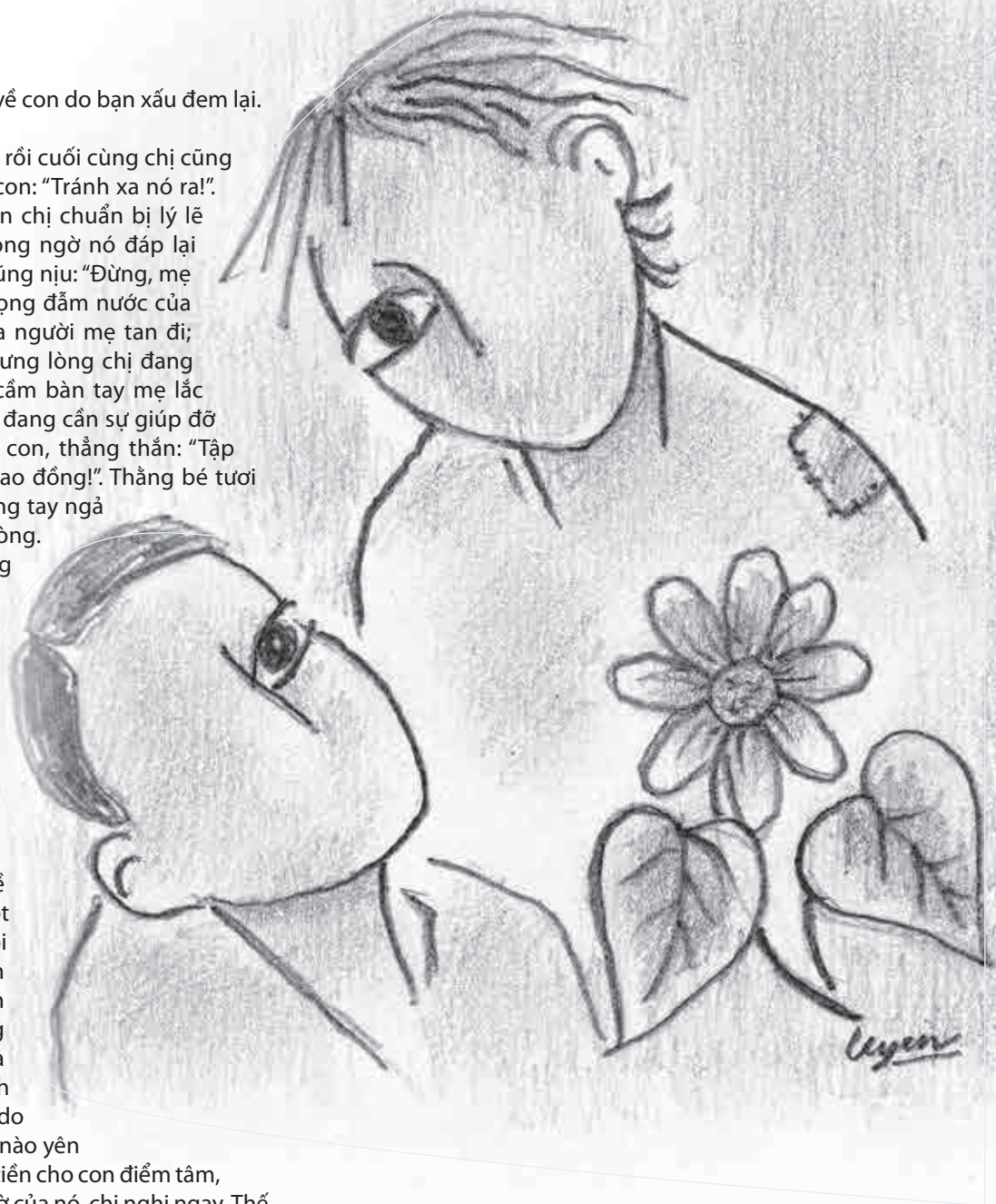
Tưởng thế, nên khi biết con vẫn cặp kè với đứa học sinh cá biệt kia, chị vừa giận vừa lo. Thấy Hiền đi học sớm quá, chị sinh nghi nên liền chạy xe theo sau. Nó đi sớm nhưng tới trường vẫn trễ do còn đạp xe lòng vòng để đón Việt. Nhìn con phờ phạc với tóc tai dựng ngược, đứng nghiêm để nghe những lời nhắc nhở nặng nề của thầy giám thị, lòng chị se lại. Hóa ra, lâu nay thằng bé tự nguyện làm xe thô miễn phí cho bạn.

Cũng vì bạn của con mà cước phí điện thoại bàn nhà chị tăng lên đột biến. Hiền dùng điện thoại để hướng dẫn bạn giải bài tập. Lắm bữa nó cầm ống nghe cả tiếng đồng hồ, trao đổi rề rề như đang ngồi cùng nhau. Hình như đứa bạn chậm hiểu nên nó nói đi nói lại, tì cả người lên bàn cho đỡ mỏi. Cũng loáng thoáng nghe con nói qua điện thoại mà chị biết người nhà Việt nhiều lần nhờ Hiền khuyên nhủ thằng bạn ham chơi hơn ham học. Có khi nó gọi mấy cuộc liên mới tìm được điểm đúng của bạn. Nó thuyết phục bạn bằng cái giọng khi thì cộc lốc như mệnh lệnh "về đi", lúc lại như năn nỉ: "Bà đang chờ cơm đấy, cậu về đi nhé". Có bữa Hiền vừa ngồi vào mâm thì có cuộc gọi tới, nó đáp lại bằng giọng quả quyết "để cháu, để cháu" rồi lật đặt đạp xe lao đi. Nghe mẹ hỏi với theo, nó ngoái lại: "Hắn đang chơi điện tử, con đi thôi về đi!". Không xót tiền điện thoại, cũng chẳng so đo công sức đi sớm về muộn của con nhưng chị thấp thỏm lo khi thấy con chơi thân với đứa nhiều tật như Việt. Lắm đêm chị mất ngủ bởi

những dự cảm chẳng lành về con do bạn xấu đem lại.

Loanh quanh, ngọt nhạt rồi cuối cùng chị cũng nói được điều cần nói với con: “Tránh xa nó ra!”. Đoán con sẽ phản ứng nên chị chuẩn bị lý lẽ để bảo vệ ý mình; chị không ngờ nó đáp lại bằng giọng dỗi hờn pha nũng nịu: “Đừng, mẹ ơi!”. Về mặt năn nỉ cùng giọng đầm nước của con khiến sự cứng rắn của người mẹ tan đi; cố tạo vẻ nghiêm khắc nhưng lòng chị đang lung lay. Hiễn lần tới, nó cầm bàn tay mẹ lắc lắc, cố tìm sự ủng hộ: “Việt đang cần sự giúp đỡ của con mà mẹ”. Chị nhìn con, thẳng thắn: “Tập trung học đi, đừng có lo bao đồng!”. Thằng bé tươi cười, “mẹ yên tâm” rồi quàng tay ngả đầu vào vai mẹ, ra vẻ lấy lòng. Chị bỗng bối rối, ngồi lặng trong niềm vui chợt đến, quên cả bọc dọc.

Chị biết con trai vẫn chơi thân với Việt. Có điều thằng bé kia không tới nhà bạn nữa; thỉnh thoảng thấy nó đứng đầu đường chờ bạn ra. Khi Hiễn xin tiền ăn sáng thay vì để mẹ mua về nhà như mọi bữa, chị chợt dạ. Chị sợ con cầm tiền rồi không ăn mà làm chuyện không hay, như chơi điện tử chẳng hạn. “Gần trường con có quán mì Quảng và bún Huế rất ngon, con thích lắm”. Nghe con giải thích lý do muốn tự ăn sáng, chị phần nào yên tâm. Nhưng lần thứ ba đưa tiền cho con điếm tâm, thấy nét mặt rạng rỡ bất ngờ của nó, chị nghi ngại. Thế là chị biến thành thám tử bắt đầu đi, lằng lằng bám theo con để rồi chứng kiến một sự thật: Chẳng có mì Quảng hay bún Huế nào cả, Hiễn dùng tiền mẹ cho để mua hai ổ bánh mì cho Việt và cho mình. Hôm sau, đưa tiền cho con, chị cười cười: “Mì bún có ngon không?”. Thằng bé hơi bối rối nhưng vẫn cố nói giọng bình thản: “Dạ... ngon, nhưng sao mẹ cười?”. Chị vẫn cười thay cho trả lời. Hiễn lúng túng, gãi mặt xuống chân, lúc sau ngước nhìn mẹ rụt rè. Thoảng ngập ngừng rồi nó cất giọng ngậm ngùi: “Mẹ ơi, nhiều bữa Việt nhin đói đi học đấy”. Đây là thời nào và lại giữa thành phố mà vẫn còn học sinh bụng đói tới trường, chị tự vấn. Nỗi buồn của con lây sang mẹ, giọng chị trầm tư: “Là mẹ sợ Việt lười kéo rủ rê con làm bậy, chứ có tiếc gì đâu”. Hiễn ôm vai mẹ chia sẻ: “Con hiểu, nhưng mẹ đừng lo!”. Chị



bỗng nhận ra con trai chừng chạc hơn nhiều so với tuổi mười bảy của nó.

Kết thúc năm học, chị vui khi thấy con học giỏi, được nhận thưởng trước toàn trường; lại biết, Việt học khá, được thầy cô khen có nhiều tiến bộ cả học lực và hạnh kiểm. Đang vui nên khi con xin tiền đi picnic với lớp, chị chẳng “gây khó” như mọi khi; Hiễn chớp mắt ngạc nhiên trước sự hào phóng của mẹ. Chân nhảy lò cò giả làm ngựa phi, tay giơ cao mấy trăm bạc, nó huýt sáo rồi cười vang. Chị cũng vui lây.

Sau chuyến picnic, Việt đưa bà ngoại tới thăm nhà chị. Chị ngỡ ngàng rồi cũng nhận ra, đây là bà cụ thường gánh nước thuê cho mấy hàng cá ở chợ Mối. Bà cụ rụt

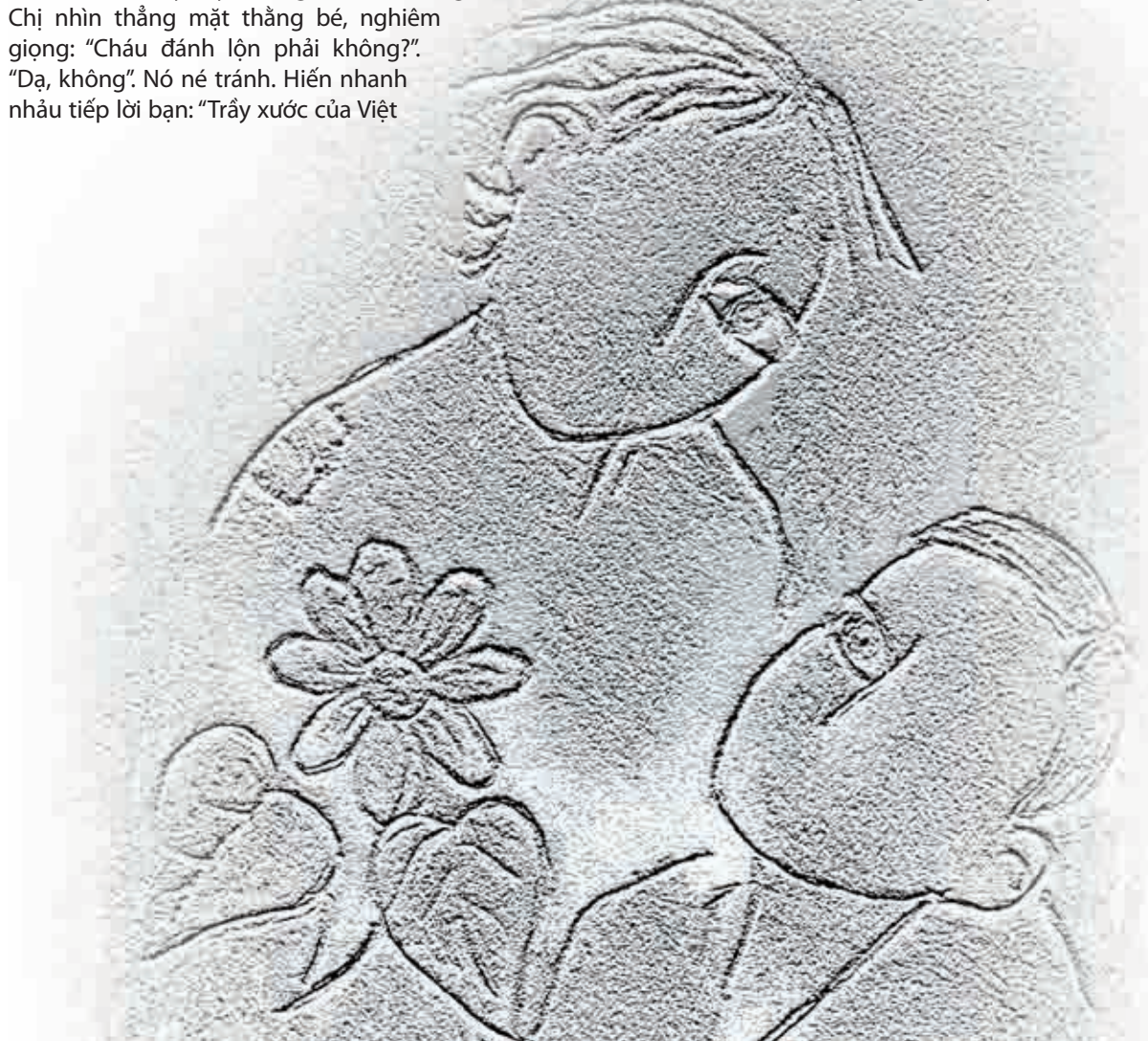
rè đưa mắt nhìn quanh rồi khép nép ngồi xuống ghế. Nghe chị hỏi về bố mẹ Việt, giọng bà đượm buồn: “Khi nó chưa đầy ba tuổi thì mẹ mất, bố lấy vợ khác. Nhà chỉ có hai bà cháu nương tựa vào nhau, cô ạ”. Về lam lũ hằn trên khuôn mặt nhăn nheo và dáng người nhỏ thó của bà. Hình ảnh bà ngày ngày còng lưng quảy từng gánh nước, khó nhọc nhấc từng bước đã quá quen thuộc ở chợ Mới. Cứ thấy bà cụp gánh nước thở hào hển, người cứ chúm về trước như sắp ngã là ai cũng tránh ra để nhường lối. Bây giờ, nhìn bà ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế xa-lông, tóc bạc bết mỡ hời trên trán, chị nao lòng. Không để ý tâm trạng của chủ nhà, bà cụp nhìn chị, nhoẻn nụ cười hiền: “Cháu Hiến giúp đỡ thằng Việt nhiều lắm, cô ạ. Tôi cảm ơn cháu và gia đình vô cùng”. Bà cụp mân mê bàn tay Hiến; thằng bé cúi đầu, bên lên.

Thôi chuyện với bà, chị nhìn kỹ Việt, giật mình nhận ra mặt và hai cánh tay nó xây xước nham nhở. Nó ngượng ngừng quay đi để tránh ánh nhìn của chị, lại đưa hai cánh tay xây xước giấu ra sau lưng. Chị nhìn thẳng mặt thằng bé, nghiêm giọng: “Cháu đánh lộn phải không?”. “Dạ, không”. Nó né tránh. Hiến nhanh nhẩu tiếp lời bạn: “Trầy xước của Việt

là vì con, đó mẹ”. Chị trố mắt: “Vì con!?”... Hóa ra, chuyến picnic ở thác Bồng mới rồi, con chị sẩy chân vào chỗ nước sâu, chới vớt. Việt nhảy xuống cứu bạn nên bị cào cấu te tua... Chị thở phào, đưa tay vuốt ngực. Bình tâm, chị nâng cánh tay còn rướm máu của Việt, nhìn nó triu mến: “Cô xin lỗi vì nghĩ oan cho cháu. Thế cháu biết bơi à?”. “Dạ, không. Nhưng lúc đó thấy Hiến chìm nên cháu hoảng quá, lao đại xuống. May là nhân viên cứu hộ của khu du lịch tới kịp, không thì hai đứa tiêu rồi!”. Chị ngửa mặt, kêu “trời”.

Không tin vào tai mình, chị cứ hỏi đi hỏi lại. Nghe hai đứa thần nhiên kể về tai nạn đã qua, chị rờn rợn, nổi da gà khắp người. Bồng Hiến chuyển câu chuyện qua hướng khác: “Bọn con định học bơi, mẹ ạ”. “Đúng rồi, phải học bơi!”. Chị hào hứng. Con chị tiếp luôn: “Mẹ cho học phí cả Việt nữa nhé?”.

Chị gạt đầu rồi dí ngón tay vào trán con, mắng yêu: “Chỉ được cái bệnh bạn!”. Họ cùng cười trong tiếng vỗ tay của hai đứa trẻ. ■



Tản mạn Phong lan

HẠT CÁT

Phong lan trong ký ức của tôi là những hình ảnh rực rỡ, thoát ẩn thoát hiện trên những con đường rừng heo hút. Có lúc tôi đã tưởng tượng đó là đôi hài cườm được ai đó kín đáo giấu trong khóm cây bên bờ suối. Có lúc chúng trông như những sợi dây chuyền trang sức, huy hoàng màu vàng vương giả, cheo leo chót vót trên vách núi đá khô cằn. Những hình ảnh và hương thơm chỉ thoáng qua một lần mà nhớ mãi, như người đẹp trong mơ để kẻ tha phương mang theo trên con đường vạn dặm. Rồi một câu hỏi cứ vẩn vơ trong đầu: Phong lan sống với ai? Ai chăm sóc, che chở cho em những khi mưa ngàn xối xả, những lúc “nước khe cạn bướm bay lên đá”?

Theo các cụ xưa thì phong lan chỉ sống nhờ gió sương, và cũng vì nếp sống thanh tao đó mà nhiều người cảm kích. Với bộ rễ không chấm đất, cũng không cắm vào thân cây khác để sống ký sinh, nếu bị ngập nước hoặc trống trong chậu không có lỗ thông gió thì chúng sẽ chết. Chúng chỉ sống bên bờ suối, những nơi sương mù bao phủ rừng cây vách núi, những nơi nhiệt độ trong ngày có lúc hạ thấp xuống để hơi nước đọng thành sương. Đưa về thành phố, cũng phải tạo ra được môi trường tương tự như thế, phong lan mới chịu sống, chịu đơm hoa.

Thật ra phong lan còn sống nhờ “bà con chòm xóm” trong cả cụm sinh thái thân thương. “Lá lành đùm lá rách”, lá các cây lớn hơn thường xuyên tạo ra độ ẩm để phong lan tồn tại và trưởng thành. Ngoài ra, các quá trình sinh hóa trong cây, trong đất có thể tạo ra những chất dinh dưỡng dạng hơi mà phong lan có thể hấp thụ được. Chơi với ta, cỏ cây vốn rất nhạy cảm với cách cư xử của ta. Thiếu nước, thiếu độ ẩm, cây đã ủ rũ như muốn chết. Nước mưa nhiễm axit, cây vàng lá hàng loạt. Thiếu ánh sáng, dù đang giữa trưa cây đã khép lá đi ngủ sớm. Đất có độc tố, các lá già thu hút chất độc về mình và biến thành thùng chứa chất thải, mép lá cháy dần cho đến khi lá rụng.

Tuy nhiên, kiếp phong trần của phong lan, của đoá hoa mảnh mai ấy vẫn làm tôi mãi suy nghĩ. Cho đến một lần kia, sờ soạng trong đêm tối, tôi giật mình khi bị một vật nhọn và cứng như sợi giấy thép đâm vào tay. Ai đã chơi khăm cắm nó vào chậu phong lan của tôi? Bật đèn lên xem thử mới biết đó là cái cuống hoa phong lan sắp sửa đâm hoa. Sờ đến lá, lại thấy cứng cáp hơn bất cứ loại lá cây nào khác. Và tôi đã hiểu: Dưới dáng vẻ mềm mại mỏng manh ấy là một tâm hồn và một ý chí thép... Dường như phong lan đã mang lấy cốt cách của mảnh đất quê hương đã sản sinh và nuôi dưỡng nó... ■

Một buổi họp mặt thân mật...

KHÁNH UYÊN

1 Phật sử ghi nhận suốt bốn mươi chín ngày sau khi chứng ngộ đạo Vô thượng, Đức Phật vẫn ngự trong vùng quanh cội bồ-đề nơi Ngài đã chiến thắng ma vương. Bấy giờ có hai thương nhân Tapussa và Bhallika ở vùng biên địa Ukkala hướng dẫn một đoàn 500 cỗ xe thương phẩm trên đường đến vùng Trung Ấn buôn bán. Vào ngày thứ năm mươi, Đức Phật ngồi thiền định dưới một cội cây ở về phía Nam của cội bồ-đề. Khi xe của đoàn thương nhân đi ngang khu vực đó, tự nhiên xe của họ dừng lại như bị lún lầy mặc dù đường đi vẫn bằng phẳng. Ngạc nhiên, Tapussa và Bhallika tìm hiểu và được Thiên nhân mách bảo có một vị Giác ngộ đang thiền tọa trong vùng. Họ tìm đến nơi và khi nhìn thấy người ngồi dưới cội cây, họ nhận ngay ra đó là bậc Giác ngộ. Họ quỳ xuống đánh lễ chân Phật rồi cúng dường vật thực. Đức Phật hoan hỷ nhận vật phẩm cúng dường; sau khi thọ thực xong, Ngài ban lời chúc lành đến hai thương nhân. Cảm thấy tràn đầy pháp lạc trước Đức Phật, hai vị thương nhân cung kính xin nương nhờ nơi Đức Thế Tôn và giáo pháp của Ngài, đồng thời xin Ngài ban cho “tín vật” để tôn thờ. Đức Phật đưa tay phải vuốt đầu; theo tay Ngài, có tám sợi tóc rơi xuống; Ngài ban cho họ tám sợi tóc ấy. Vì bấy giờ chưa có Tăng đoàn, hai vị thương nhân này là những đệ tử cư sĩ đầu tiên của Phật được quy y Nhị bảo.

2 Thương nhân là những nhà kinh doanh, ngày nay ta gọi là doanh nhân, những người có óc tổ chức, có sáng kiến, có năng lực, có tinh thần mạo hiểm, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, bỏ vốn để kiếm lời; nhưng trong hoạt động đó, họ góp phần mang lại sự tiến bộ của xã hội. Trong các câu chuyện kể về những tiền kiếp của Đức Phật, gọi là *Jataka*, người ta được biết ở rất nhiều tiền kiếp, Đức Phật xuất hiện dưới vai trò một doanh nhân, làm trưởng đoàn doanh nhân, chịu gian khổ, hy sinh, có từ bi, có trí tuệ, dẫn dắt đoàn người đi buôn vượt qua khổ nạn, đóng góp vào sự thịnh vượng của xã hội. Trong cuộc đời hoằng pháp của Đức Phật ở hiện kiếp, Ngài và giáo đoàn của Ngài cũng nhận được sự ủng hộ của vô số doanh nhân mà nhân vật nổi tiếng nhất là trưởng giả Anathapindika (Cấp Cô Độc). Doanh nhân là thành phần quan trọng của mọi xã hội, có vai trò xúc tiến sự phát triển của xã hội. Việc các

doanh nhân sống theo những lời dạy của Đức Phật chắc chắn sẽ mang lại lợi ích lớn lao cho xã hội một khi họ mở rộng tinh thần vị tha, tích cực thực hiện từ bi và trí tuệ trong hoạt động kinh doanh của mình.

3 Văn Hóa Phật Giáo là một tạp chí có mục đích phổ biến văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc với chủ trương góp phần xây dựng một xã hội hiền thiện trên tinh thần giáo pháp của Đức Phật. Với mục đích trên, *Văn Hóa Phật Giáo* cũng phải thực hiện những công việc của một doanh nhân, cũng phải tìm kiếm nguồn tài chánh để duy trì sự tồn tại của mình từ đó mới có thể thành tựu những mục đích và chủ trương của tạp chí. Quan hệ giữa Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* với các doanh nhân vẫn là một quan hệ chặt chẽ, lâu dài, có định hướng. Trong quá trình hoạt động gần chục năm qua, Văn Hóa Phật Giáo cũng có được sự ủng hộ của nhiều doanh nhân, cụ thể như người lãnh đạo Tập đoàn Tôn Hoa Sen và những vị quản trị, điều hành, tổ chức những doanh nghiệp vẫn thường xuyên có đăng quảng cáo trên mặt báo. Vừa qua, khi một khách hàng quảng cáo là Công ty Cổ phần Giao nhận Tiếp vận Quốc tế Interlog dự định thực hiện một chương trình chào mừng ngày Doanh nhân Việt Nam (13-10-2013) trong hoạt động Chăm sóc khách hàng của Công ty, vị Tổng Giám đốc Công ty có gợi ý VHPG tham gia tổ chức một cuộc hội thảo với đề tài Doanh nhân và Sức khỏe. Do khả năng hạn chế, VHPG chỉ xin được đóng vai trò ủng hộ về mặt tinh thần. Trong tình thân hữu, VHPG đã sắp xếp để lãnh đạo Interlog và bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc gặp nhau. Kết quả là cuộc hội thảo Doanh nhân và Sức khỏe do bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc làm diễn giả chính đã được Công ty Interlog tổ chức thành công vào sáng ngày 4-10-2013 tại trụ sở chính của Interlog, lầu 5, cao ốc Cảng Sài Gòn, số 3 đường Nguyễn Tất Thành, quận 4, TP.HCM.

4 Trong một hội trường ấm cúng ngay giữa môi trường làm việc của Công ty Interlog, đơn vị chủ nhà chuẩn bị đón khách từ đầu giờ sáng. Vị diễn giả chính cũng đã có mặt để trao đổi cách sắp xếp buổi nói chuyện cho có hiệu quả. Hội trường tuy nhỏ nhưng đầy đủ tiện nghi; không gian trình bày của diễn giả có sắp xếp màn hình để trình chiếu những hình ảnh liên quan đến nội dung diễn thuyết từ chương



trình Power Point mà bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc đã chuẩn bị sẵn. Những nhân viên trẻ của Công ty Interlog rất tự tin, chuyên nghiệp trong cách tổ chức buổi nói chuyện, giới thiệu chương trình hội thảo một cách thật duyên dáng. Khoảng 9 giờ, các vị khách lần lượt có mặt ngồi kín hội trường chứa đựng khoảng 50 người. Sau khi vị chủ nhà là ông Nguyễn Duy Minh nói vài lời mở đầu, ông giới thiệu ông Trần Tuấn Mẫn thuộc VHPG có đôi lời với thính giả trước khi bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc trình bày nội dung diễn thuyết chính. Ông Mẫn đã giới thiệu qua tiến trình tổ chức buổi hội thảo như trên.

5 Bằng một giọng thủ thỉ gần như tâm tình, diễn giả chính, bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, đã nhanh chóng giành được sự tin tưởng của thính giả khi ông bắt đầu buổi nói chuyện của mình bằng cách mời thính giả tham dự các trò chơi trí tuệ. Những tiếng cười ồ ả vỡ ra khi thính giả nhận được những lời giải đáp rất bất ngờ từ diễn giả đã làm cho không khí hội trường trở nên thân mật. Với sự chuẩn bị chu đáo, nội dung trình bày của bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc tuy đơn sơ nhưng đầy đủ, thể hiện được những nét chính của vấn đề sức khỏe đối với doanh nhân. Thông qua những hình ảnh được chọn lựa kỹ càng, thính giả nhận biết tác hại của stress – sự căng thẳng – đối với những người luôn phải chịu đựng áp lực công việc ở một môi trường có những thay đổi gần như từng giờ từng phút mà họ, những vị lãnh đạo các doanh nghiệp, thường xuyên đối mặt. Qua bài nói chuyện của diễn giả, người nghe cũng hài lòng về việc những giá trị mà họ mang lại trong công việc của họ được nhìn nhận ở góc độ tích cực, có lẽ cũng là điều giúp các doanh nhân ngày càng hướng tâm đến những giải pháp thực

sự đem lại lợi ích cho cộng đồng trong lúc tìm kiếm lợi nhuận. Phần chính của bài nói chuyện vẫn là những giải pháp liên quan đến sức khỏe trực tiếp của doanh nhân. Về phần này, diễn giả đã giới thiệu một phương pháp giảm căng thẳng tuyệt vời mà người xưa đã truyền lại, được Đức Phật nâng lên thành kỹ thuật hàng đầu trong việc tu tập giải thoát, kỹ thuật Anapanasati. Chỉ với những câu chữ nhẹ nhàng, Anapanasati được diễn giả giải thích cụ thể là *nhập tức xuất tức niệm* hay *thở ra thở vào với sự nhớ nghĩ chân chính*. Ông cho biết thêm đây cũng chính là kỹ thuật mà một vị tiền bối của ông, bác sĩ Nguyễn Khắc Viện (1913-1997), mới áp dụng chỉ một phần mà đã hết sức thành công trong việc chữa trị cho chính mình, một người lúc ngoài hai mươi chỉ còn hai phần ba lá phổi mà vẫn sống khỏe để cống hiến cho đời đến năm 84 tuổi; kỹ thuật “thở bụng” trong thuật ngữ của bác sĩ Viện. Trước một cử tọa tuy đa phần là trẻ nhưng đều thuộc giới trí thức, bài nói chuyện của bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc đã thực sự thành công trong việc khơi gợi một lối sống cân bằng cho những người lúc nào cũng tất bật với công việc, lo lắng với những trách vụ của người đầu tàu trong một doanh nghiệp, khơi gợi tinh thần *biết đủ* giữa một môi trường kinh doanh ngày càng khắc nghiệt.

6 Một buổi sáng thật nhẹ nhàng. Một buổi lễ chào mừng ngày Doanh nhân thật ý nghĩa. Không có tiếng cụng ly. Không ca nhạc. Không diễn từ. Chỉ có những trao đổi thân tình giữa những người biết nghĩ đến người khác, đến xã hội còn đang nghiêng ngả tìm một lối đi quanh mình. Hy vọng rằng tinh thần Doanh nhân sẽ ngày càng hướng đến những lời dạy minh triết của người đã từng Giác ngộ. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Đã hơn bảy giờ tối em mới phát hiện hồ sơ xin việc của em mà mười giờ sáng hôm sau phải mang đi nộp còn thiếu một số bản sao giấy tờ trong đó có bản sao giấy Chứng minh nhân dân. Chạy ra ngoài phố tìm mãi mới thấy có một cửa hiệu photocopy còn đang hoạt động, em vội vàng mang giấy tờ vào nhờ họ sao chụp. Và quả thật, em là người khách cuối cùng; sau khi sao chụp giấy tờ cho em xong, cô phụ trách cửa hàng cũng loay hoay đóng cửa hiệu. Nắm một đồng giấy tờ, bản sao có, bản chính có, em lái xe một tay, từ từ đạp xe về nhà. Đi được một quãng, ngang qua một quán cà-phê ven đường, em nghe có tiếng một thanh niên đang uống cà-phê gọi em. Nghĩ là có người trên chộc, em lặng lẽ dần sức đạp xe nhanh hơn. Đi được một quãng, em thấy có tiếng xe gắn máy đi sát bên cạnh, và ngay lập tức có tiếng người, “Có làm rơi giấy tờ, tôi gọi sao không dừng lại? Mà là giấy tờ quan trọng nữa chứ. Có phải cái này là giấy Chứng minh nhân dân của cô không? Lần sau thì phải nhớ giữ giấy tờ cho cẩn thận”. Người thanh niên đưa tờ giấy Chứng minh nhân dân của em cho em xong liền vọt xe tới trước rồi quay đầu xe, có lẽ anh ấy đã thấy rõ tấm thẻ rơi ra trong nắm giấy tờ mà em cầm trên tay; và sau khi gọi em không được, anh ấy lại có lòng nhặt lên và chạy theo trả lại cho em. Vậy mà khi nghe gọi, em đã có những ý nghĩ không tốt. Xin tòa soạn VHPP gửi lời xin lỗi và cảm ơn của em đến người thanh niên đã giúp em như trên vào buổi tối ngày thứ Hai 23-9-2013 trên đường Nơ Trang Long, đoạn từ Phan Văn Trị đến cầu Băng Ky.

Nguyễn Thị Huyền Anh, quận Bình Thạnh, TP.HCM

Chiều thứ Bảy vừa qua, ngày 28-9-2013, tôi đang từ tốn chạy xe gắn máy trên đường Hàn Hải Nguyên quận 11 thì từ phía sau có một thanh niên chạy xe loạng quạng thế nào quẹt vào xe của tôi khiến tôi suýt té. Cậu ta không thèm dừng lại mà phóng xe chạy thẳng. Tôi cảm thấy nóng mặt, định tăng tốc đuổi theo để mắng cho cậu ta một trận. Khi tôi vừa lấy lại thăng bằng thì phía sau lại có một người đàn ông lớn tuổi vượt lên ngang xe tôi. Ông ta nói, “Thanh niên bảy giờ chúng nó ẩu vậy đó. Quẹt xe người ta mà chẳng biết quay lại xin lỗi một câu. Không may mà gặp người nóng tính thì thế nào cũng có chuyện!”. Nghe ông ấy nói như vậy, tôi giật mình. Thì tôi cũng đã cảm thấy nóng mặt và muốn tăng tốc đuổi theo cậu thanh niên kia mà! Nghĩ là tôi cũng suýt thuộc loại người nóng tính! Nghe lời bình phẩm của người đàn ông đứng tuổi, tôi cảm thấy xấu hổ cho sự nóng nảy của mình, và thật may mắn là lời bình phẩm tỉnh cờ của ông ấy đã giúp tôi dừng lại kịp lúc. Xin cảm ơn những lời nhắc bảo của người đàn ông hôm ấy. Xin cảm ơn sự quan tâm của ông đối với việc tôi bị quẹt xe.

Châu Quốc Cường, quận 11, TP.HCM



Cung đường thờ Thánh tượng Thiên Nhân



Ông Chí Đạt, Trưởng ban Cai quản NTTT báo cáo và đại biểu tham dự lễ



GSTS Nguyễn Xuân Vinh, Đại học Colorado, Hoa Kỳ (nguyên thầy dạy ở Pétrus Ký) với cựu học sinh Nguyễn Hữu Nhơn (từ 1964-1971)



Hoạt động phòng khám bệnh NTTT

Tôn giáo bạn

ĐẠI LỄ KHAI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ NĂM THỨ 89 & LỄ AN VỊ THÁNH TƯỢNG THIÊN NHÂN

Bài, ảnh NGUYỄN BÔNG

Vào lúc 9 giờ sáng ngày 27-9-2013 (nhằm ngày 23-8 Quý Ty) tại 126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM, Ban Cai quản Nam Thành Thánh thất (NTTT) long trọng tổ chức ĐẠI LỄ KHAI SINH ĐẠO CAO ĐÀI năm thứ 89 và Kỷ niệm 20 năm NGÀY KHÁNH THÀNH PHÒNG KHÁM BỆNH NHÂN ĐẠO. Tham dự lễ có các anh chị lớn đại diện Hội Thánh Cao Đài: Ban Chính, Minh Chơn Đạo, Tiên Thiên, Chiếu Minh Long Châu, Tam Quan, Truyền giáo Đà Nẵng, Cao Đài Việt Nam, Bạch Y Liên Đoàn... của hơn 80 Thánh thất, Thánh tịnh, cơ quan và các tôn giáo bạn. Về phía chính quyền có sự hiện diện của quý vị khách quý đại diện: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch TP.HCM; Quận ủy, UBND, Ban Dân vận, UBMTTQ VN và Hội Chữ thập đỏ quận 1; Hội CTĐ tỉnh Trà Vinh; Viện Phát triển Giáo dục & Hợp tác Quốc tế, Trung tâm Unesco VH Thông tin Truyền thông, TT.Unesco Khoa học Nhân văn & Cộng đồng; Các Tạp chí Nhân Đạo, Văn Hóa Phật Giáo, Doanh nghiệp & Trang trại VN; Các báo Thanh Niên, SGGP, Giác Ngộ cùng các đài truyền hình VTV.9 và HTV.9...

Mở đầu buổi lễ, ông Chí Đạt - Nguyễn Hữu Nhơn, Trưởng ban Tổ chức, Chánh hội trưởng Ban Cai quản Nam Thành Thánh thất, thành tâm dâng hương lên đức Chí Tôn và 28 vị Tiên Bối Khai Đạo. Sau phần ôn lại lịch sử khai đạo là báo cáo kết quả 20 năm hoạt động Phòng khám bệnh nhân đạo NTTT... Và lúc 23g30 (Tý thời) Lễ An vị và Trấn thần Thánh tượng Thiên Nhân và các Nghi thờ đã được đoàn Thượng Hội và Ban Thường trực Hội Thánh Cao Đài - Bến Tre (Ban Chính) hành lễ. Buổi lễ đã diễn ra trong không khí trang nghiêm và ấm áp tình đạo nghĩa đời.

PHÒNG KHÁM BỆNH NHÂN ĐẠO NAM THÀNH

□ Thành quả của việc khám và chữa trị bệnh miễn phí: cho đồng bào và đồng đạo từ ngày 1-10-1993 đến 27-9-2013 = 20 năm (mốc thời gian từ Ngày Khai Đạo 23-8 Quý Dậu đến 23-8 Quý Ty) của PHÒNG KHÁM BỆNH NHÂN ĐẠO là: **5.047.970.531VNĐ** (Năm tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm ba mươi một đồng).

Gồm có:

- Khám và phát thuốc miễn phí : 1.481.910.871VNĐ
- Khám bệnh không dùng thuốc : 277.553.146VNĐ
(Châm cứu, bấm huyệt, Têrabol,...)
- Đóng góp quỹ người nghèo, cơ nhỡ, khuyết tật, chất độc da cam, cụ già neo đơn, nhà tình thương... : 1.612.861.373VNĐ
- Com chay XH, giúp Bồn đạo, SV nghèo, học bổng : 926.651.442VNĐ
- Chi phí Phòng khám (thủ lao & bồi dưỡng NV) : 748.993.699VNĐ

TỔNG KẾT CÔNG TÁC TTXXH NĂM ĐẠO 88

Từ tháng 10-2012 đến 9-2013, Phòng khám bệnh Nhân đạo Nam Thành Thánh thất đã thực hiện được những hoạt động từ thiện như sau:

- Ủng hộ bệnh nhân Khu Điều trị phong Bến Sắn, BD : 146.031.000VNĐ
- Tặng quà cho bà con nghèo vui Tết Quý Ty - 400 phần : 60.000.000VNĐ
- Khám, phát thuốc và tặng quà cho bà con nghèo Mỹ Bình, Tân Trụ, Long An - 320 phần quà : 42.188.000VNĐ
- Tặng quà cho bà con nghèo, trẻ em mồ côi và học bổng ở Đồng Tháp, Bến Tre, Nhà Bè - 400 phần : 109.119.378VNĐ
- Giúp đỡ, tặng quà cho những người già, trẻ em cơ nhỡ, mồ côi. : 71.900.000VNĐ
- Khám và phát thuốc miễn phí tại phòng khám bệnh : 82.696.000VNĐ
- Phụ cấp NV, dụng cụ, thuốc... cho các PKB bạn : 34.296.000VNĐ

Tổng cộng: 546.230.378 VNĐ

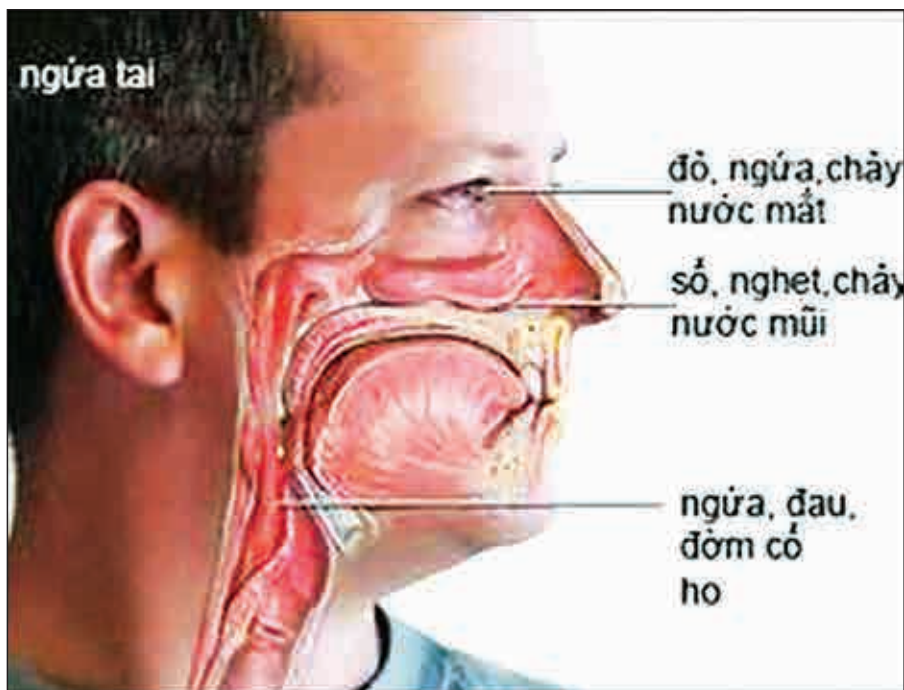
(Năm trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm ba mươi nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng)



Trao học bổng ở Phú Thành A (ĐT) - Tặng quà cho trẻ mồ côi chùa Phật Minh (BT) - Tặng quà ở Đồng Tháp

Phòng ngừa viêm mũi dị ứng

Viêm mũi dị ứng là biểu hiện tại mũi của bệnh dị ứng toàn thân, khi ấy niêm mạc mũi trở nên quá nhạy cảm với các tác nhân gây bệnh. Khoảng 20% dân số ở mọi lứa tuổi bị viêm mũi dị ứng. Tuy nhiên, đa số thường bắt đầu từ thời niên thiếu. Khả năng mắc bệnh cao hơn ở người hen, chàm, trong gia đình có người bị hen hay viêm mũi.



■ Triệu chứng của viêm mũi dị ứng

Tuy gọi là “viêm mũi” nhưng nhiều người có kèm theo các vấn đề của mắt, họng, tai. Thường ảnh hưởng đến giấc ngủ.

- Mũi: nhiều cơn hắt hơi trong suốt thời gian dị ứng, chảy nước mũi, nghẹt mũi (do chảy nước mũi, phù nề và sung huyết niêm mạc), ngứa mũi, chảy dịch sau mũi, mất mùi vị.

- Đau ở vùng mũi, vùng các xoang mặt và kèm theo rối loạn vận mạch vùng mặt.

- Mắt: ngứa, đỏ mắt, cảm giác như có sạn ở mắt, phù, thâm quầng mắt.

- Họng và tai: đau họng, khàn tiếng, sung huyết hay tiếng lộp bộp ở tai.

- Ngủ: thở mồm, hay thức giấc, mệt mỏi ban ngày, giảm khả năng lao động chân tay và trí óc.

■ Nguyên nhân gây viêm mũi dị ứng

- Viêm mũi dị ứng thường có liên quan đến yếu tố di truyền.

- Viêm mũi dị ứng gây ra bởi phản

ứng của mũi với các hạt nhỏ li ti trong không khí gọi là dị ứng nguyên (các chất gây ra phản ứng dị ứng). Ở một số người, các hạt này cũng gây ra các phản ứng ở phổi (hen) và mắt (viêm kết mạc dị ứng). Các dị ứng nguyên có thể là: phấn hoa (gây bệnh theo mùa hoa); sâu bọ (ve, bét, gián); nguồn từ động vật nuôi như mèo, chó (tế bào da chết, tuyến da, nước bọt, lông)... các bào tử nấm mốc, meo.

- Nhiễm trùng: cơ thể dị ứng với các độc tố của vi khuẩn.

- Môi trường, khí hậu: thời tiết thay đổi đột ngột, môi trường ô nhiễm...

- Bất thường về giải phẫu (như vẹo vách ngăn mũi), viêm tai hay viêm xoang, đa polyp mũi... dễ kích thích làm bệnh phát sinh.

Tùy theo nguyên nhân gây bệnh, viêm mũi dị ứng có thể xảy ra theo mùa hoặc luôn tái diễn quanh năm. Viêm mũi dị ứng quanh năm có xu hướng khó trị hơn.

■ Điều trị

- Cải thiện môi trường, tránh hoặc hạn chế tiếp xúc với nguyên nhân gây dị ứng. Tuy nhiên, điều này khó thực hiện vì nguyên nhân gây dị ứng thường không rõ ràng.

- Lựa chọn thuốc phù hợp.

- Phẫu thuật: chỉnh hình vách ngăn, phẫu thuật nội soi mũi xoang...

- Miễn dịch liệu pháp: bao gồm giảm phơi nhiễm kết hợp với dùng thuốc (nước biển xịt hoặc xông bụi, các glucocorticoïdes đường mũi, các antihistamines uống và các thuốc chống sung huyết).

Lưu ý: một vài thuốc kháng viêm có thể gây ra các triệu chứng của viêm mũi dị ứng.

■ Phòng ngừa

- Hạn chế các yếu tố nguy cơ: tiếp xúc các dị ứng nguyên, môi trường ô nhiễm...

- Tránh stress, tránh các chất kích và giảm sử dụng thuốc aspirin.

- Cẩn thận khi thời tiết thay đổi, điều tiết độ ẩm và độ ẩm để phòng ngừa viêm đường hô hấp.

- Giữ vệ sinh mũi, thường xuyên dùng nước ấm hoặc nước muối sinh lý để rửa mũi, tránh hít khói thuốc lá.

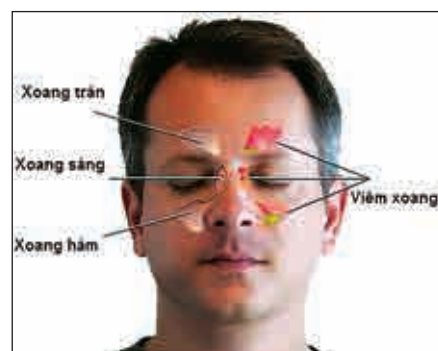
- Thường xuyên rèn luyện thân thể nâng cao sức đề kháng của cơ thể.

BS. TRẦN THIÊN TÀI

Phòng khám lấy da - miễn dịch

dị ứng BV ĐHY Dược TP.HCM

(Nguồn: Báo SGGP)



Ảnh có tính minh họa

Đang phát hành **VĂN HÓA** PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 1 năm 2013**
từ số 168 đến số 179
giá: **210.000đ/cuốn**



Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:
Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ	2010 (2 tập): 380.000VNĐ
2009 (2 tập): 360.000VNĐ	2011 (2 tập): 420.000VNĐ
2012 (2 tập): 420.000VNĐ	

LỚP HƯỚNG DẪN

Tâm Thư Pháp

Thư pháp theo phong cách **Thiền Phật Giáo**

- **Khai giảng: ngày 1 và 15 mỗi tháng**
- **Tại chùa ĐẠI HẠNH:**
107/4 Ngô Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- **Thời gian học:** Từ 8 giờ đến 10 giờ sáng thứ Hai hoặc Chủ nhật hàng tuần
- **Học phí:** 200.000đ/1 học viên/1 tháng
- **Nhận tổ chức triển lãm Tâm thư pháp cho các đơn vị có nhu cầu (miễn phí)**
- **Liên hệ:** Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825**
(gặp Thầy Chính Trung)



○ Ngọc Thạch anh (Quartz crystal)
○ Ngọc Mã não xanh Ấn Độ (green Agate)
○ Ngọc Bích Phật Ngọc (Nephrite Jade)
○ Gỗ hóa thạch ngọc (Fossil Wood)
□ Chuyên: chuỗi - tràng hạt, tượng Phật - Linh vật điêu khắc từ đá bán quý - trang sức đá quý.
100% hàng THIÊN NHIÊN (có giám định Viện Địa Chất Đá Quý)

Sản phẩm Ngọc của COASTAL GEMS được bán tại:

* Showroom COASTAL GEMS:

86 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q.Tân Bình, TP.HCM
Tel: 08. 62784225 - 22465169

* Gian hàng COASTAL GEMS:

Siêu thị Citimart tòa nhà Etown - Cổng 6
364 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Tel: 08. 22174726

Hand-phone: 0938 849 886 - 01228 986 668 (Mr. Duy Pham)

* Website bán hàng online:

www.daphongthuy.com.vn
www.coastalgems.com.vn
www.ngocbichvn.com



CÔNG TY TNHH TM XD XNK NGÔI NHÀ ĐẸP

SHOWROOM: NGÔI NHÀ ĐẸP TOTO

253 Nguyễn Thị Thập, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM
Hoặc: 68/100 Đồng Nai, P.15, Q.10, TP.HCM

- **Chuyên cung cấp:** Thiết bị vệ sinh và trang trí nội thất với mẫu mã đa dạng đẹp, sang trọng, tốt...
- **Đặc biệt hỗ trợ tối đa đối với:** Chùa, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất và các anh, chị Phật tử.
- **Xin vui lòng liên hệ:**
Ms. Thủy (Pd. Nguyễn Trúc) - 0903 962 646
Ms. Hồng - 0163 4898 903 - 3771 9772 - 3771 8772



XUỞNG ĐIÊU KHẮC ĐÁ MỸ NGHỆ MỸ HẢO

Chuyên điêu khắc đá:

- **Tượng Phật giáo:** Các tôn tượng Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật Dược Sư, Quán Thế Âm Bồ-tát, 18 vị La Hán, Đạt Ma Tổ sư và phù điêu Phật giáo...
- **Trang trí sân vườn:** Tiểu cảnh, bàn ghế, đèn vườn, đài phun nước...
- **Sản phẩm khác:** Tượng Phúc Lộc Thọ, tượng Chăm, tượng thú, tượng chân dung...

Vui lòng liên hệ: Nghệ nhân Nguyễn Đức Thìn,

225, tổ 6, ấp Thiên Bình, xã Tam Phước, Long Thành, Đồng Nai.

ĐT: 098.9212189 – Email: dieukhacdamyhao@gmail.com

Website: www.tuongdamyhao.com



DHARMA GARDEN
website: www.phapuyen.com – email: lienhe@phapuyen.com



NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasach@phapuyen.com

QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 35 035 579 – 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT: (08) 36 026 650 – 0919 190 177

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 36 026 818 – 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ, quả lưu niệm, pháp phục Tăng Ni, cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 – 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐB: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tím đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lư:

- Móc khóa, quả lưu niệm
- Quả tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766



Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com

□ Quý độc giả có nhu cầu **QUẢNG CÁO**

○ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Sương**

○ **ĐTĐD: 0918 032 040**

✉ Email: thusuong69@gmail.com

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

Vien Giác Thiền Tu
Kính Mừng Đại Lễ Vía Bồ Tát Quan Thế Âm
Kỷ Niệm 17 năm Thành Lập Viên Giác Thiền Tự
Khánh Thành Giai Đoạn I

Thư Mời

Kính Gởi Các Ban Ngành Đoàn Thể Hữu Trách Đạo Đời, Quý Công Ty, Xi Nghiệp, Các Doanh Nhân, Các Mạnh Thường Quân, Và Quý Thiện Hữu Tri Thức, Nam Nữ Phật Tử Xa Gần

Nhân ngày vía Bồ Tát Quan Thế Âm, Viên Giác long trọng tổ chức khánh thành giai đoạn I, khởi công giai đoạn II sẽ diễn ra vào ngày 18-19/09 Quý Tỵ (22-23/10/2013) nhân ngày vía Bồ Tát Quan Thế Âm, và ngày kỷ niệm 17 năm thành lập Viên Giác Thiền Tự.

Trong giai đoạn II có một công trình rất ý nghĩa, mang tính chất lưu giữ lâu dài đó là bộ kinh Phổ Môn, bộ kinh Kim Cang khắc trên đá hoa cương nguyên khối, và tượng đài Quan Thế Âm Bồ Tát cao 19m bằng đá hoa cương nguyên khối, lễ đài với chiều rộng dài 37m, chiều dài 12m trong đó con số 19 tượng trưng cho ngày vía Quan Thế Âm Bồ Tát, con số 37 tượng trưng cho 37 phẩm trợ đạo, con số 12 tượng trưng cho 12 lời nguyện của Quan Thế Âm Bồ Tát, và $37+12=49$ tượng trưng cho 49 năm thuyết pháp của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni.

Nhất tâm cầu nguyện Hồng Ân Tam Bảo, Công Đức Lâm Bồ Tát chứng minh, Thiên Long Hộ Pháp gia hộ cho quý vị vạn sự an lành, cát tường như ý và công trình sớm được thành tựu viên mãn.

LIÊN HỆ:
 SĐT: 061 268 6837-061 221 8956
 090 395 2066 (Sa môn Thích Giác Hiểu)
 Website: www.viengiacthientu.com.vn
 Facebook: [chuandevuong](https://www.facebook.com/chuandevuong) - [vgtt.thichgiachieu](https://www.facebook.com/vgtt.thichgiachieu)
 Email: chuandevuong@yahoo.com

Ngày 01 Tháng 09 Năm Quý Tỵ
 Trụ trì Viên Giác Thiền Tự


Sa Môn Thích Giác Hiểu



Mô hình: Tôn tượng Quan Thế Âm Bồ tát cao 19m, chính diện



Tổng thể cảnh quan của tượng đài



Tôn tượng Di Lặc sắp hoàn thành

Các công trình đang thi công, các hình bên dưới...





Chương trình Tỏa sáng nghị lực Việt
"Tôn vinh những Nick Vujicic của Việt Nam"
TÔN HOA SEN ĐỒNG TỔ CHỨC CUỘC THI VIẾT:
"Gương nghị lực phi thường"

Bài viết gửi về email:

* ngihilucphithuong2013@gmail.com

* ngihilucphithuong@thanhvien.com.vn

Vui lòng truy cập www.toasangngihilucviet.vn



TÔN HOA SEN - Mái ấm gia đình Việt



www.hoasengroup.vn